

PHỔ THÔNG

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Năm thứ XII
1-11-1969

233

NGUYỄN-VỸ

- Thư gửi Trương-Từu, Hà Nội.

PHẠM-VĂN-SƠN

- Nữ điệp viên của Phan-đình-Phùng

BÀNG-BÁ-LÂN

- Việt-Bút dự Hội nghị Văn-bút quốc tế

THU-MAI

- Quán Gió, Quán Mai, Quán Giao-Chỉ

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

- Phong hóa miền Nam

Bà NG. KHẮC TIẾN-TÙNG

- Lá thư Đức quốc (Munich, Tây Đức)

Phụ trương ngoại ngữ : HUỖNH-KHẮC-DỤNG

- En marge d'une Désintégration

NGUYỄN-THUỘC

- Dalat University Coed s Coffee shop

ĐẶC
BIỆT

Từ thôn quê đến thị thành
SI, Nông, Công, Thương chày dành NEURO

CORNELL
UNIVERSITY

JAN 6 1970

LIBRARY

NEUROTOMIC

- ★ BỒI BỒ ỐC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ BẢO VỆ SINH LỰC

ap-chí văn-hóa việt-nam và quốc-tê

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VẠN-HOÀ VIỆT-NAM
PHỔ BIẾN VẠN HÒA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ bút; Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 233 — I-II 1969

1 — Thư gửi Trương-Tửu, Hà Nội	Nguyễn-Vỹ	5 — 10
2 — Hoàng đế Phan-xích-Long (t.t)	Đông-Tùng	11 — 18
3 — Trôi giạt trên biển cả (t.t)	Lê giang-Nam	19 — 24
4 — Transistor lỗi thời	Chu-minh-Thụy	25 — 27
5 — Những chiều ly hương (thơ)	Minh Cang Thương-hoài-Thương	28
6 — Người nữ điệp viên của cụ Phan đình-Phùng	Phạm-văn-Son	29 — 35
7 — Bang giao giữa Cao-Miên	Lê-Hương	36 — 44
8 — Hồ Xuân Hương	Nguyễn-Vỹ	45 — 51
9 — Việt-Nam tại Hội-Nghị Văn Bút Băng-Bà-Lân		52 — 58
10 — Đêm mưa mùa hạ (truyện ngắn)	Thu-Mai	59 — 66
11 — Mưa hoàng hôn (thơ)	Thu-Trang	67
12 — Phong hóa miền Trung	Lê-thị-Thảo	68 — 72
13 — Phong họa miền Nam	Bình-nguyên-Lộc	73 — 76
14 — Phong hóa miền Bắc	Cao-nguyên-Lang	77 — 82
15 — Paris dưới mắt một du khách V.N	Trương-thế-Phiêu	83 — 89
16 — Rabindranath Tagore	Thanh-việt-Thanh	90 — 99

17 — Xem thơ Nguyễn-Lang	Lan-Đình 100 — 102
18 — Sinh hoạt trẻ	Thu-Mai 103 — 106
19 — Thác loạn (t. theo)	Thương-Lâm-Tuyên 107 — 113
20 — Khóc nữ thi sĩ tài hoa	
Mộng-Trung	Tôn nữ Hỷ Khương 114 — 117
21 — Sinh khi văn nghệ	Hoàng Thắng 118 — 125
22 — Minh ơi	Diệu-Huyền 126 — 133
23 — Con bạch Nga	Tin-Khanh 133 — 137
24 — Suy tư (thơ)	Thiện-Thư 138
25 — Thơ lên ruột	Diệu-Huyền 139 — 142
26 — Lá thư Đức Quốc, Bà Ng-khắc-Tiên-Tùng	143 — 147
27 — Bạn đọc gởi về tòa soạn	146 — 149
27 — En marge d'une...	Ng-khắc-Dung 150 — 154
29 — Dalat university co-ed's coffee	Ng-Thuộc 155 — 159
30 — Phổ-Thông năm thứ 12 (thơ)	Nguyễn-Vỹ 160



Sở này kỷ-niệm

PHỒ-THÔNG

năm thứ 12

1-11-1969

Giá : 40 đồng
Công sở : gấp đôi

Gởi Trương-Tửu, Hà-nội

TỬU thân-mến,

Đã nhiều lần nhớ anh quá, tôi muốn viết thư thăm anh. Tôi đoán chừng rằng ở ngoài ấy có lẽ anh cũng nhớ tôi và đôi khi cũng muốn viết thư cho tôi. Nhưng chưa bao giờ anh và tôi có thể liên-lạc được với nhau, thật là một điều vô-lý nhất và ngu-xuẩn nhất của Lịch-sử. Bắc Nam đôi ngả, hai đứa mình, hai thằng «bạn nối-khở» từ ba-chục năm xưa, dành mỗi đứa một nơi, ôm riêng một mối hận lòng. — tưởng gì, — vẫn là mối hận chung của Non-Nước Việt-Nam từ ba-mươi năm cũ !

Nay tôi muốn trao thư này cho mây, cho gió, đưa về Hà-nội thân-yêu, Hà-nội của chúng ta, gởi anh đôi lời tâm-sự.

Thật ra, anh và tôi đều không có thay-đổi gì. Cả thế-hệ đã biết anh và biết tôi, và đã mền chúng ta, vẫn không có gì thay-đổi. Vẫn những xao-đồng ấy của Lịch-sử đã gây ra những dầy dò đau-đớn ấy trong lòng người. Hân anh còn nhớ tôi đã viết trong tờ *Le Cygne* của chúng ta dạo ấy : «*Où vas-tu, jeune homme ?*», và anh đã dịch : «*Bạn Trẻ, Người Đi Đâu ?*». Chắc ngày nay đọc lại, anh không thẹn những lời anh đã dịch, và tôi những câu đã viết.

Vẫn lòng khao-khát Tự-Do và Giải-Phóng đã xui-khiến chúng ta đi tìm chung nguồn cảm-hứng ấy. (*Oui, c' est la même soif de Liberté et de Délivrance qui nous a amenés à rechercher la même source d' inspiration*) Tôi chỉ nhắc lại câu mà chúng ta đã nói với nhau khi mới gặp nhau trên căn lầu đường Bichot, một ngày tháng 9-1932.

Anh và tôi, đều đã chơi thân với Võ-Nguyên.

Giáp, Đặng-xuân-khu, ngày nay là Trường-Chính và Trần-Huy-Liệu. Tôi đã giới-thiệu anh với mấy, bạn ấy, chính vì lúc đó họ cũng đi tìm Tự-Do và Giải-Phóng như chúng ta, trong một thế-giới gần như bùng-bít mà chiếc mũ thuộc-địa của những kẻ chinh-phục đã in bóng đen-xi nặng trĩu trên cỏ cây non-nước Việt !

Tự-Do ! Giải-Phóng !

Hai danh-từ đẹp-để làm sao, đã ru giấc mộng thư-sinh của tôi mình !

Tự-Do ! Giải-Phóng !

Hai vị Nữ-thần mà chúng ta đã tôn-thờ với một lòng thành-kính vô hạn, trong Thần-thoại của Hoa-niên !

Nhưng anh và tôi, mắt nhìn mắt, đã căn-dẫn cùng nhau : «Tự-Do Giải-Phóng, chúng ta sẽ có ! Chúng ta sẽ có với giá rất đắt, nhưng thà chết chứ không sống không Tự-Do !» Mĩa-mai thay ! Tự-Do và Giải-Phóng, mà chính Văn-hóa Pháp đã chỉ nguồn gốc cho chúng ta, tôi đã đi tìm nó trong lao-tù của thực-dân Pháp ! Còn anh, anh đi tìm Tự-Do và Giải-Phóng trong rừng Văn học mê-mộng đầy rậm của Hy-Lã. Rồi anh lang-thang trong những Steppes đá-hăng của Nga-Âu.

★

Ba chục năm qua, tôi tưởng anh và tôi đều đi lạc đường, mỗi đứa một ngã, không bao giờ gặp nhau lại được nữa ! Tôi buồn, nhớ anh, thỉnh-thoảng ngâm lại bài thơ *Gửi Trương-Tửu*, để chấp nối chút tình lưu-luyến chỉ sợt tan vỡ với thời-gian. Tôi cứ tưởng anh đã đi xa tôi rồi ! Hoặc xa lập tới một cõi «Thiên-Đường» nào đó, hoặc xa lạc vào một cửa địa-ngục nào kia. Tôi ngong ngóng nhìn về phương Bắc, tìm kiếm bóng anh. Và tìm kiếm bóng Thần Tự-Do Giải-Phóng.

Đâu đó, tôi đã gặp lại anh ! Tôi đã gặp lại bóng anh qua một bức màn tre rậm rạp, nhưng tôi đau-dồn nhìn thấy anh nét mặt âu-sầu tiêu-tuy quá ! Trông đôi mắt anh ngỡ-ngác, nghe tiếng nói của anh vẫn còn cái giọng học hặc càm-hờn xưa ! Ủa ! Trương-Tửu, 30 năm qua anh vẫn chưa tìm được Tự-Do và Giải-Phóng ư ?

1938, anh đã hơi khuynh-hướng về học thuyết Mác-xít, và có lần anh đã bảo tôi : «Tôi chưa hiểu hết chủ nghĩa của Karl Marx, nhưng tôi có cảm-tưởng hình như nó là con đường duy nhất đi đến Tự-Do và Giải-Phóng loài người.» Tôi mỉm cười, không tin anh. Lần đầu tiên tôi không tin anh. Tuy-nhiên tôi hiểu rằng dưới chế-độ thực-dân của Pháp và phong-kiến của Triều đình Huế, mà chúng ta đã chán-ghét hết, nguyên-rửa hết càm thù hết, có lẽ anh đã tìm thấy ở chủ nghĩa mác-xít mới mẻ kia một lối thoát cho tâm-hồn của anh chăng ? Biết tình nóng-nảy của anh, tôi lại thấy anh hơi vội-vàng, nhưng tôi cứ để yên anh đi tìm lý-tưởng Tự-Do theo biện chứng pháp của Mác-Lê. Còn tôi, bởi tôi không tin, nên tôi tiếp-tục tranh đấu bằng ngòi bút, tự giải phóng cho mình và giải phóng Dân-tộc bằng Tự-Do trong lý-tưởng Quốc-Gia. Nhưng tôi lại khờ-khạo tin tưởng rằng ngòi bút của uất-hận có sức mạnh bén hơn lưỡi gươm của quân thù !

Bốn năm trong ngục tối, tôi nằm nghiền-ngẫm mãi ý-nghĩ sai-lầm kia ! Và tôi cũng mừng thầm rằng có lẽ Trương-Tửu đã tìm được TỰ-DO và GIẢI-PHÓNG trong triết-ly cách-mạng của Marx-Engels chăng ?

★

Tò ra tôi lắm, mà anh cũng lắm !

Nhưng tôi khâm-phục anh lắm, Tửu ạ ! Tôi khâm-phục lòng can-đảm hùng-dũng của anh đã

đam kêu to lên làm-lỗi của mình.

Trong lúc hàng vạn người ở Nga-xô và Đông-Âu, như Kravchenko, như Svetlana, đã chạy đi kiếm Tự-Do dưới mặt trời xa lạ, thì ở miền Bắc Việt Nam, anh, Trường-Tửu, quyết đứng yên một chỗ, dầm chân lên đất Mẹ, kêu to lên tiếng căm-hờn của trái tim nổi loạn! Anh xứng-đáng với anh lắm.

Tôi đã đọc mấy bài văn hùng-biến của anh viết trong một tập văn-nghe ở Hà-nội, hồi mấy năm trước. Tôi đã nhận thấy anh đau khổ vô cùng! Anh thét lên những lời đánh-thép, nghe rồn-rảng như grom như đao, y hệt như hồi chúng mình còn ở Khâm-Thiên. Nhưng tôi lại có cảm-tưởng như đêm nay, 11 giờ khuya, lúc tôi ngồi viết thư này cho anh, anh đang ngồi gục đầu xuống đất, đầu tóc bơ-phờ, mệt lả người, và tuyệt vọng!

Tôi thấy anh giống một nhân-vật trong «La Comédie Humaine» của Honoré de Balzac, hay là Dante Alégieri trong *La Divine Comédie*?

Tửu ơi, có phải là «Ảo tưởng đã mất» chăng? — *L' Illusion Perdue*, và mất giữa rừng khuya đêm thắm trên một Thiên-đường Ma của nhà Thi-sĩ Ý?

Tôi càng thương anh nhiều và phục anh lắm, Trương-Tửu ạ!



Anh đoán thử xem tôi ngồi viết nơi chiếc bàn này ở đâu? Không phải trong một biệt thự nguy nga giữa trái tim của Sài-gòn tráng lệ đâu, anh ạ. Cũng không phải trên tầng lầu «học trời» của một bin-din Mỹ. Nhưng trong một gác trọ chật-hẹp tối mươn của một gia đình lao động, còn hẹp hơn và tối hơn căn phòng trên gác trọ ở Khâm-Thiên mà anh với tôi đã cùng sống với nhau suốt mấy năm trời.

Cũng như hồi ở Hà-nội, tôi vẫn «cuốc bộ» ngày hai buổi đến tòa-báo của tôi. Tôi không xài dollar Mỹ, tôi không có xe hơi Hue-ký, như anh và Lưu-trọng-Lưu, Nguyễn-Tuân, Chê-lan-Viên, có thể tưởng tượng.

Tôi hiện nay vẫn không phải là một nhà tư-bản.

Vẫn không là một nhà văn trưởng-giả, như ở Hà-nội chúng ta đã từng chê bai trào phúng bọn *Phong-Hóa và Tân-Dân*.

Tôi vẫn là tôi như thuở xưa. Con người nghệ-sĩ không thời gian.

Tôi vẫn là lao động của tri-óc, đôi khi cảm thấy còn nghèo hơn cả Lao động Chân-Tay, ở đất Sài-gòn quốc-tế này, Vương quốc của Dollar, của ăn chơi và xa-xỉ. Nhưng tôi không làm bởi cho ai cả. Tôi không hề phải cụp xương sống trước một cường quyền nào cả. Và tôi được thụ hưởng và bảo-vệ những TỰ-DO của tôi, trước hết là Tự-do được TỰ-DO. Và Tự-Do được Lương thiện. Và Tự do được Nghèo.

Tôi nói như thế để anh và những anh em Văn-nghe khác ở Hà-nội biết rằng không phải nhà Văn ở miền Nam đều là «bồi-bút». Một số Văn-nghe-sĩ chân chính ở đây vẫn sống thanh-bần và tự-do, thuần-tủy phục vụ Văn-Hóa Dân-tộc mà không bị một ảnh-hưởng tinh thần, vật chất hay một áp-lực ngoại-lai nào cả. Tôi vui mừng nhận thấy rằng thái-độ của anh cũng chứng minh sự hiện-diện ở thủ-đô Bắc Việt một thiểu-số người còn tha-thiết yêu chuộng Tự-do như chúng tôi.

Sự kiện đó khiến tôi thường tự hỏi: các nhà Văn Việt Nam ở hai miền Nam, Bắc, có thể nào góp sức xây dựng một Văn-hóa thuần túy Dân tộc, giữa hai ý thức hệ Xã hội Chủ nghĩa và Tư bản Chủ nghĩa hay không? Và không bị ảnh hưởng bên nào?

Tôi đặt ra câu hỏi đó với anh và anh em Văn nghệ miền Bắc, mặc dầu tôi biết rằng câu trả lời không dễ dàng mau chóng.

Đúng, ra, tôi chưa thật được Tự-Do hoàn toàn và Giải Phóng hoàn toàn trong tâm-hồn. Tự-Do và Giải Phóng mà anh và tôi hằng khao-khát từ 30 năm xưa. Nhưng dù vậy, tôi vẫn giữ được tôi nguyên vẹn của tôi. Tôi đã giữ được cái đầu của tôi không bị bàn tay nào bóp nát. Tâm hồn của tôi không bị ai cướp. Trái tim của tôi không bị dẫm lên. Tôi còn giữ được cả những giấc mơ huyền diệu của con người Văn-nghệ Bạch-Nga thanh khiết.

Và những hạt giống lành mạnh của Tự-trưởng, tôi vẫn gieo trong bốn gió, từ nơi cửa sổ mở rộng trước không gian.

Trương Tửu ơi,

Đêm nay, nhớ anh, tôi thương anh và tôi phục anh vô bờ bến. Nếu tôi bị mất một kỷ niệm nào cao quý nhất trong đời tôi, kỷ niệm ấy là anh. Nếu mai kia anh chết, không những tôi khóc riêng một mình anh, mà tôi sẽ khóc cả cho thế hệ những kẻ, mà anh là tiêu biểu, đã CHẾT CHO TỰ DO, và chết mà không thực hiện được một cái gíchô Văn Hóa Dân tộc, thuần túy Việt Nam, trong Giai đoạn hiện nay.

Bạn của anh.



Quốc Lịch 4848, Kỷ nguyên Rồng-Vàng.

VIỆT-SƯ CẬN-KIM



« Hoàng - Đế »

PHAN-XÍCH-LONG

âm-mưu

đánh đuổi Tây
ra khỏi Saigon
(1911—1913)

● ĐÔNG-TÙNG

(Tiếp theo P.T 232)

LẠI có lần Phan-phát-Sanh ngồi uống rượu cho một người càn súng bắn vào mình.

Sanh giờ tay bắt đạn, liệng xuống đất. Những kẻ dân đến dự khán thấy phép nhiệm màu như vậy lại càng phục và quý xuống

lạy «đấng cứu thế» sẽ khôi phục giang sơn.

Họ có dè dặt phép nhiệm màu trên đây cũng là một cách sắp đặt khôn khéo : Lúc bắn súng thì không có bì đạn, chỉ có thuốc nổ mà thôi, còn bì đạn thì Phan-

PHỔ-THÔNG — 233

11

phát-Sanh đã cầm sẵn trước lòng bàn tay, khi nghe tiếng nổ rồi, Sanh liệng bì đạn xuống đất.

Người dân sẵn óc mê tín, không suy xét vội vàng tằm tắc khen phục: «Chà ! Người nhà Trời có khác. Nền tượng đồng da sắt súng bắn không lũng, còn giờ tay bắt đạn ra bên !»

Nhờ những mảnh lời khôn khéo đại khái như trên đây đã đánh mạnh vào lòng mê tín của quần chúng, nên một thiếu niên 20 tuổi xuất thân ở một giai cấp bình-dân, đã tham phục trong tay một số dân ở 13 tỉnh trong xứ Nam kỳ.

Lắm người tin tưởng ở Phan-xích-Long qua tin như các tin đồn tôn giáo vậy. Một Hương sư ở Chợ-lớn tên là Nguyễn-văn-Tài không những nhập đảng mà còn bắt cả hai con trai là Nguyễn-văn-Của và Nguyễn-văn-Tiền theo mình nữa ; cậu Tiền mới có 14 tuổi, nào có hiểu gì đến quốc sự ! Lúc bị bắt ra tòa Hương sư Tài vẫn còn khai một cách kính cẩn : «Tôi vẫn tin tưởng ở Hoàng đế

Phan-xích-Long vì Ngài đạo mạo rõ ra một đấng Thiên tử siêu phàm, Không ai có thể làm cho tôi hết tin Ngài được».

Lại còn một vị hội đồng quân hạt, 67 tuổi, đầu đã bạc, mà cũng bỏ ra 3.000 đồng giúp cho đảng Phan-xích-Long. Ông Hội đồng ấy lúc bị bắt có khai rằng ông tín ngưỡng đạo Phật quá nên thấy Phan-phát-Sanh có nhiều phép nhiệm màu thì tin là một đấng chí tôn trên Thượng giới phải xuống trần.

Một điều lạ nữa là Phan phát-Sanh còn có cao vọng tham phục đến... dân Huê kiều trong Chợ lớn nữa. Một người khách trú lại tên là Hứa-Long, biệt hiệu là Song-Tôn đã xin nhập đảng. Anh ta vốn sẵn lòng ghét người Pháp nên rất tin cậy ở Phan-xích-Long để mưu tính chuyện đánh đuổi Pháp. Anh bỏ ra 1.500 đồng để quyên vào quỹ của đảng.

Hơn nữa, Hứa-Long còn lãnh một lá cờ lệnh có thêu hai chữ «Thất-Phủ» do đảng Phan-xích-Long giao cho, dùng để triệu tập

bất bang trong giới Huê Kiều khi nào đảng bắt đầu cuộc khởi nghĩa. Anh ta còn nhận lấy trách vụ sau này gián tờ bích của «Hoàng-đế» ở các chùa tàu trong Chợ-lớn đăng hiệu triệu Huê kiều hưởng ứng với dân Việt-Nam.

Vào khoảng năm 1911 — 1913 những số tiền 1.500đ và 3.000đ đều là những món tiền rất lớn. Có người dám bỏ ra là cũng vì họ tín ngưỡng triệt để ở Phan-phát-Sanh vậy.

Trên đây là kể một vài trường hợp riêng để bạn đọc thấy rõ dân trí bời ấy ra sao.

Còn những lớp quần chúng cổ nhiên là lại càng mê tín hơn nữa.

Phan-xích-Long làm ra những lá bùa, phát cho đảng viên, thứ thì đốt ra tro uống với nước mưa thứ thì đeo ở trong áo. Những lá bùa ấy theo lời tuyên truyền của đảng, sẽ giúp cho thân người ta không thể nào súng bắn lũng được.

Nhưng còn phải bận một cái áo cụt trắng, một cái quần trắng

cho tâm hồn trong sạch thì bùa mới linh nghiệm. Vì vậy đảng viên đã sẵn sàng một bộ đồ mới chẳng khác nào một bộ nhung y, rồi chờ ngày xuất trận.

Thâu phục được lòng mê tín của quần chúng rồi, bộ tham mưu của Phan-xích-Long công khai thiết triều ở ngay Saigon — Chợ lớn.

Ở Saigon thì trào đình lập ngay tại tiệm cà-phê của đảng ở đường Bourdais. Ở Chợ-lớn lập tại tiệm sửa xe máy đường Thuận-Kiều. Trong một căn phòng nhỏ đốt đèn nến uy nghi, khói trầm thơm ngát, trên bệ rồng cao ba cấp có cái ngai sơn son thếp vàng. Hoàng-đế Phan-xích-Long ngự trên ngai bận áo rồng vàng, đội mào, mang hia, đứng một vị thiên tử ở thời phong-kiến. Những cận thần như Hương trưởng Ngọc-hương chủ Phước, đều lãnh những quyền cao, chức trọng, ngồi hầu hai bên.

Các đảng viên lần lượt vào bái yết phủ phục trước bệ rồng. Rồi người vãi uân, người nẩy

chục, những số tiền bỏ ra quyền giúp vào đảng thâu được khá nhiều.

Trong ba năm trời dự bị như trên đây kể ra cũng có tánh cách một hội kín, nhưng hành-dộng vẫn còn bực lộ lắm, đảng Phan-xích-Long kể về phương-pháp làm việc thật ra không có thể nào so sánh với những đảng sau này, như : Việt-nam Quốc Dân đảng. Thanh niên Cách-mạng đảng v.v... Tuy nhiên người ta vẫn khâm phục cái nghĩa khí của những đảng viên hồi ấy.

Ba năm trời gần như thôi miên được quần chúng, bộ tham mưu của «Hoàng-đế Phan-xích-Long», giao cho hai người lo đúc lựu đạn : một người tên là Nguyễn-văn-Huế, có nho học, đã đọc được trong những sách chữ Tàu ở hải ngoại đem về, mấy cách thức làm bom, một người nữa là Tư Mạnh trước làm trong Ba Son và đã lấy được của người Pháp một tập nói về phương pháp chế tạo lựu đạn.

Bom đạn làm xong rồi, năm

1913 là năm đảng Phan-xích-Long khởi nghĩa.

Không hiểu là tại bộ tham mưu ở Saigon. Chợ-lớn không liên-lạc với các chi-bộ của đảng ở lục tỉnh hay tại các chi bộ này tự liệu hành-dộng. mà công cuộc không được duy nhất. Tình thế nổi lên trước, tình thế hoãn lại sau.

Khởi sự từ cuối tháng giêng đến tháng hai năm 1913 từ tỉnh này đến tỉnh kia xảy ra bạo động.

Trước hết là tỉnh Biên Hòa, một đảng viên trong đảng Phan-xích-Long, kéo đến phá khám đường rồi nhập với tù nhơn kéo sang đánh Tòa bố. Người cầm đầu phong trào này là Lê-văn-Hồ. Công cuộc thất bại liền dưới làn súng của lính Pháp.

Vài bữa sau ở Tây-Ninh, một đảng viên tên là Vương-văn-Lê cùng một tổp đồng chí đi khắp miền thôn quê cô động nông dân kéo lên đánh Tòa bố. Lại một cơn thất bại.

Ở Bà-Rịa, chi bộ đảng Phan-

xích-Long dưới quyền điều khiển của Nguyễn văn Huệ, kéo một đoàn mấy trăm người, đi thẳng ra Ô-Cấp để đánh đồn binh của Pháp.

Ở tỉnh Vĩnh-Long, tòa bố cũng bị đánh phá do một thầy chùa tên là Phùng đứng đầu một chi bộ của đảng Phan-xích-Long. Sau chót ở Long-Xuyên, Châu-đốc và Thủ Dầu Một, cũng lại chung một phong trào đánh phá Tòa bố và khám đường.

Lần nào cũng kết liễu bằng các vùng máu đào của các đảng viên bị tử thương, bị thiệt mạng, đảng viên Phan-xích-Long đã đi tới chỗ chết với một tin tưởng như những tín đồ tôn giáo Họ đã chết như những chiến sĩ tử vì đạo và lúc hấp hối họ vẫn còn ước mong rằng Thượng đế sẽ giúp cho nước Việt-Nam đánh thắng người Pháp.

Cuộc hoạt-dộng cuối cùng là ở Saigon Chợ-lớn.

Đêm 23 rạng 24 tháng 3 năm 1913 đảng Phan-xích-Long sai người đem bom đi đặt ở mấy

chỗ trong địa phương Saigon — Chợ-lớn : trên đường Charner, trước cửa trại lính Ô-Ma, trước dinh Chánh soái đường Norodom, trước sở Ba-Son, trên đường Mac-Mahon bên dinh Phó soái và ở trước nhà giấy thép cùng Tòa bố Chợ-lớn.

Tại sao đặt bom mà không liệng bom thì làm sao nổ được ? Theo lời khai của Phan-xích-Long trước Tòa án Đại hình thì đảng cho lính phải liệng bom vào các nơi ấy. Nhưng người đi đặt bom thì khai rằng những trái bom ấy phải liệng, cứ đặt ở các nơi đã định, rồi sáng sớm tự nó cũng nổ. Phải chăng vì họ tin ở một sức mạnh thần bí.

Sáng hôm sau 600 nông dân ở Tân-An Chợ-lớn, kéo lên Saigon. Họ bận áo cụt trắng, quần trắng trên đầu có một cái khăn mùi soa trắng nữa. Y phục ấy đều là những thứ mới nguyên chưa dùng lần nào.

Về khí giới, người thì cầm gươm, người cầm dao, người

cầm gậy.

Thấy y phục trắng của họ, quân lính của Pháp biết ngay là đảng Phan-xích-Long vì mấy cuộc bạo động ở lục tỉnh đều do những người «quần trắng» «áo trắng» gây ra.

Cuộc đàn áp liền thi-hành thẳng tay.

Sáu trăm nông-dân, người thì bỏ mạng dưới viên đạn súng, người thì bị bắt tại trận. Trong túi người nào cũng có một lá bùa. Đẹp xong rồi, người Pháp truy nã Phan-xích-Long.

Bữa sau Phan-xích-Long bị bắt ở Phan-Thiết.

Cuộc dự thăm kéo dài mấy tháng trường đến ngày 5 tháng 11 năm 1913. Tòa Đại-hình Saigon đem 111 bị cáo nhơn ra xử.

Kết cuộc bảy người bị án khổ sai chung thân là Phan-phát-Sanh tức Phan-xích-Long, Nguyễn-văn-Ngọ, Nguyễn-văn-Hiệp, Nguyễn-hữu-Tử, Trương-văn-

Phước tức Hương chủ Phước, Nguyễn-văn-Mạnh tức Tư Mạnh.

Đảng Phan-xích-Long sau khi bị án nặng nề trước tòa Đại-hình Saigon, người Pháp đã tưởng là đảng ấy tan rã. Huống chi những người cầm đầu đã bị bắt và bị án hết rồi, thì còn sức hoạt động gì nữa.

Kết quả cuộc Âu Châu đại-chiến (1914-1918) đột phát ở phương Tây, chánh phủ Pháp ở Đông Dương đang lo quyền tiền mộ lính, nên các đảng chính trị đã được dịp ngấm ngấm hoạt động.

Dur đảng Phan-xích-Long cũng không chịu bó tay.

Họ đi các miệt thôn quê, cò đông dân chúng nổi dậy. Và họ vẫn không bỏ phương pháp làm việc cũ là lợi dụng lòng mê-tin của dân.

Trong suốt ba năm trời từ 1913 đến 1916 họ làm việc không thôi chí.

Đến tháng giêng năm 1916, dư đảng Phan-xích-Long tình

việc nổi lên đánh người Pháp.

Họ họp nhiều phiên nhóm bí mật và quyết định rằng đảng viên 5 tỉnh Gia-Định, Biên-Hòa, Thủ-dầu-Một, Tân-An và Chợ lớn phải dự vào việc đánh lấy thành phố Saigon.

Đêm 14 rạng 15 tháng 2 năm 1916 ba trăm nông dân do những ghe chở từ các nơi lên đồn bộ ở Cầu Ông Lãnh. Họ bận một loạt quần trắng áo cụt đen (chó không dùng áo trắng như trước) và trên đầu thắt một cái khăn mùi soa trắng. Người đi đầu cầm một lá cờ may đúng như cờ lệnh của Phan-xích-Long hồi ba năm trước. Khí giới vẫn đơn sơ, bộ chỉ có gậy, dao và một vài thanh kiếm.

Nhóm người ấy kéo lên bờ sông, dọc theo đường Quai de Belgique, âm-âm hăm dọa tới đường Mac Mahon.

Đến đây họ gặp một chiếc xe hơi của một người Pháp đi bán về, trên xe có chủ nhơn và tài xế. Xe hơi vừa bị bắt ngừng lại thì người Pháp ngồi trên xe bị dao chém lia lịa trên đầu trên mình.

Súng của anh ta chưa có nạp đạn nên anh chỉ dơ ra dọa mà không bắn được phát nào. Khẩu súng cũng bị giật mất.

Bị thương rồi mất súng, người Pháp bèn thúc tài xế rẽ ngang mở máy chạy trốn thoát,

Đám công dân chia làm hai tốp, một tốp kéo ra đánh khám lớn, một tốp kéo vào chiếm dinh Thống Đốc Nam kỳ. Trước khi tới hai nơi đây, họ đã gặp một viên mã tà và một biện Pháp có súng sáu.

Họ nhảy đến đánh tên này và giật được khẩu súng.

Đến khám lớn và dinh Phó soái, họ đều không hành động kịp vì lính ở đó đã đóng cửa và chia súng ra bắn. Tuy vậy những tiếng la ó vẫn nổi lên : «Phá khám lớn và rước Phan-xích-Long ra».

Rồi họ xông vào cầm búa, cầm gậy phá cửa vô hiệu quả. Một số người bị té xuống dưới những hòn đạn ở trong khám bắn ra.

Trong lúc đó một số người ở

Thủ Dầu Một kéo xuống xông tới phá kho súng đạn ở gần Ba Sơn. Nhưng họ thất bại.

Lính sơn đầm, và cảnh binh của Pháp được lệnh tấn sát đám nông dân kéo lên Saigon. Họ đứng trên bờ sông thấy ghe nào đi trên mặt nước cũng xả súng bắn xuống, không phân biệt gì hết.

Sau cuộc đàn áp lưu huyết này người Pháp lên giao cho Tòa án binh xử, vì lúc ấy đang là lúc

chiến tranh.

Ngày mùng một tháng 7 năm 1916 tất cả 166 bị cáo nhơn bị đem ra xử. Chín người bị án khổ sai chung thân. Còn thì bị án năm năm, 10 năm, hoặc 20 năm. Đặng Phan-xích-Long thế là hoàn toàn kết liễu.

Nhưng phong trào bài Pháp vẫn không bao giờ tiêu tan trong khối óc người Việt-Nam.

□□

● Tiếng nói của Hoa Sen

Giáo sư Nhật, Ichiro Oga, thí nghiệm về «tiếng nói của các loại hoa», đã để máy ghi âm bên cạnh búp hoa sen và thức suốt đêm để nghe. Theo Giáo sư ghi nhận thì Hoa sen nở có thốt ra tiếng rên-rĩ như thế này : Pat pachi.. purch.. popp..

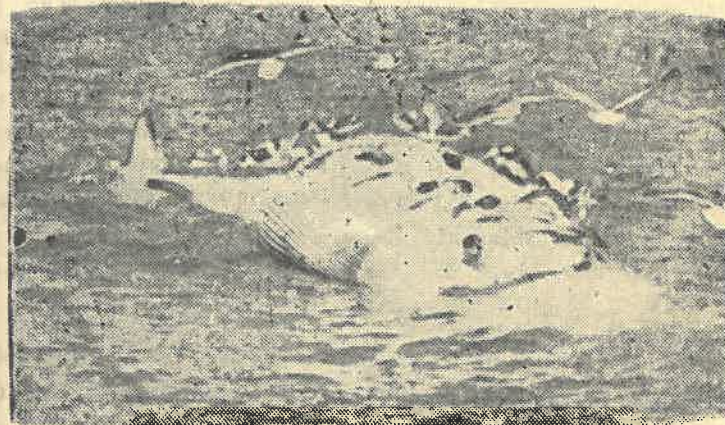
Trái lại một Giáo sư Nhật khác cũng làm một loại thí nghiệm như thế, lại nghe Hoa sen nở kêu :

Qui... tout... quai... quono...

Thế ra 2 Hoa sen nói 2 thứ tiếng khác nhau ?
cũng là tiếng Nhật !

Trôi giạt trên biển cả, Thủy thủ ăn thịt lẫn nhau.

★ LÊ-QUANG-NAM



● Đảo Ducie : họ càng xa đất liền hơn. —

SỐ người ít bao giờ đi đúng với thiên mệnh, ba chiếc xuống trôi hẳn về phía nam bởi những cơn bão dồn dập. Do đó họ đã xa hẳn con đường đã vạch sẵn. Họ hoàn toàn bất lực trước cơn thịnh nộ của trời đất và sức lực bắt đầu mỗi mòn.

Đến tuần lễ thứ ba, một vết đen hiện ở chân trời, Joy nhảy cồm lên la lớn :

— Thấy đất rồi ! Sắp có thức ăn và nước uống rồi anh em ơi ! Rán mau lên tí nữa đi anh em !

Một niềm hân hoan bùng cháy trong lòng, họ quên những sự đau khổ mà cắm đầu run rẩy chèo mạnh tới. Không bao lâu

xuống họ dạt vào bãi bờ. Như những thân cây cần cỗi, họ cố gắng cột xong xuống rồi lần kèn ra bãi.

Sáng hôm sau, Pollard cho mọi người hay rằng đây là hoang đảo Ducie và còn cách xa Pérou hơn lúc trước. Nhưng lời nói ấy không làm họ chú tâm. Gần một tháng trời vật lộn với giông tố trước mặt họ thần chết cầm lưỡi hái nhe răng cười. Họ đã sợ lắm rồi và họ thêm thấy một mảnh đất như người đi giữa sa mạc nóng bỏng tìm được giòng nước dù đầy cáu bẩn. Chuyện gì sau rồi sẽ tính hiện giờ họ tìm được trái cây ăn được, ốc sò và một thủy thủ mai mắn dùng đá ném chết con chim : thật là món cao lương ! Có người thì đi tìm ốc chim và đây là lần đầu tiên họ được bữa ăn đầy đủ. Trong khi ấy Chase mở cuộc thám hiểm hòn đảo và anh ta tìm được một giòng suối chỉ đủ cho 10 người dùng.

Dần dà, trái cây, ốc sò hết rồi, Chùm chóc đã biết khôn không dám đến gần người nữa. Họ lùng kiếm khắp ngò vách nhưng cuối cùng phát hiện một

cái hang chứa 8 bộ xương người. Trước tình trạng tuyệt vọng ấy, Pollard quyết định :

"Anh em xem, những người này nằm nơi đây để đợi thần chết đến mang đi. Số phận của chúng ta sẽ là như họ. Nếu còn rán nắn ná ở đây. Bây giờ chúng ta chỉ còn một phương pháp là trở lại mặt bể mới mong thoát được cái chết như thế này. Đất gần ta nhất hiện nay là đảo Juan. Fernandez cách đây 4.000 cây số về phía Đông.

Niềm đau đớn lại nhẹ nhuần, tất cả thủy thủ thần thờ đưa mắt hồi ý nhau và sau cùng chỉ có 3 người tự nguyện ở lại. Số người ra đi phải chia lương thực và hứa sẽ đến giải thoát nếu tình trạng cho phép.

Ba chiếc xuống lại cách bến lao mình vào con đường vô định đầy niềm nguy.

Joy : Nạn nhất thử nhất

Thiên tai tiếp diễn, hết bão tố đến cái nóng bỏng cháy da

hành hạ đoàn người bạc phước.

Đến ngày 10 tháng 1 năm 1821, Joy bỗng nhiên phát khóc nước nỏ và nói lầm nhảm. Anh ta suốt mướt nhắc đến các mẫu bánh do bà mẹ làm cho ông cùng vườn được xanh tươi, những con bò cái đầy sữa thả nhón như tìm cỏ mướt... Joy nói lầm nhảm suốt ngày khiến các bạn nhìn nhau vừa thương hại vừa lo sợ đến số phận mình. Hôm sau Joy nằm chết cứng trên xuống, Pollard đọc một bài kinh ngắn rồi làm lễ thổ sơ gửi thi hài xuống biển.

Tại nạn cứ dồn dập, chiếc xuống của Chase mất tích sau một cơn bão khác từ phía Đông kéo đến. Họ đã lã người sau cuộc chống chọi với giông tố thì lại chịu lừng phát của ánh sáng mặt trời. Mọi người phải chui rút dưới những mảnh vải hầu cổ tránh tia nắng chết người. Sức lực ngày một cạn dần, ban đêm họ chấp chôn trong cơn ác mộng, tiếng la hét vang lên từng chấp giữa cơn mơ nghe thật rùng rợn ! Ban ngày, họ ngồi im lìm mặc

cho giòng nước trôi giạt, họ cố giương đôi mắt lơ lơ nhìn vào khoảng mênh mông ấy để hình ảnh một vật đen của đất liền. Mặt bể tạm yên cho đến ngày 29 hàng , 1 một bão nữa ừn ừn kéo đến và sau đó chỉ còn có chiếc xuống Pollard. Trước tình trạng vô cùng bi đát ấy lại thêm lương thực nước uống ngày càng vơi dần. Pollard chỉ phát cho mỗi người 1 hóp nước uống và vài miếng bánh đã mốc meo để chịu đựng trong một ngày ! Họ đã biến thành những cái xác không hồn trước cơn đói khát tàn nhẫn hành hạ. Họ phó mặt giông tố, nắng cháy, họ muốn gió lên nhưng còn đau hơn sức. Ý niệm sinh tồn đã mất hẳn, trước mặt họ lơ mơ một thế giới xa lạ...

Rồi một ngày kia, Pollard chỉ vào cái thùng thều thào nói :

— Tất cả hết rồi ! Không còn gì để ăn và uống cả !

Lập tức có tiếng la hét phản đối của đám thủy thủ. Họ buộc tội viên thuyền trưởng đã ăn cắp thức ăn của họ. Trong khi họ

điên cuồng cái cọ. một thủy thủ da đen bỗng nhiên ngã ngục dưới gầm xuống, run rẩy vài cái rồi chết. Các thủy thủ khác nhìn nhau và trong khoảnh khắc ánh mắt họ tia lên một ý nghĩ ghê rợn.

Pollard lăm nhăm đọc kinh rồi ra lệnh :

— Ném xác hắn xuống biển.

Thì một thủy thủ khác hét lớn lên, miệng sùi đầy bọt và lăn đùng ra chết. Sau vài phút do dự, các thủy thủ còn lại đột nhiên rút dao ra. Pollard giật mình hoảng sợ, đưa súng lên vai nhưng rồi hạ xuống, lắc đầu thất vọng :

— Không có phương pháp nào khác nữa !

Lập tức hai tử thi được cời hết ý phục, những tiếng rống sào sào trên lửa khai mạc bữa tiệc kinh khủng.

Với số lương thực ghê rợn ấy cũng chỉ dùng được trong vài hôm rồi bốn người còn lại — kể cả viên thuyền trưởng — đưa

mắt nhìn nhau thờ dài.

Đột nhiên Pollard đề nghị :

— Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu thám.

Vừa nói Pollard vừa cắt bốn mảnh gỗ trong khi ba người kia ngo ngác không hiểu ông ta làm gì ? Bốn mảnh gỗ ấy được dăng vào màn áo và Pollard đưa cho từ người bốc. Charles, tên người thủy thủ, bắt đầu tiên rồi kể tiếp đến ông Owen Coffin, người trẻ nhất và là cháu của Pollard, bắt cuối cùng. Mặc dù họ không biết Pollard giờ trở về nhưng linh cảm là một việc không hay nên họ quay mặt chỗ khác không dám nhìn mảnh gỗ định mệnh ấy.

Khi họ đồng giờ ra mới vào, Charles nói khẽ :

— Owen bị rồi !

Pollard kéo cháu vào lòng, đi tiêng nhẹ nhàng nói :

— Cháu ơi ! Nếu Cháu bốc nhầm thăm trắng thì đưa nào mà đến chân lông của cháu là chú

báo nó ngay !

Mặt dù sự đối khác làm mất đi phần lớn trí giác nhưng Owen cũng hiểu rõ cái định mạng đầy bí ẩn của mình nên từ từ đặt đầu lên thành xuống :

— Không ! Cháu muốn như thế này hơn chứ ạ !

Charles là người rút thăm buộc phải giết bạn, một nỗi bất nhẫn nổi lên, anh ta hét lớn :

— Không được ! Hắn chỉ là một đứa trẻ con, tôi không thể nào làm nổi việc này. Tôi xin thề nguyện thay thế Owen.

Trong kia mắt thoáng vẻ cảm động nhưng Owen có thu hết can đảm thản-nhiên nói :

— Làm cho nhanh lên anh Charles, đừng dài giòng nữa !

Charles bậm môi, mặt quay nơi khác rồi dý họng súng vào đầu Owen bóp cò.

Và đêm ấy, tiếng sào sào kinh khủng lại vang lên, ánh lửa nhạt nhòa chiếu vào ba khung mặt: đầy vẻ ma quái !

Tiếp đến một thủy thủ nữa tự động lăn ra chết. Chỉ còn Pollard và Charles đang hấp hối sau khi thức ăn ghê rợn ấy hết Họ nằm dài và chỉ còn chờ thần chết lại mang đi...

Pollard và Charles mê man cho đến ngày 22 tháng 2 năm 1821 được chiếc tàu Dauphin cũng loại săn cá voi — cứu họ. Tính ra đúng 92 ngày sau hôm chiếc ESSEX bị nạn.

Pollard và Charles được đưa về Valparaiso (Chili) và vài tháng sau Chase cùng 2 người nữa cũng được cứu về. Trong túi của Charles và hai người người kia còn vài mẫu thịt người đã khô chứng tỏ rằng họ cũng có những buổi việc kinh khủng như vị thuyền trưởng !

Còn 3 thủy thủ ở đảo Ducie cũng được tàu Surrey giải cứu vào ngày 5 tháng 4 cùng năm trong khi họ gần chết đói.

Như thế trong đoàn thủy thủ trên chiếc tàu ESSEX chỉ còn có 8 người sống sót. Riêng Pollard

và Chase lại phải vượt biển không dám về quê hương vì sợ gia đình các thủy thủ qua đời làm khó dễ. Xpollard đã như già đi vài chục tuổi sau cuộc thoát nạn hải hùng, ông ta ngơ ngác ngác và ít nói. Sau một thời gian làm thuyền trưởng cho chiếc

tàu khác Pollard trở thành viên cảnh sát ở aNatuckel vì chiếc tàu ấy lại bị đắm ở Thái Bình Dương.

Trong khi ấy Chase vẫn làm thuyền phó rồi chỉ huy tàu Winslow.



● Chuột và Dơi

Con Mèo trông thấy con Dơi giống con Chuột, ngạc nhiên hỏi con Chuột đừng lấp ló trong hang :

— Quái lạ, loài Chuột tụi này sao lại có cánh nhỉ ?

Chuột cười đáp :

— Trong giòng-họ nhà Chuột chúng tôi, có nhiều kẻ tu Tiên lâu ngày hóa ra Thiên Thần, nên có cánh bay được như vậy đó.

— Làm sao tu Tiên được ?

Chuột lật đáp :

— Muốn tu, thì đừng ăn thịt Chuột.

TRANSISTOR ? Lỗi thời.

● CHU-MINH-THỤY

TỪ 20 năm nay, khoa học hướng nhiều nỗ lực vào việc giản tiện hóa máy móc. Thâu nhỏ các bộ phận kèn càng, làm cho nhẹ bớt mà không kém mức tinh vi, đó là lý tưởng của nhiều kỹ nghệ.

Chính nhờ những «cách mạng» nho nhỏ trong địa hạt kỹ thuật, con người mới đặt chân lên mặt trăng, và tầm tư tưởng hơn, gần gũi hơn, hiện nay ai cũng có thể mua một chiếc máy thâu thanh bỏ túi, thay vì khệ nệ ôm một thùng gỗ chứa 5-7 bóng đèn như trước kia.

Khoảng 1925, một máy thâu thanh có thể tích lớn tới nỗi, nhét nó vô thùng đựng hành lý của xe du lịch là cả một việc khó khăn.

Sau thế chiến thứ hai, nhờ loại ống đèn cỡ nhỏ và cực nhỏ, khuôn khổ của nó rút gọn lại bằng một bốp xách tay đàn bà,

rồi bằng bao thuốc lá, nhờ thay thế bóng đèn bằng «transistor».

Nhưng giờ đây, với «mạch điện in», máy thâu thanh chỉ còn bằng một cục đường trắng, vài kiểu đương thí nghiệm chỉ nhỏ như hạt nút, và trong tương lai, có thể chúng không lớn hơn hạt bụi.

● «Mạch điện in» là gì ?

Kỹ thuật điện tử truyền thống chắc sẽ tồn tại trong một thời gian nữa, nhưng không biết bao lâu. Chẳng hạn như trong các máy vô tuyến thâu hình và radar, người ta phải cần đến tới ống đèn «cathodique». Tuy nhiên, ngành vật lý về thể cứng đang tiến những bước thiết chắc chắn, và một ngày không xa, có lẽ nó sẽ giải quyết những bài toán không mấy khó khăn đó.

Những tiến bộ về điện tử, trong địa hạt li ti,

một phần lớn cũng nhờ các cuộc chạy đua để chinh phục không gian, thúc đẩy. Và một trong những phát minh cách mạng giúp nhiều cho khoa học không gian, chính là «mạch điện in»

Mạch điện in, tạm dịch từ ngữ *circuits intégrés* (hay *constructions intégrées*) gồm nhiều bộ phận các mạch điện, được nối dính với nhau ở trên hay ở giữa một mảnh kim loại bán dẫn điện (*semi conducteur*) hoặc vật liệu thụ động, tùy trường hợp.

Nếu là mạch điện in, loại *bán dẫn điện*, thì mảnh kim khí đó thường là bằng *germanium* nguyên chất. Nếu nhét những chất như *gallium* vô, và nối các tinh thể *gallium* lại theo một trật tự nào đó, thì chúng trở thành những transistors tí hon. Đó là loại mạch điện in «nồi» (có 3 chiều).

Nếu là mạch điện in, loại *gốm* nhiều *lớp mỏng*, thì người ta phết lên trên tấm *support* những lớp thiết mỏng (tùy chất và tùy bề dày, mỗi lớp có một đặc tính riêng). Đó là loại mạch điện in «phẳng», vì có những lớp sơn

chỉ dày cỡ 10 phần triệu ly mà thôi.

Công việc chế tạo các mạch điện in rất phức tạp và cần dùng nhiều phương tiện đại quy mô. Nó giống như ngành mổ xẻ, và được thực hiện trong những phòng đặc biệt không chút bụi bặm. Áp lực của không khí hơi cao hơn bình thường, nhiệt độ và khí ẩm được giữ luôn luôn ở một mực độ. Muốn vô phòng, phải bận áo choàng và đi giày ống bằng ni lông, trùm tóc lại, hai bàn tay rửa sạch và móng cắt sát. Một hạt bụi, một sợi lông nhỏ cũng đủ làm hại nếu xen vô mạch điện, được ráp dưới ống kính hiển vi có độ phóng đại cực mạnh.

Vì các mạch điện nhỏ như vậy, nên người ta phải dùng tới phương tiện chụp hình để thu nhỏ các kiểu mẫu mạch điện thường được vẽ lớn (nhưng rất kỹ lưỡng) 400 lần hơn, rồi in lên tấm *Support* bằng kim khí (hay vật liệu khác).

Dựa vô hình in, người ta có thể gạch, khắc những đường nét cần thiết, bằng một loại viết có

đầu kim cương.

● Nhìn về tương lai...

Năm 1930, các phò g thí nghiệm của hãng Bell Telephone bắt đầu nghiên cứu rồi tìm ra được «transistor». Nhưng chúng quá lớn và giá mắc hơn bóng đèn cùng công dụng. Năm 1947, hai kỹ sư của hãng ấy phát minh ra rằng, một mảnh *germanium* có thể khuếch đại gấp 40 lần một tín hiệu điện. Nhờ đó, transistor trở nên rẻ và thu nhỏ lại. Năm 1945, riêng tại nước Mỹ, tổng số đơn vị transistor được sản xuất là một triệu. Năm 1962, 300 lần hơn.

Đầu năm 1962, công cuộc sản xuất mạch điện in tại nước Mỹ mới khởi hành. Từ 15 ngàn đơn vị, nó tăng tới 100 triệu đơn vị vào năm 1967.

Bất cứ ngành nào cần dùng tới điện, là mạch điện in có thể hiện diện. Các vệ tinh, điện thoại tự động, máy tính... nhờ nó mà nhỏ nhắn tinh vi hơn. Người ta đã chế tạo được chiếc máy vô tuyến thu hình chỉ lớn bằng gói



huốc lá, chiếc máy thu thanh 2 băng cơ đồng hồ đàn bà.

Rồi đây, người ta sẽ «cấy» các máy nhỏ xíu dưới da, để giúp cho người điếc nghe được, hoặc để kiểm soát một cơn bệnh. Các bà sẽ khỏi phải đi chợ, vì máy điện tử sẽ giúp các siêu thị giao hàng tại nhà. Khỏi phải nấu ăn, vì có điện tử đảm trách.

Và biết đâu, khi không còn việc gì để làm nữa (vì máy móc lo tất cả), chúng ta sẽ ngấy rồi kéo nhau vô rừng ở theo lối hippies...?



những chiều ly hương

Như cánh chim bay ngút nẻo đường
Những chiều hoa nắng rụng trong sương
Nhẹ bay hương cũ say thêm mộng
Một bóng người đi mấy dặm trường...
Lớp sóng trần-ai nhòa cát bụi
Cuộc đời xuôi ngược nước trường-giang
Những ngày chinh chiến gieo tang tóc
Thương nhớ còn vương buổi : nắng vàng.
Hồn con lộng gió bóng trời mơ
Mắt mẹ sầu trông khói lửa mờ
Mây trắng kết màu pha mái tóc
Thương con phiêu bạc nẻo bơ-vơ.
Con nhớ ngày đi đưa tiễn con
Mẹ thương nên nước mắt vơi nguồn
Chuyển đồ sang bến chiều sông lạnh
Bóng mẹ mờ dần trong bóng sương...
Biền-biệt con đi chẳng ước-thề
Những chiều hoa nắng rụng lẻ-thê
Bến sông còn đợi người ly-khách
Sao buổi chiều mơ chẳng hẹn về ?



Dừng bước chiều nay trên bến lạ
Mái nghiêng quán trọ đợi đồ ngang
Bóng ai nương gậy bên sông vắng ?
Tìm nhặt từng hoa nắng rụng vàng...
Ta chạnh niềm đau kiếp lỡ làng
Chuyển đồ hờ-hững kẻ chơ sang
Rời qua sông đó về đâu nhỉ ?
Hay vẫn đường xa tiếp dặm ngàn...

MINH.CANG-THƯƠNG-H-THƯƠNG
(Kiên giang)

VIỆT-SỬ



Người nữ điệp viên của cụ Phan-Đình-Phùng

● PHẠM-VĂN-SƠN

DO sự thỏa hiệp giữa Phụ-chánh Tôn-Thất-Thuyết và cụ Đình-nguyên Phan-Đình-Phùng, ngoài Cam-lộ thuộc Quảng-Trị, Ngàn Trươi cũng là một cơ sở kháng chiến của nghĩa-quân Việt-nam để chống nhau với giặc Pháp, Nhưng qua năm Bính Tuất (1886) Trung-tá Mignot và Thiếu-tá Pelletier, Metzinger với cố Tortuyaux làm hướng đạo từ Huế tiến ra từ Quảng-Bình kéo xuống đã tấn công dồn dập vào các căn cứ của ta, mở cuộc bao vây từ phía rất là ngặt nghèo. Quân ta thất thế phải bỏ Tân-sở, Tôn-thất-Thuyết cảm thấy giặc mạnh cần phải có sự viện trợ của

Thanh-dinh nên dùng đường thượng đạo (tên cũ là Châu Qui-hợp) theo sông Đà lên Lai-châu để qua Tàu.

Ông giao phó việc bảo-vệ vua Hàm-Nghi cho ai con là Tôn-thất-Đạm và Tôn-thất-Thiệt cùng các quan là Đề-đốc Lê-Trực và Nguyễn-phạm-Tuân, Phan-dinh-Phùng.

Mỗi ngày núi rừng Quảng trị, Quảng Bình bị giặc dẫm nát và không còn bí mật nữa, quân Kháng-chiến lại yếu kém về tiếp vận (lương thực, vũ khí) nên chỉ lo lẫn trốn hơn hết và ngày 26-9 năm Mậu d (1888) vua Hàm Nghi bị nội phản và bị bắt,

đưa đi đây ở Algérie, một thuộc địa của Pháp tại Bắc-Phi.

Chống nhau với quân xâm lược từ giai đoạn này chỉ còn chiến khu Hương Khê (thuộc Hà tĩnh) của cụ Phan đình Phùng. Các chiến sĩ Văn thân nước lòng giết giặc, cứu nước đã dồn về địa phương này kể từ năm Quý-tị (1893) có nghĩa là vua Hàm Nghi, linh hồn của kháng chiến Việt nam bấy giờ tuy mất nhưng tinh thần dân tộc vẫn còn và vẫn mạnh.

Một hôm người ta đã dẫn một người đàn bà trẻ tuổi và một đứa nhỏ khoảng lên bảy lên tám vào Đại đồn của tướng Cao-Thắng lúc này được phong làm Đồng nhung.

Người đàn bà ấy thực ra một cô gái ngoài hai mươi lăm, khỏe mạnh, có nhan sắc nhưng nếu chú ý thì nhận thấy ở đôi mắt của cô

cả một cái gì cứng rắn, cương quyết. Khác hẳn với các phụ nữ thường, nhưng thêm vào đó có nét buồn và tư-lự. Y phục của cô theo lối đồng quê mộc-mạc, giản dị nhưng gọn-ghẽ, sạch sẽ. Thái độ của thiếu phụ cũng rất điềm đạm.

Người ấy là ai ?

Đứa trẻ ấy thế nào ?

Ở đâu tới, và tới chiến khu, có mục đích gì ?

Đó là những ý nghĩ thoáng vào đầu vị lãnh tụ thứ nhì, của lực lượng Cần vương.

Người đàn bà được mời ngồi sau khi tướng Cao-Thắng được viên trưởng đồn canh giới thiệu. Người ấy tự xưng tục danh là cô Tâm làm nghề bán than ở chợ Trảng là chợ ở giữa tỉnh Nghệ an thuở ấy, Cô Tâm nói :

— Thưa quan Đồng

Nhưng, tôi là con gái ông Hoàng-Phúc (1), có lẽ quan Đồng Nhung cũng biết. Sau khi cha tôi chết vì nghĩa vụ Cần Vương, nhà tôi tan nát. Tôi phải tha phương để lần tránh giặc Pháp, tôi tuy là đàn bà nhưng cũng thiết tha trả thù cho cha tôi, và thù của cha tôi là thù của nước. Nhưng một hòn làm chẳng nên non nên tôi tìm đến đây hôm nay may được quan Đồng-nhu g thu dụng chẳng ?

Cao-Thắng mỉm cười chỉ vào thằng nhỏ hỏi :

— Đứa nhỏ này là con của cô ?

Thiếu phụ đáp :

— Thưa nó không phải là con nhưng tôi coi nó như con. Thực ra nó là con của anh Lê-Doãn một chiến-sĩ chống Pháp nay đã chết trong tay giặc. Thuở anh còn sống, anh góa vợ. Cha tôi có ý gả tôi cho anh nếu sau này đất nước thanh bình

trở lại. Không ngờ anh bỏ mình ngoài trận địa, sự nghiệp đó dang nên tôi phải thay anh nuôi thằng bé này. Tôi hy-vọng nó cũng vũ dũng như cha nó để báo thù nũa, nghĩa nước.

Cao-Thắng lại hỏi :

— Cô một thân, một mình lúc này lại có đứa nhỏ đeo theo thì hoạt-động sao được cho Cần Vương ?

Cô Tâm trả lời :

— Thưa quan Đồng, nhưng tôi đã nghĩ nhiều về vấn đề này : Nếu muốn ở yên tôi phải ra đầu thú với giặc, như vậy trái ý của cha tôi đã chết đi rồi. Đi lấy chồng, tôi cũng không đành vì một lời hò hẹn cũng đủ cho tôi và anh Lê-Doãn thành nghĩa phu-thê rồi, vả lại có đứa nhỏ này, tôi đi lấy chồng không biết gửi ai cho đành lòng, vậy muốn sao tôi cũng không bỏ được nó..

— Sự sống của cô bấy lâu

ra sao ?

— Thưa tôi sống lần lút hơn hai năm nay, tôi phải bỏ tỉnh Quảng sang tỉnh Nghệ. Bởi ở quê tôi lắm kẻ làm cầu cầu cho giặc, nên sau này phong trào Quảng-Bình tan rã, tôi vội rời xứ lên đất Nghệ. Lên đây tôi cũng không dám sống lẫn với dân chúng...

— Không sống với dân chúng thì cô sống với ai và ở đâu ?

— Thưa tôi mua một chiếc đồ, cứ lênh đênh trên mặt nước, nay đây mai đó cũng tạm yên. Tôi có ít nén bạc hàng ngày vào các làng ven rừng buồn thây ra bán ở chợ Trảng. Tôi có ý lân la đến các nơi có nguy binh để dò xét và có mục đích xui họ thừa cơ khởi nghĩa, hưởng hừng với nghĩa binh. Tôi hy vọng nếu lời cuốn được họ thì nghĩa binh của ta ở hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh thêm sức mạnh

và vũ khí rồi bắt được liên lạc ra ngoài với các nghĩa đảng Bắc Kỳ để trong ứng ngoại tiếp,

Nói tới đây cô Tám ngừng lại, rồi thở dài, sau đó lại tiếp trong khi tưởng Cao-Thắng cô về trầm ngâm nghĩ ngợi.

— Nhưng thưa quan Đồng Nhung, mưu việc là một chuyện và thành việc lại ở trời, tôi không may trong mưu toan này vì bọn nguy-quyền Bảo hộ không rõ nhớ đâu mà biết có sự bất tường nên chúng đã vội vàng di chuyển các nguy-binh vùng chợ Trảng đi nơi khác và mang những bọn lạ tới đóng tại tỉnh Nghệ. Thế là «dã tràng xe cát» tôi nghĩ ở lại có khi nguy, nay nghe cụ Đình nguyên và quan Đồng Nhung dấy nghĩa có nhiều thanh thế và được bốn phương hăm mộ nên tôi tìm đến đây mong được giúp nghĩa-quân chui đỉnh cuông ?

Thiếu phụ nói đến đây thì Cao-Thắng dập bàn thét :

— Anh em đâu ! Bắt con mụ này cho ta, mang ra chém.

Ta khen mi lớn mật vào đây bịa chuyện để làm tay sai cho giặc khôn khéo lắm.

Thiếu phụ không biến sắc trong khi lĩnh nghĩa quân xô vào trời nàng. Nàng cười và lạnh lùng nói :

— Thời nay ngọc đá lẫn lộn, quan Đồng-nhung nghi ngờ là phải. Tôi mang thân tôi đây cũng đã nghĩ có chuyện này, nhưng thà chết trong tay những người ái-quốc còn hơn chết vì quân thù... Chỉ xin quan Đồng-nhung một ân-huệ là nôi dùm đứa nhỏ này cho tôi ít nhất sau này nó cũng sẽ thành một chiến sĩ.

Binh sĩ kéo nàng ra ngoài viên môn được vài bước thì có tiếng thét của Cao-Thắng :

— Bỏ người đàn bà này

lại đây, cho rút lui !

Rồi Cao Thắng bước xuống sửa sang nét mặt và tươi cười nói :

— Tôi xin lỗi cô Tám, tôi thử xem cử-chỉ và thái độ của cô đó thôi, nay tôi biết rõ cô là người ái-quốc, tôi kính phục cô vô cùng. Xin mời cô lên gặp cụ Phan và chúng tôi thế nào cũng có việc phải nhờ đến tài năng và lòng can đảm của cô trong giai đoạn khó khăn này.

Hai năm trước, người dân chợ Trảng thường thấy mỗi phiên chợ đều có một chiếc thuyền than chở đến bán than bao giờ có dư nhỏ đi theo và cô này thường ít nói năng, trừ khi phải tiếp khách mua than, hay những ai ngồi cạnh có hỏi nhiều lắm nàng mới trả lời. Những lúc ngồi một mình nàng hay cúi mặt, có vẻ suy tư ; thỉnh thoảng nàng ôm đứa nhỏ vào lòng hôn hít và có ý triu mến nó rất

hiều. Buổi đầu người ta thấy cô lạnh lùng nên cho là cô ta kêu ngạo, nhưng đến khi tiếp xúc với cô lại thấy cô rất khiêm nhường và dễ thương.

Người ta hỏi ô về chuyện chồng con nha cửa, cô lại trả lời lúc như đã có và lúc như chưa có, người ta càng lấy làm lạ nhưng quen thuộc dần cũng sinh mến cô vì thấy cô hiền lành tử tế.

Lính tập đi chơi chợ thấy cô bán than xinh đẹp hay đứng bước gọi chuyện. Cô tỏ ra không vô tình và ta còn lạ gì có những thầy quyền tử tế đứng gần thì trong giới khổ đỏ khổ xanh xa vợ, xa nhà hay còn son dỗi, thiếu gì kẻ thấy con gái như quạ thấy gà non nên hay tìm ra chợ để bõm sơm tán tỉnh giải sầu. Còn đàn bà, con gái nào để họ lân la trò chuyện thường là những kẻ hư thân, trác nết. Câu «trai ở trại, gái ở làng con» chẳng là tỏ ý khinh

khí mấy thầy quyền bề tha và những loại gai chợ búa điểm dàng có sao?

Giờ đây, người ta thấy cô Tám bắt chuyện nay với toán lính này, mai với toán lính khác không khỏi ngạc nhiên rồi có sự dè bĩu:

— Quái! Con người như thế mà tăng tị với lính hè! Người khác pha vào:

— Cô ta đạo đức giả đấy mà! Với chị em mình thì dè dặt, ít nói ít cười, thế mà với mấy chú lính sao mà vồn vã kỹ thế! Quả xét người không dễ các chị nhỉ! Lại càng có lý để cho người quen kẻ thuộc dị nghị nữa là cô Tám có khi còn mời cả lính tráng xuống ăn chè uống rượu ở dưới thuyền cô. Có chị bực mình gặp cô Tám đã nói xô xiên:

— Chào chị Cai, còn đến bao giờ mới cho tụi em ăn trâu, uống rượu đấy? Kẻ khác cong cớn hơn, đùa dai hơn:

— Trông chị độ này có vẻ thím «quyền» quá rồi, có việc gì từ nay đã có người «nhà nước» che chở sượng ghê! Cô Tám vẫn không tỏ ra ý hờn giận và cười xòa cho xong chuyện. Có lần cô nói đồn theo họ:

— Lắm mỗi tôi năm không đấy, các chị ạ, đã nên cơm cháo gì đâu!

Một cô sống sượng hơn vừa hỏi, vừa lườm, vừa nguýt:

— Thật không? Ai mà biết lúc nào ma ăn cỗ, cứ nói phớt đi cho rồi, ăm ờ mãi cho bà con sốt ruột.

Thữ tình thử ý đã chán, họ còn rình mò, xem những khi cô Tám tiếp bọn lính tráng dưới thuyền có chuyện gì lả lơi chẳng thì tuyệt nhiên chỉ thấy cô ăn cần mời mọc họ ăn uống mà không có gì là trăng hoa dĩ bợm. Đáng lạ nhất là không bao giờ có lưu họ lại vào những chiều vắng, chợ tan rồi ra về vẫn chỉ thấy mình cô với chiếc

thuyền và thắng nhỏ thông thả buông chèo rồi lòng Triều-Khẩu. Những câu hát quen thuộc của cô thường vắng giữa dòng khi mặt trời sắp lặn hay lúc mặt trăng sắp lên.

*Đôi ta cùng nợ nước non,
Chàng đã trả sạch thiệp còn
lòng đông,
Bao giờ nước lặng bụi trong.
Bỏ người lặn lội bên sông
một mình..*

*Đi đâu lật đật ai ơi!
Mũi tên hòn đạn cho người
này theo,
Lênh đênh mặt sóng con
chèo,
Non sông gánh nặng vẫn
«theo đến cùng..»*

Giữa những khoảng thời khắc tịch mịch này giọng hát ngân nga nào nùng như ai oán, như khóc than, tâm sự ấy chỉ người trong cuộc mới rõ và người trong cuộc chỉ có biết ký thác tấn bi kịch của lòng mình vào nơi núi non đồng bãi tịch liêu mà thôi.

(Còn 1 kỳ nữa)

Bang giao giữa Cao-Miên và Việt-Nam

Từ ngày tiên khởi đến ngày Pháp đô hộ

LÊ-HƯƠNG

HOÀNG gia Cao-Miên bắt đầu bang giao chánh thức với Việt-Nam vào đầu thế kỷ thứ 17 dưới triều vua CHEY CHETTA II (1618-1628) và chấm dứt vào năm 1866 dưới triều vua ANG DUONG (1845-1859) trước khi người Pháp được mời đến đặt nền bảo hộ.

Trải qua 228 năm đã có biết bao biến cố mà mỗi quốc gia ghi lại trong quyển sử của mình có đoạn không giống quyển sử của nước bạn.

Chúng tôi trích phần này trong tập sử Cao Miên (sắp xuất bản) trình bày theo Niên giám của Hoàng Gia Cao-Miên và đối chiếu từng mục với Việt-Nam sử lược của Trần-trọng-Kim.



Năm 1618, Quốc Vương Cao-

Miên SREI-SORYOPOR thoái vị, nhường ngôi cho vua là CHEY CHETTA. Thái Tử lên ngôi tức là Quốc Vương CHEY CHETTA II (1618-1628). Ngài thay đổi tất cả những điều bó buộc của người Xiêm và từ chối việc xưng thần. Ngài dời đô về OUDONG thuộc tỉnh Kongpong Luông, xây cất cung điện dưới chân ngọn đồi. (1)

Vua Xiêm (2) muốn tái lập uy quyền trên đất Cao-Miên, xua binh tấn công. Năm 1623, có một đạo quân từ phía Bắc xâm nhập lãnh thổ, bị Quốc vương

(2) Thủ đô OUDONG tồn tại đến năm 1867, hiện thời là vùng mộ vua, có nhiều ngôi tháp dựng tro tàn các đấng Tiên Vương Cao Miên.

(1) Vua Xiêm bấy giờ là INT. ARAJA (1610) con của vua EKAT, OTSAROT

BANG GIAO...

Chey Che'ta II thân chinh đánh tan rã ở BÂRIBAUR cách Biên hồ lối 50 cây số. Đạo quân thứ nhì tiến vào tỉnh BANTEI-ME-AS bị Hoàng đệ PRAH OU-TEY đẩy lui. Năm sau, 1624, quân Xiêm theo đường biển đổ bộ miền duyên hải bị phản công dữ dội phải rút về (có thuyết cho rằng Quân Xiêm tấn công trong năm 1621 và 1622).

Đề quân Xiêm không dám quấy nhiễu nữa, Quốc Vương CHEY CHETTA II cưới một công Chúa Việt-Nam hầu dựa vào thế lực của Triều đình Huế. Bấy giờ họ Nguyễn tránh nanh vuốt họ Trịnh ở triều nhà Lê đóng đô ở Hà Nội vào đóng ở Tỉnh Quảng-Trị, Thừa Thiên, Quảng-Bình, Quảng-Nam và Quảng-Ngãi. Họ Nguyễn chiếm nước Chiêm Thành và lập thành tỉnh huyện sát ranh giới Cao Miên.

Năm 1623, một phái đoàn sứ giả ở Huế vào Triều kiến Quốc Vương Chey Che'ta II xin cho người Việt vào cư ngụ trong tỉnh PREY KÔR (1) và lập một cơ quan thu thuế (2) Nhà Vua chấp

thuận. Triều đình Huế khuyến khích dân chúng di cư vào Nam và lấy danh nghĩa là để giúp Vương quốc Cao Miên giữ gìn trật tự. Họ Nguyễn cử một vị Tướng lãnh đóng tại thành phố này.

(1) Đúng tên là PREY NOKOR : thành phố ở giữa rừng, nay là Saigon.

(2) Tập Niên giám viết tay ở thư viện Hoàng-Gia Cao-Miên dưới triều Vua CHEY CHETTA II, trang 369 ghi sự việc này như sau : Năm 2169 Phật lịch, tức là năm 1623 DL một Sứ giả của Vua Annam dâng lên Vua Cao Miên Chey Chetta một phong thư, trong đó Vua Annam ngõ ý «mượn» của nước Cao Miên xứ Prey NOKOR và xứ KAS KROBEY (Bến nghé) để đặt làm nơi thu quan thuế. Vua Chey Chetta sau khi tham khảo ý kiến của đình thần đã chấp thuận lời yêu cầu trên và phúc thư cho Vua Annam biết. Vua Annam bèn ra lệnh cho quan chức đặt sở Quan thuế tại PREY NOKOR và KAS KROBEY và từ đó bắt đầu thu quan thuế.

Khi Quốc vương Chey Chetta II thắng hà, tất cả vùng thuộc miền Nam từ PREY KÔR đến ranh giới Chiêm Thành, các tỉnh Bắri và KÂMPÉAP SRÉKA-TREY (Biên-Hòa) đều bị người Việt-Nam cai trị (1).

Sau khi Quốc vương Chay Chetta II nước Cao-Miên trải qua ba triều Vua, đến đời Quốc vương PONHEA CHAN (1642-1659) mới có sự liên lạc với Việt-Nam.

Năm 1658, hai vị Hoàng thân SÔ và ANG TAN, con của ông Phụ Chính Prah Outey đã thoát nạn lúc Quốc vương Ponhea Chan tàn sát gia đình mình 16 năm trước cầm quyền nổi loạn đánh nhà Vua. Bị quân Triều

(1) Theo sử Việt Nam, Quốc vương Chey Chetta II cưới Công Chúa NGOC VAN con Chúa Nguyễn SÃI VƯƠNG (1613-1635) vào năm 1620. Nhóm người Việt Nam đầu tiên di cư vào miền Nam ngụ ở MÔ-XOÀI (ngọn đồi nhỏ trũng Xoài) gần Bắri ngày nay.

phản công mãnh liệt, hai vị chạy trốn trong cung Hoàng hậu Ngọc Vạn, vợ của Tiên Vương Chey Chetta II. Hai vị nhờ Hoàng Hậu xin binh nhà Nguyễn đến giúp khôi phục ngai vàng. Chúa Nguyễn Hiền Vương nhận lời phái một đạo binh viễn chinh vào tháng 10 năm 1648 đến giúp hai Hoàng thân. Một hạm đội Cao Miên do một vị Hoàng thân chỉ huy chặn đánh đạo binh Việt-Nam bị thua to ngoài khơi Bắri. Quân nhà Nguyễn tiến vào bắt Quốc vương Ponhea Chan nhốt trong cái cũi sắt đem về tỉnh QUẢNG BÌNH. Quốc vương thắng hà ở đây (2) quân Việt-Nam đã Hoàng thân Sô lên ngôi Vua tước hiệu là BATOM REACH-ÉA (1660-1672).

Nhờ người Việt-Nam mới được làm Vua, Quốc Vương BATOM RÉACHÉA ký hòa ước nhận triều cống Chúa Nguyễn hàng năm và cho người Việt định cư trong lãnh thổ, được làm chủ phần đất khai hoang và hưởng quyền lợi ngang hàng với người Miên.

Năm 1672, Quốc vương Batom Réachéa bị người rề tên CHEY CHETTA III (đệ tam) ám sát chết rồi lên ngôi (1672-1673).

Hoàng đế ANG TON chạy trốn ở Việt-Nam, xin Triều Đình Huế giúp khôi phục cơ đồ.

Giữa lúc ấy, CHEY CHETTA

(2) Theo Việt Nam sử lược của Trần trọng Kim thì sự việc xảy ra không giống sử Cao Miên. Trong mục : «MỞ ĐẤT NAM VIỆT VÀ SỰ GIAO THIỆP VỚI CHÂN LẠP», tác giả viết :

„, «Năm Mậu Tuất (1658) vua nước Chân Lạp mất rồi, chú cháu tranh nhau sang cầu cứu bên chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là Chúa Hiền sai quan đem 3.000 quân sang đánh ở Mối Xuy (nay thuộc huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa) bắt được Vua nước ấy là NẶC ỜNG CHÂN đem về giam ở Quảng-Bình một độ, rồi tha cho về nước bắt phải triều cống và phải binh vực người Việt Nam sang làm ăn ở bên ấy.

III bị người Mã Lai, bộ hạ của Tiên Vương PONHEA CHAU giết chết.

Bá quan tôn Hoàng Tử ANG CHEY nối ngôi (1673 — 1674) Ngài là con của Tiên Vương BAHTOM REACHEA, cháu nội của vị Phụ chính Prah Outey, năm ấy vừa được 21 tuổi. Vừa tức vị không bao lâu, Ngài phải thân chinh xuống miền Nam chống trả cuộc tấn công của đạo binh Việt-Nam (3) do hoàng thân ANG TON đưa về. Chiến cuộc kéo dài gần một năm, trong một trận giao tranh Ngài bị giết giữa sa trường. Hoàng thân ANG TON thắng, nhưng lại nhuốm bệnh bỏ mình, giao binh quyền cho Hoàng thân ANG NON là người em con chú.

Hoàng thân ANG NON (1674 — 1675) làm Phụ chính giúp ANG TON, cầm quyền về thủ đô OUDONG tức vị đăng quang.

Năm tháng sau, Hoàng thân ANG SAUR em của Tiên vương ANG CHEY cầm quân đánh đuổi đạo binh viễn chinh người Việt. Quốc Vương ANG NON

chạy trốn ở Việt-Nam.

Hoàng thân ANG SAUR bấy giờ được 19 tuổi. Ngài lên ngôi, tước hiệu là CHEY CHATTA IV (đệ tứ) Suốt đời, Ngài thoái vị bốn lượt nhưng các vị Quốc vương thay Ngài không cáo đáng

- (1) Việt Nam sử lược viết : "... Năm Giáp Dần (1674) nước Chân Lạp có người NẶC ÔNG ĐÀI đi cầu viện nước Tiêm La để đánh NỘN NẶC ÔNG NỘN bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang (nay là Khánh-Hòa). Chúa Hiền bèn sai Cai cơ đạo Nha Trang là Nguyễn Dương Lâm cùng với Nguyễn Đình Phái làm Tham Muu đem binh chia làm 2 đạo sang đánh Nặc-ông-Đài phá được đồn Saigon rồi tiến quân lên vây thành Nam Vang. Nặc ông Đài phải bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng. Nặc ông Thu ra hàng. Nặc ông Thu là chính dòng con trưởng cho nên lại lập làm Chánh Quốc vương đóng ở Lơng-Úc để Nặc ông Nộn làm đệ nhị Quốc Vương đóng ở Sai gon, bắt hàng năm phải triều cống..."

nổi. Ngài lại phải trở lại gánh vác việc nước.

Lên ngôi lần thứ nhứt (1675-1695)

Từ năm 1675 đến 1691, Quốc vương Chey Chetta IV phải chống trả những cuộc nổi loạn của người em họ : ANG NON.

Sau khi thất trận, Hoàng thân ANG NON chạy xuống miền Nam thỏa thuận với Chúa Nguyễn cho người Việt vào định cư ở Baria và DAUNG-NAY (Đồng-Nai) và 3.000 người Trung-Hoa tị nạn. Nhóm người này trung thành với Nhà Minh vừa bị MÂN THANH lật đổ không muốn sống dưới chế độ ngoại lai. Hoàng thân ANG NON chiêu mộ người Việt và Người Trung Hoa lập thành một đạo binh tấn công Quốc vương Chey Chetta IV vào năm 1682. Bị đánh bất ngờ, quân đội Hoàng gia Cao Miên bỏ cả tỉnh KAN KAN (tiếng Việt gọi Ba Sắc) và PRÉ-AH TRAPEANG (Trà-Vinh) rút lui về phía Tây thủ đô

OU Dong. Nhờ quân Xiêm trợ lực và binh sĩ Miên gia nhập thêm, quân đội Hoàng gia phản công vào năm 1684 và đuổi được kẻ phản nghịch khỏi nước. Hoàng thân ANG NON điều đình với Vua Xiêm (1) làm trọng tài giúp đỡ mình như bị từ khước. Hoàng thân lại ra Huế nhờ Chúa Nguyễn Hiền-Vương (2). Năm 1688, Chúa Nguyễn cấp Hoàng thân một đạo binh 20.000 người do hai tướng THUYEN KHUON và THOUM MOU (?) chỉ huy tiến đến Oudong chiếm thủ đô. Còn Hoàng thân dắt 5.000 binh sĩ lên VEAL HONG bị quân đội Hoàng gia đánh tan rã. Quân VN lấy tin này liền rút về. Năm 1689, Hoàng thân lại đem quân về đánh Chey Chetta IV lần chót. Hoàng thân chỉ huy một đại đội Việt và vài tên Trung-Hoa chiếm

- (1) Vua Xiêm bấy giờ là Quốc vương NARAI (1657-1688).

- (2) Trong Việt Nam sử lược không có ghi việc này. Chúa Nguyễn bấy giờ là NGUYỄN PHÚC TRẦN.

thành Phnom Penh. Quốc Vương Cao Miên chạy về Kompong Luong xin điều đình. Vài ngày sau, một hiệp ước ra đời, nhìn nhận vương quyền của Việt-Nam.

Khi tái lập hòa bình vào năm 1689 xong, Quốc Vương Chey Chetta IV mới làm lễ đăng quang.

Năm 1695, tuy vẫn còn trẻ, Ngài thoái vị nhường ngôi cho người cháu (con của anh) tên PRAH OUTEY.

Quốc Vương PRAH OUTEY I (đệ nhứt) ở ngôi được 10 tháng. Năm 1696, Ngài thăng hà.

CHEY CHETTA IV lên ngôi lần thứ nhì (1696 - 1699).

Quốc Vương Chey Chetta IV phải tức vị lần thứ nhì, năm 1697 Ngài gả Công Chúa cho Hoàng thân ANG EM con của vị Phụ chính ANG NON,

Năm 1699, một viên quan Ca,

Miền tên Êm nổi loạn, Êm nhờ người Việt giúp cho 20,000 quân chia làm hai đạo ngược giòng sông Mekong tiến đến tỉnh Kompong Chnang, Bị quân Cao Miên đánh lui, quân Việt-Nam rút về đóng trong các tỉnh PREY KOR (Saigon), KAMPÉAP SRÉKA IREY (Biên-Hòa) và Bà Rịa bấy giờ thuộc quyền Kiểm soát chính thức của triều đình Huế. 1) Chính ÊM hứa nhượng cho Việt-Nam để nhờ giúp về mặt quân sự, Trong trận giao phong, ÊM bị tử thương.

Chấn nản trước cảnh nổi da xao thịt, Quốc vương Chey Chetta IV lại thoái vị, nhường ngôi cho rể là ANG EM.

Quốc vương ANG EM trị vì, được hai năm. Đây là lần thứ nhất Ngài ở ngôi Vua. Trong trận đánh với viện quân phản loạn, Ngài tỏ rất dũng cảm. Nhưng vì tánh tình hơi hốt và hơi dằn, Ngài không gánh nổi trách nhiệm. Năm 1701, Quốc vương Chey Chetta IV lại phải nắm giữ quyền hành lần thứ ba.

CHEY CHETTA IV lên ngôi lần thứ ba, (1701 - 1702).

Bấy giờ có tên KIM nhờ người Việt-Nam (2) giúp sức nổi loạn tấn công vào Oudong.

(1) Việt Nam sử lược ghi:... Thời bấy giờ đất Chân Lạp cứ loạn lạc luôn. Năm Kỷ Mão (1699), Vua nước ấy là NẶC ÔNG THU đem quân chống với quân Chúa Nguyễn, Chúa sai quan Tổng Suất Nguyễn-hữu Kính sang đánh. Quân ta sang đến thành Nam Vang. Nặc ông Thu bỏ chạy, con Nặc ông Nộn là Nặc ông Yêm mở cửa thành ra hàng. Sau Nặc ông Thu cũng về hàng, xin theo lệ triều cống như cũ, quân ta rút về. Được ít lâu, Vua thứ hai là Nặc ông Nộn mất, Vua thứ nhất là Nặc ông Thu phong cho con Nặc ông Nộn là Nặc ông Yêm làm quan và lại gả con gái cho o. Sau, Nặc ông Thu già yếu, truyền ngôi cho con là NẶC ÔNG THÂM.

(2) Việc này không có ghi trong Việt Nam Sử Lược.



Trên (từ trái sang phải) : NORODOM, ANG DUONG SISOWATH

Dưới (từ trái sang phải) : KOSSAMAK, MONIVONG, SIHANOUK, SURAMARIT

Quốc vương Chey Chetta IV phải dất Hoàng tộc và Triều thần chạy tránh ở tỉnh PURSAT. Sau đó Ngài chinh tu binh mã kéo về chiếm lại thủ đô và bắt giết tên KIM.

Năm 1702, Ngài thoái vị nhường ngôi cho con là THOM-

MO RÉACHÉA.

Quốc Vương THOMMO RÉACHÉA bảy giờ mới được 12 tuổi. Đây là lần thứ nhất Ngài tức vị, ngồi làm vị chứ không làm gì cả. Chính Vua cha tiếp tục điều khiển việc nước.

(Còn tiếp)



● Một người bạn thân là một kẻ mà mình có thể tin cậy được để tự tin cậy được mình.

(Un ami, c'est un gars sur qui vous pouvez compter pour compter sur vous)

Eddie Constantine

(Nghệ sĩ xi-nê)

● Chẳng có cái gì, và chẳng có ai, là hoàn toàn vô-lý cả. Ngay như cái đồng hồ chết máy, nó cũng nói đúng mỗi ngày hai lần.

Rien, ni personne ne peut absolument avoir tort. Même une horloge arrêtée a raison deux fois par jour)

Nhà văn Jean Rostand

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

XII — Hoàn-cảnh gái xấu-số

(Tiếp theo PT số 232)

LẤY CHỒNG CHUNG Thà trước thôi đành ở
vậy xong,

Kẻ đắp chăn bông, kẻ
lạnh lòng
Chém cha cái kiếp lấy
chồng chung!
Năm thì mười họa, nên
chăng chớ?

Một tháng đôi lần, có
cũng không!

Cổ ấm ăn xôi, xôi lại
hở g.

Cầm bằng làm mướn,
mướn không công,

Thần này vì biết đường
này nhĩ,

Đã có nhiều người phỏng
đại tư tưởng của Hồ-Xuân-
Hương trong bài thơ trên,
mà quả quyết rằng tác giả
có dụng ý đả-kích chế độ
đa thê.

Đọc kỹ bài thơ, chúng ta
không thấy có câu nào, hoặc
chữ nào, biểu lộ dụng ý ấy
cả.

Tuy nhiên, như trong
nhiều bài trước mà chúng

ta đã nghiên cứu- nhà thơ duyên dáng của phái đẹp không bỏ qua một dịp nào mà không tỏ ra nết hặn vì số kiếp của người phụ-nữ.

«Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng

«Chém cha cái kiếp lấy chồng chung»

«Chém cha cái kiếp», tức là mặc nhiên chấp nhận cái số kiếp của một hạng đàn bà con gái phải «lấy chồng chung» với một người đàn bà khác. Nhưng không phải chấp nhận với thái độ an bài thụ động như những người vợ lẽ tầm thường.

Nữ thi-sĩ có bản lĩnh Hồ-Xuân-Hương tức giận đến nguyên rủa cái số-kiếp ấy. Nguyên-rủa rất độc địa : *«Chém cha cái kiếp !»*, như lời tục thường nói : *«Mẹ cha cái kiếp !»*, nhưng lời thơ của Nữ-sĩ được tổ điểm văn hoa hơn.

Trong câu nguyên-rủa cái

số kiếp người vợ bé, không có một ngụ ý dả kích chế độ đa-thê như là một bất-công xã-hội, nói chung.

Cô dả-kích chẳng, là dả kích cái bất-công của người vợ lớn, của *«kẻ đắp chăn bông»*, để cho người vợ bé phải chịu là *«kẻ lạnh lùng»*. Nhưng Hồ-xuân-Hương đề cập đến hoàn-cảnh người «vợ bé» cũng như hoàn cảnh «gái chửa hoang», không phải đề chống lại một chế-độ xã-hội (cô không có ý-nghĩ đó), mà chính là đề bênh vực cho số-kiếp của một hạng đàn-bà bị đàn-ông làm đau-khổ. Cái đối-tượng trong thơ Hồ-xuân-Hương, trong tất cả các bài thơ của hồ-xuân-Hương, là người đàn ông, và chỉ là người đàn ông mà thôi. Chúng ta không nên quên điểm đó. Nếu phóng-đại ra, thêm-dệt thêm ra, nói rằng cô dả kích những bất-công của xã-hội, tức là nhận-định sai lầm tư-tưởng của Hồ-xuân-Hương.

Trong một-chương-sau, chúng ta sẽ trở lại đề tài này rõ ràng hơn.) Tư-tưởng của Hồ-xuân-Hương là luôn luôn, bất cứ trong trường-hợp nào, đề cao đức tính kiên hãnh (la fierté)—không phải kiêu căng, — của phái Nữ đối tượng của phái Nam. Cô luôn luôn hăm-hực, hoặc khinh miệt, hoặc mai-mĩa, hoặc chế cười, hoặc thách đố Nam giới.

Ngay như khi cô *«chém cha cái kiếp lấy chồng chung»* tuy rằng cô ganh ghen với người vợ lớn, cô nguyên rủa thân phận của người vợ bé, nhưng chính là đề tỏ cái hận cay đắng, cái hận oán trách kiêu hãnh vô cùng mai mĩa, đối với người đàn ông, kẻ làm «chồng chung» của hai người đàn bà.

Hồ-Xuân-Hương không dả kích chế độ đa thê, vì chính cô cũng đã chấp nhận làm

vợ bé một ông phủ cơ mà ! Nhưng tưởng rằng ông phủ Vĩnh-Tường yêu cô, cười cô về làm V2, sẽ chịu chuông cô, o-bế cô, tạo hạnh phúc cho cô, ngờ đâu kẻ «chồng chung» ấy lại đối xử với cô thậm tệ đến vậy !

Cả bài thơ không có câu nào cô oán trách bà vợ lớn, mà chỉ toàn là mai mĩa người chồng.

Có bắt đầu :

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng

(Anh đắp chăn bông nằm ấm áp (với chị ấy). anh nỡ để tôi nằm một mình lạnh-lẻo như thế này ư ?)

Nữ-sĩ làm bài thơ này, chắc là làm mằm trong trí, chứ chưa chép ra giấy, trong lúc cô nằm cô đơn không ngủ được, trong lúc đêm đông đã buốt. Cô đắp một chiếc chiếu, hay là một cái mền mỏng lạnh thấu xương, nên hồn thơ của cô mới

trời đây ngậm-ngùi tức giận
cho số kiếp lam vớ lẽ :

**Chép cha cái kiếp lấy
chồng chung.**

(Bao nhiêu kẻ được diễm
phúc một vợ một chồng,
được ôm-ấp người chồng
riêng của họ, sao cái kiếp
của tôi lại phải lấy người
chồng chung với kẻ khác ?
Cái kiếp làm vợ bé khốn
nạn thật ! đáng nguyên rủa
thật ! Anh nghĩ xem :

**Năm thì mười họa, nên
chăng chớ ?**

Năm thì mười họa, anh
mới «ăn năm» với tôi, thì,
hỏi anh : thế có nên vợ nên
chồng hay chăng ? Vợ
chồng gì mà năm thì mười
họa mới... mới...?

**Một tháng đôi lần, có
cùng không !**

Không phải là không có..
Nhưng một tháng đôi lần,
thì có cũng như không ! Một
tháng 30 đêm, anh chỉ có..

với tôi một vài đêm, à quên
một vài lần, — thì sao gọi là
có ? Có như thế, thì đừng
có còn hơn !

**Cố đấm ăn xôi, xôi lại
hồng**

Tôi biết anh đã có vợ,
nhưng vì thấy anh thương
tôi, tôi thương anh, nên tôi
mới nhào vô.

Về làm vợ anh, tưởng đâu
là ngon xôi lắm, như được
anh cho ăn một đĩa xôi vò,
không ngờ lại xôi hồng ! Xôi
sượng ! Xôi thiu !

**Cầm bằng làm mướn,
mướn không công,**

Mang tiếng là vợ anh,
nhưng anh xử tệ với tôi như
thế khác nào kẻ làm mướn
mà lại làm mướn không
công nữa chứ !

Thật là chua chát ! Người
ta đi làm mướn, còn được
trả tiền công, đây tôi về làm
vợ anh, tôi phải làm đầy đủ
bồn-phận nội trợ, quét nhà,

ghinh nước, nấu cơm, cũng
đang như người làm mướn,
nhưng lại không được trả
tiền công. Trả công đây không
phải là trả tiền, nhưng làm
vợ anh mà không được ăn-
uống, không được gần gũi
nhau, đêm hôm đầu gối
tay ấp, thì anh trả nghĩa
tôi bằng gì, nếu không là
con số không ?

**Thân này ví biết đường
này nhĩ
Thà trước thoi đành ở
vậy xong !**

Ồ ! Tôi tưởng về làm vợ
anh, dù là vợ bé chẳng nữa,
cũng không đến nỗi nào.
Chứ nếu biết thân phận tôi
xui-xẻo đường này, thà tôi
đành ở-vậy cho xong ! Chả
chồng thì đừng chồng !)

Phân tách và giảng giải
rành-rẽ bài thơ như trên,
chúng ta không thấy một
câu, một chữ nào của
cô Hồ-Xuân-Hương ngụ ý
«đả kích xã hội bất công»
hoặc «đả kích chế độ đa thê»

Nếu cô có tư tưởng đó, thì
bài thơ đã phải chưa đựng
bao nhiêu hần học vì sao
người đàn ông có quyền lấy
«năm thê bảy thiếp» mà buộc
«gái chính chuyên phải có
một chồng» ? Đó là câu hỏi
cốt yếu tố cáo sự bất công
phi lý của chế độ đa thê, mà
cô Nữ-thi-hào tài hoa của
đất Thăng-Long không hề
đặt ra cho xã-hội đương
thời của cô. Và nếu cô đã
kích chế độ đa thê như là
một bất công của xã hội, thì
trước hết chính cô phải
không chịu đi làm «vợ bé»
dù là vợ bé một quan Phủ
quan Huyện.

Hơn nữa, cô đã có một
đời chồng trước. Cô làm V1
của chàng Tông Cốc ít nhất
cũng ba năm trước khi «cố
đấm ăn xôi» nhẩy vô làm
V2 ông Phủ Tĩnh Tường.
Nghĩa là cô Nữ-sĩ xấu số
của chúng ta đã có đầy đủ
kinh nghiệm làm «đệ
nhất phu nhân» của
một gã đàn ông, trước khi

tư-ư ưng-thuận làm «đệ-nhi phu-nhân» của một lão đàn ông khác.

Không, Nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương rất đáng yêu của Thế kỷ XIX không thêm dề-y đến chế-đo xã-hội đương thời. Cô chỉ chú trọng hoàn-toàn đến quan-diêm duy-nhất của cô, tín-diệu duy-nhất mà cô đã pho-bày rất hùng hồn, tinh vi, trong tất cả sáng-tác phẩm của cô: địa vị, phẩm giá, kiêu hãnh của phụ-nữ lấy người đàn ông làm đối-tượng.

Cô tế-nhi và trung thành với lập-trường phụ nữ cho đến đời trong bài thơ «*Lấy chồng chung*» trên đây cô không hề có một lời oán trách bà vợ lớn. Bởi, dù sao, bà vợ lớn cũng là phái nữ như cô. Cô không thổ-lộ một chút ghen-tương hay hiềm-khích nào với bà lớn: đó là diễm rất cao-quý của Nữ-sĩ Hồ-xuân Hương, vợ bé ông Pau.

Cô chỉ oán-trách ông Phủ mà thôi.



Ở đây, chúng ta lại khám phá đặc-diêm chứng minh bản-lãnh kiêu-hãnh của Hồ-Xuân-Hương. Cô oán trách người chồng không phải trên phương diện tình yêu. Như trong những bài trước, tôi đã xác định rằng Hồ-Xuân-Hương không chú trọng đến tình yêu, không bao giờ ca ngợi Ái-tình. Cô oán-hận người đàn ông, duy nhất trên khía cạnh tự ái, tự cao, kiêu hãnh của đàn bà.

Dù người đàn bà phải chịu cái số kiếp làm vợ bé, nàng cũng là một người vợ, không hơn không kém. Người chồng phải xử-sự với nàng bằng tất cả tư cách một người chồng.

Nhưng khi nữ Thi-nhập

cảm thấy rõ thân phận hăm hiu của kẻ «*lấy chồng chung*» cô bèn trút hết cái hận vào người đàn ông trong tám câu thơ di dỏm chua chát kiêu kỳ. Tám câu thần bút thiêng trong đêm thắm có miền đá buốt.

Hai câu đầu thốt ra:

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh
lòng,
Chém cha cái kiếp lấy chồng
chung!*

báo hiệu cho chúng ta cảm

thấy rằng không phải là một lời than thở yếu hèn của một nữ thường tình an phận.

Đây là tiếng phẫn-nộ của một tâm-hồn siêu-dã, ngậm-ngùi cho số kiếp đàn bà, nhưng kiêu hãnh với phẩm-giá của mình.

Hai câu kết lại toát ra lời oán-hận cuối-cùng, miệt-thị người đàn-ông thậm tệ, người đàn-ông không xứng với cô vợ lẽ tài hoa.

(Còn nữa)



● Đối với một nhà ngoại-giao, cái khôn-khéo là ở chỗ mình nói sự thật khi người ta tưởng rằng mình không nói sự thật, và mình không nói sự thật khi người ta tưởng rằng mình nói sự thật (*pour un diplomate, le dernier mot de l'astuce est de dire la vérité quand on croit qu'il ne la dit pas, et de ne pas dire la vérité quand on croit qu'il la dit*)

COURTELINE

(Nhà Văn hài hước Pháp)

Việt-Nam tại Hội-Nghị Văn-Bút Quốc-Tế lần thứ 36 ở Menton (Pháp) (14 - 20 tháng chín 1969)

Bút ký của BÀNG-BÁ-LÂN
(Hội Văn-Bút Việt-Nam)



Hội thi chủ-trương của Văn-Bút Quốc-Tế có thể tóm tắt trong bốn điểm sau đây :

1. — Văn chương chỉ chấp nhận những đặc tính quốc gia mà không chấp nhận biên giới. Sự trao đổi văn chương tư tưởng, bất kỳ ở thời nào, phải được hoan- toàn độc lập, không lệ thuộc những biến cố chính-trị.

2. — Trong mọi hoàn cảnh và trường-hợp, nhất là những lúc có chiến tranh, sự tôn trọng những tác phẩm văn học nghệ-thuật phải được đặt lên trên mọi ham muốn, hận thù quốc gia cũng như chính trị.

TRƯỚC khi vào đề, tưởng cũng nên có ít lời về Hội Văn-Bút Quốc Tế (P.E.N. Club International) và mục-dịch của nó để bạn đọc có một ý niệm.

Theo hiến-chương (charte) của

ET. NAM...

3. — Các hội viên Văn Bút luôn luôn dùng ảnh hưởng của mình và tác phẩm của mình để đề cao sự cảm thông và tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc, phải cam tâm hết sức mình để xóa mọi chia rẽ hận thù giữa các màu da cùng giai cấp, phổ biến truyền bá lý tưởng của một nhân loại tốt đẹp chung sống bình yên hòa hảo trong một thế giới đại đồng.

4. — Hội Văn Bút Quốc Tế quyết đối bình vực sự tự do trao đổi tư tưởng giữa các quốc gia. Mỗi hội viên của hội có bổn phận phải chống lại mọi sự xâm phạm đến quyền tự do tư tưởng và ngôn luận ở xứ mình, không chấp nhận sự kiểm duyệt độc tài trong thời bình.

Hội Văn-Bút xác nhận sự tin tưởng rằng thế giới cần phải tiến tới một tổ chức chính trị và kinh-tế hoàn hảo hơn và muốn thế, sự tự do chỉ chính quyền và chế độ

là cần thiết.

Tuy nhiên, tự do cũng phải có giới hạn, vậy mỗi hội viên phải có bổn phận chống lại mọi sự lạm dụng tự do ngôn luận của báo chí, mọi sự dối trá, giả mạo, bóp méo sự thật với mục đích chính trị hay lợi ích cá-nhân.



Hội Văn-Bút Quốc Tế thành lập đã được ngót nửa thế kỷ, quy tụ hơn 50 quốc-gia.

Trụ-sở chính đặt tại Anh-quốc, Địa chỉ : Globe House, 62/63 Globe Place, Chelsea, Londres, S.W.3. (Điện thoại : Flaxman 9549). Cứ mỗi năm họp Đại Hội Nghị một lần tại một nước (do nước đó mời và được Đại Hội chấp thuận).

Hội nghị đầu tiên họp tại Londres năm 1923. Và lần lượt như sau :

1924 : New York ; 1925 : Paris ; 1926 : Berlin ; 1927 : Bruxelles ; 1928 : Oslo ; 1929 : Vienne ; 1930 : Varsovie ; 1931 : Amsterdam ; 1932 : Budapest ;

1933 : Dubrovnik ; 1934 : Edimbourg ; 1935 : Barcelone ; 1936 : Buenos Aires ; 1937 : Paris ; 1938 : Prague ; 1941 : Londres ; 1946 : Stockholm ; 1947 : Zurich ; 1948 : Copenhague ; 1949 : Venise ; 1950 : Edimbourg ; 1951 : Lausanne ; 1952 : Nice ; 1953 : Dublin ; 1954 : Amsterdam ; 1955 : Vienne ; 1956 : Londres ; 1957 : Tokio ; 1959 : Franc Fort-sur-le-Main ; 1960 : Rio de Janeiro ; 1964 : Oslo ; 1965 : Bled ; 1966 : New York ; 1967 : Abidjan ; 1969 : Menton. (Có mấy năm bị gián đoạn là do ảnh hưởng của chiến tranh hoặc những biến cố chính trị)

Hội Văn-Bút Việt-Nam thành lập và gia nhập Văn-Bút Quốc-Tế đã hơn mười năm nay, và từ 1957 thường năm nào cũng cử đại-biểu đi dự Hội-nghị Quốc-Tế. Trụ-sở của Hội hiện đặt tại số 36/59 đường Cô Bắc, Sài-gòn.

Hội tháng 10 năm ngoái có Hội-Nghị Ban Chấp-Hành Quốc-Tế (Comité exécutif International) tại Genève (Thụy-sĩ), tôi được

Ban Thường-Vụ Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam cử đi dự với tư-cách là Phó Chủ-tịch cùng văn-hữu Nguyễn-thành-Vinh.

Nhưng vì sự quyết định quá trễ, hội-nghị lại gần ngày (chỉ có bốn ngày) và việc làm giấy tờ xuất ngoại của bạn Vinh gặp nhiều trở ngại khó khăn, nên đến phút chót tôi đã từ chối không đi vì sợ đến họp trễ !

Năm nay Ban Thường Vụ lại đề cử tôi và bạn Phạm-việt-Tuyền làm đại-biểu chính-thức (délégués officiels) đi dự Đại Hội lần thứ 36 tại Menton (Côte d'Azur) ở Pháp.

Theo thường lệ thì vì ngân-quỹ không được dồi-dào nên Việt-Nam chỉ cử có hai đại-biểu. Riêng năm nay, Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu muốn phái đoàn, ngoài việc dự hội, còn quan sát kỹ về cách tổ-chức để — nếu có thể — sẽ mời Hội-Nghị Văn-Bút Quốc-Tế họp tại Việt-Nam vào năm 1971 (năm 1970 Đại-Hàn đã mời rồi), Do đó, phải

năm nay được thêm hai đại-biểu nữa là hai văn-hữu Nghiêm-Việt và Nguyễn-duy-Trường (bút hiệu Thanh-Vân) để thêm phần hùng hậu. Ngoài Văn-hữu Nguyễn-văn-Trung, Phó-trưởng Đại-Học Văn-khoa Sài-gòn, được Asia Foundation thọ qua Pháp làm công-tác giáo-dục, cũng dự vào phái đoàn. Thế là có tất cả 5 người.

Việc làm thủ tục giấy tờ, cũng như hầu hết mọi lần trước, thật hấp-tấp vội-vàng, vì quyết định của nhà hữu quyền bao giờ cũng đến đến vào những phút chót ! Nhưng chúng tôi may mắn được hầu hết nhân-viên của nhà sở sẵn sàng giúp đỡ, nhất là nhân-viên Hối-Đoái đã làm thêm giờ) nên chúng tôi đi kịp chuyến phi-cơ cuối cùng của hãng Air-France cất cánh vào 3 giờ 30 chiều thứ bảy 13-9-71.

Riêng tôi, khi ra phi trường, gặp phải một sự rắc rối không tưởng không đi được ! Vì trong giấy thông-hành (passport service) của tôi, ở dòng thời

hạn xuất ngoại, «vi» nhân-viên Bộ Ngoại giao phụ trách viết giấy thông hành đã... quên không ghi rõ bao nhiêu ngày ! Do đó, cảnh sát phi-trường «rất tiếc» phải giữ tôi lại để hỏi Bộ Ngoại giao đã.

Sắp đến giờ phi-cơ cất cánh mà còn hỏi Bộ Ngoại giao, lại là chiều thứ bảy thì không biết hỏi ai bây giờ !

Nhưng, may thay, viên toán trưởng cảnh-sát phi-trường lại nhận ra được tôi là thầy học cũ, nên đã chịu khó gọi điện-thoại hết nơi này nơi nọ, và cuối cùng bắt liên lạc được với cuinh ông Tổng-trưởng Ngoại giao Trần văn Lãm tại tư thất của ông đề bạn Phạm-việt-Tuyền nói chuyện. Nhờ vậy, đến phút chót tôi được... ra đi thông thả !

Phải thành thực nhận rằng trong phái đoàn tôi là người lớ ngớ nhất. Các bạn khác, người đã xuất ngoại nhiều lần, người thì thường có thân nhân xuất ngoại nên đã thừa từng trải. Chỉ có tôi mới ra ngoài lần đầu nên mù tịt

về mọi thủ tục giấy tờ, đã thế lại rất ngăn việc giao dịch với các công-sở, nên đành phó mặc anh em lo liệu, đây đưa Đúng 17g 35 chiếc phi cơ phản lực Boeing 707 cất cánh. Và chỉ một giờ sau chúng tôi đã tới Bangkok (Thái-lan).

Phi trường Bangkok đồ sộ, tôi tân hơn phi-trường Tân-sơn-nbút của chúng ta rất nhiều. Một ý nghĩ so sánh chưa xót bống này ra trong tôi : Thôi thì đành quy tội cho chiến tranh, chứ còn biết đổ lỗi cho ai bây giờ !

Dừng chân tại Bangkok chừng một tiếng đồng-hồ, chúng tôi lại lên phi-cơ... đường mây rong ruổi. Vì là chuyến bay tốc hành (jet) nên chỉ ghé ít chặng thôi. Chặng đường thứ hai này rất dài, phi-cơ phải bay mất 5 tiếng đồng-hồ, qua Miến-diên, vịnh Bengale, Ấn-độ và hạ cánh xuống trường bay Karachi (Pakistan) lúc 0, 30. (giờ Saigon).

Tôi vừa mệt mỏi vừa buồn ngủ, không xuống thăm phi-trường.

Khi nghe anh em thuật lại những cái mất thấy tại nghe, mới tiếc hùi hụi. Định bụng đến chặng sau thế nào cũng phải xuống.

Chặng sau là Téhéran, thủ-đô nước Iran. Phi-cơ xuống thấp, sửa soạn hạ cánh. Trên cao nhô xuống : Đền như sao sa ; đền đường rất đều khiến ta trông rõ những dãy phố dài thẳng tắp. Bên ngoài lạnh 13 độ, giống như cái lạnh vừa phải của mùa đông Bắc-Việt, khiến lòng thương nhớ Quê-Hương bồng dạt-dào...

Phi-trường Téhéran lớn rộng. Trong phòng đợi có máy điều hòa không khí, có bày bán những thứ hàng tiêu-biểu của địa-phương như : thảm, đồ gốm bằng... kim-khí vẽ màu sắc-sỡ, v.v. Iran là đất đai của Ba-Tur ngày trước, xứ « nghìn lẻ một đêm » của thời xa xưa và bây giờ thì giàu thịnh nhờ có nhiều mỏ dầu lửa. Nhưng tự trung mọi sự giàu thịnh đều phải nhờ có sự thái-bình. Nước có thái bình thì mới thịnh trị, Lời xưa quả không sai. Và có ra khỏi đất nước mình, được nhìn thấy cảnh an cư lạc nghiệp của

thiên hạ mới cảm thấy hết nỗi thống khổ của quê-hương và dân-tộc, mới ý thức được hết ý nghĩa của hai chữ « thanh bình » !

Dừng chân ở đây gần một tiếng đồng-hồ, máy bay cất cánh trực chỉ Beyrouth (thủ đô xứ Liban) và tới nơi vào 1 giờ 30 địa-phương rạng ngày chủ-nhật 14-9-69 (đồng hồ tay của tôi chỉ 7 giờ 45, giờ này ở Sài Gòn đã sáng lâu rồi).

Phi cơ đậu tại Beyrouth 45 phút nhưng hành khách không được xuống thăm phi-trường. Đáng tiếc !

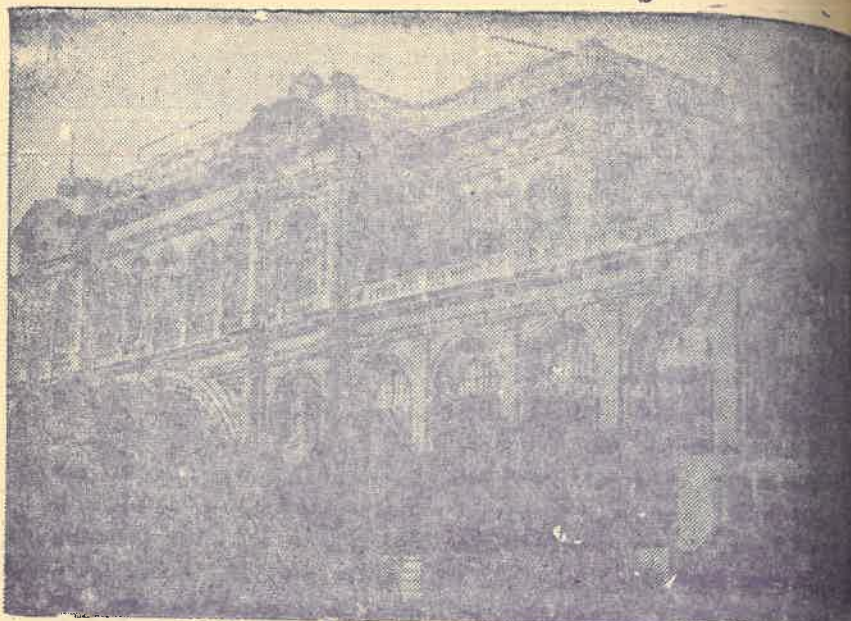
Từ đây, máy bay bay thẳng một mạch đi Nice (Pháp) qua Địa-trung hải, đảo Chypre, đảo Rhodos, Athènes (Hi-lạp), Rome (Ý). Đến Nice lúc 5g15 sáng chủ nhật 14-9-69 (giờ Saigon là 12g05 trưa cùng ngày). Phi-trường Nice là phi trường lớn thứ nhì của Pháp, sau phi trường Orly ở Paris.

Vì còn quá sớm autocars chưa chạy, chúng tôi phải thuê taxi đi Menton với giá 10 đô-la một xe. Từ Nice đến Menton đường dài

28 cây số, xuyên qua Monaco, men theo sườn núi quanh co tới dinh thự, nhà cửa san sát bên mặt là biển (Địa-trung-hải). Khí hậu mát mẻ, phong cảnh tuyệt đẹp.

Đến Menton mới chưa đầy 8 giờ, chúng tôi lại thẳng Palais de l'Europe ở đường Boyer là nơi Hội Nghị sẽ nhóm họp. Sau ít phút chờ đợi, chúng tôi được ông Eugène Domergue, trưởng ban tổ chức Hội-Nghị, tiếp đón rất niềm-nở. Ban tổ-chức đã thu xếp đủ phòng cho phái đoàn Việt-Nam, nhưng có điều bất tiện là tôi và bạn Phạm-việt-Tuyền thì ở khách sạn Carlton đường Général de Gaulle : còn các bạn khác lại ở khách sạn Floréal đường Cours du Centenaire.

Vì chúng tôi muốn có sự thay đổi để anh em cùng ở một khách sạn cho tiện nên phải đợi bà Suzanne de Beer (trong ban tổ chức) đến thu xếp. Trong khi chờ đợi, chúng tôi nói chuyện vui vẻ với ông Eugène Domergue và tôi càng vui hơn khi



Palais de l'Europe, ở Menton, nơi nhóm Hội PEN CLUB 1969.

thấy quốc-kỳ V.N.C.H pháp-phối ở vườn hoa trước tòa nhà hội, trong nắng đầu thu giữa quốc-kỳ của 50 quốc-gia trên thới giới.

Khi nơi ăn chốn ở đã được thu xếp xong, ông E. Domergue vui vẻ nói đùa chúng tôi rằng : *«Si vous êtes bien logés, c'est à cause de moi. Si vous êtes mal logés, c'est la faute de madame»*. Vừa nói ông vừa trở vào bà de Beer. Mọi người đều cười.

Sau đó, chúng tôi vội-vã trở

về đề sửa soạn cho kịp buổi họp đầu tiên khai mạc vào 10 giờ sáng.

Vì ngày đầu và ngày cuối dành đề bàn về hành-chánh nội-bộ nên chỉ có các đại-biểu chính-thức (délégués officiels) được dự mà thôi.

Do đó, chỉ có tôi và bạn Phạm-việt Tuyền tham dự ; còn các bạn khác được nghỉ ngơi và có thì-giờ đi thăm thú phố phường..

(Còn tiếp)



Đêm mưa mùa Hạ

● PHAN-THỊ-THU-MAI

BÔNG-nhiên trời trở gió, những hạt mưa phùn lất-phất bay tạt vào mặt, tạo cho Minh một cảm-giác êm-ái, gây-gây lạnh, dễ-chịu. Bầu trời trước mặt tối đen, mênh-mông ghê-rợn, những hàng cây hai bên bờ sông ẩn-hiện như bóng ma sau mỗi lần chớp. Xa-xa, ở mãi tận phương nào, thỉnh-thoảng vang lên vài tiếng nổ của đại-bác. Nơi cánh đồng lúa non, bên kia cầu, một con vạc ăn đêm cất giọng kêu cô-đơn, thăm nào.

Minh đi đi, lại lại trên cầu, mắt nhìn xuống soi thủng màn đêm. Một mảnh lục-bình trôi lơ-lửng dưới giòng nước, Minh nâng bá súng, lấy cò. Đã nhiều lần, địch-quân cột chặt nổ vào lục-bình mưu định phá cầu.

— Không có gì.

Minh tiếp tục đi qua, đi lại trên cầu, mưa bay vẫn rơi. Khí lạnh làm Minh muốn hút một điếu thuốc, nhưng nghĩ đến trách-nhiệm, anh lại thôi.

— Giá bây giờ..

Phải rồi, giá bây giờ, khí lạnh hây-hây này, được ôm người yêu bé nhỏ trong vòng tay thì còn hạnh-phúc nào hơn trên đời ? Nhưng... ! Minh cúi đầu, mím môi thở dài.

Hơn 3 tháng rồi, anh không hề nhận được một lá thư nào của Hạnh. mấy cánh thư gởi đi, đều không được nàng trả lời. Làm sao tin được lòng những người con gái ở thành phố.

Ngồi xuống thành cầu, Minh



chợt mỉm cười vui vui, anh vừa nhớ đến người con gái mới quen trong một dịp tình cờ. Nàng không đẹp bằng Hạnh, nhưng nhỏ bé, mơ mộng, rất dễ thương, nàng đã cho anh hưởng những phút giây êm-đềm, thơ mộng khó quên.

Nàng cùng đi với đứa em nhỏ trên chuyến xe đồ về Sài Gòn, nhưng khi đến đầu cầu, thì xe bị pan. Nàng xuống xe, đi lang thang trên cầu, đứng thật lâu, mơ-màng nhìn dòng nước chảy lững-lờ. Minh đã làm quen

nàng trong dịp đó...

Hai người ngồi trên một mương nước trong veo, sát lề đường. Minh tỉ-mỉ chỉ cho nàng cách sử dụng khẩu M 16 của anh, kể cho nàng nghe những đêm đi lũng địch trong đồng lầy, mấy vết sẹo trên người do những lần đối diện với tử-thần gây nên, và những chuyện vui, buồn, vinh nhục của kiếp làm lính. Nàng tròn mắt say-mê ngồi nghe. Nàng cũng kể cho anh nghe chuyện của những người ở thành phố. Nhưng chuyện của

nàng, nàng không nói gì cả...

— Xin lỗi, nói chuyện này giờ đã lâu mà tôi chưa được biết tên cô... Tôi là... Minh.

Nàng cười :

— Anh thử đoán xem tên tôi là gì nào ?

— Loan ? Anh ? Hồng ? Cúc ? Thúy ?...?

— Không.

— Tím ?

Nàng ngơ ngác :

— Tím ? Tại sao ?

— Tôi chịu, không thể đoán tên cô được... Cô mặc áo tím, một màu mà tôi rất thích. Tôi xin gọi cô là Tím. dù nó không phải tên cô. Cô đồng-ý ?

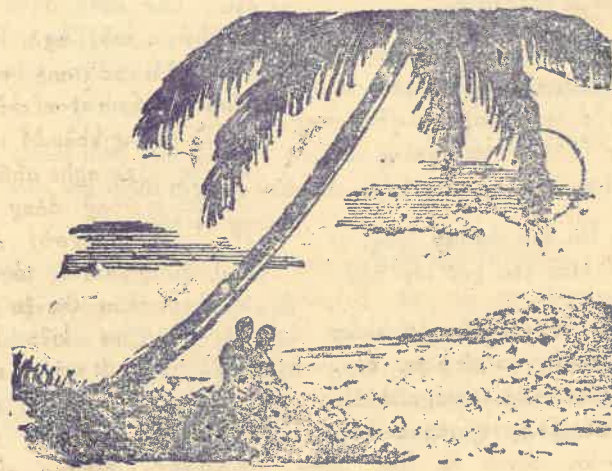
Nàng cười thật tươi :

— Đồng-ý. Lính Biệt-Động có khác.

— Nghĩa là sao, hở Tím ?

— Không biết !

— Tím có ghét và sợ lính



Biệt-Động ?

— Không. Tím thích lính Biệt-Động cũng như Dù, Thủy-Quân-Lục-Chiến. Nếu là con trai, có lẽ Tím cũng xin nhập tịch dân vũ như các anh.

— Nhiều cô em gái hậu-phương cũng đã nói với bọn tôi câu đó.

Nàng nhăn mặt :

— Nhưng Tím không phải là họ.

— Tôi hy-vọng như vậy.

Chiếc xe đã được sửa xong, anh lo xe la oang-oang :

— Lên xe mau có bác ơi ! Xe sắp chạy rồi. Chạy rồi..

Tím đứng dậy :

— Thôi, Tím về, từ-giã !

Mình lên đạn cho cây súng, và bắn một viên vào gốc cây dừa :

— Đây là một chứng tích kỷ niệm của buổi gặp gỡ hôm nay, mỗi lần nhìn nó, tôi sẽ mãi nhớ đến Tím. Chúc Tím về thành phố an-vui..



Tím lặng lẽ đi nhanh về phía xe đậu.. Xe chạy được một quãng khá xa, mà Tím vẫn còn thấy bóng Minh đứng trên thành cầu đưa tay vẫy vẫy...

Từ đó, mỗi buổi chiều, Minh hay ra ngồi dưới gốc dừa, mơ-tưởng xa-xôi..

Mình đứng lên, có một bóng đen từ dưới chân cầu, đang tiến về phía anh. Chờ cho cái bóng tới gần :

— Ai ?

— Quang-Trung.

— Đổng-Đa

— Bình đây hả ?

— Ừa.

Mình trao súng cho Bình :

— Đưa nào gác phiên sau này ?

— Thăng Tuân.

Mình chậm chậm về phía đầu cầu, nơi có một công sự vừa làm chỗ phòng thủ, vừa làm chỗ trú ngụ cho đoàn lính giữ cầu.



Tuân ngồi trên chiếc ghế được kê bằng một thanh gỗ và hai vỏ đạn đại-bác, tay chống trán, mắt nhìn xa-xôi. Trên cái bàn bằng thùng đạn, vài ba trang giấy viết lem-luốt bỏ bữa-bãi. Quãng mũ vô thùng sửa rồng trong góc hầm, Minh cười trong cổ họng :

— Mày lại làm thơ !

Tuân vẫn im lặng, không nói. Minh cời áo trần, leo lên ghế bố nằm hút thuốc. Một lát, anh lại lên tiếng :

— Mày biết mấy gác phiên mấy giờ không Tuân ?

— 2 giờ khuya. Sao ?

— Mày có nhớ rằng ngày mai 5 giờ sáng phải đi kích để giữ trực lộ lưu-thông không ?

Tuân nhăn mặt :

— Biết. Rồi sao ?

— Vậy mà mày không chịu đi ngủ, ngồi cặm-cui làm thơ, làm thần mãi. Tao chưa thấy thằng nào dở điên dở khùng như mày. Thơ gởi cho nhà báo họ

vứt sợi rác hết mà cũng cứ làm hoài.

Mặt Tuấn đỏ bừng, anh quay lại sừng-sộ :

— Mặc tao, không chuyện gì đến mầy. Đừng chọc tao nổi nóng.

Minh cười một mình trong bóng tối, tính hai đứa vẫn thế, hay gây gỗ nhau vì những chuyện không đâu. Minh rút từng hơi thuốc dài, thở những con số tròn lên nóc hầm. Anh mơ màng nhớ đến Hạnh, đến Tím...



Xếp mấy tờ giấy vừa viết xong vô cuốn sách, đem bỏ trong ba-lô, Tuấn thổi tắt ngọn đèn cây. Ngồi ghé trên mép ghế bố của Minh, Tuấn nhỏ-nhẹ :

— Mầy còn giận tao không Minh ?

— Tao không phải con nít.

— Mầy hiểu tại sao tao cứ làm thơ, khi mà gửi mãi chẳng nhà báo nào thèm đăng không ?

— Có trời xuống mà hiểu mầy.

Tuần thở dài thật nhỏ :

— Tao thầm yêu một em ở gần nhà, từ bao năm nay rồi, nhưng tao vẫn chưa dám tỏ-tình. Tao biết em rất yêu thơ, mà mấy chàng thi-sĩ, nên tao hy-vọng có một bài thơ được đăng báo, để gửi tặng em. Có lẽ, chừng đó, em sẽ hiểu được tình tao ?

Minh chợt cười lên khảnh-khách :

— Mầy đúng là một thằng điên, một thằng cù-lăn hết cỡ. Thế mà lại dân Biệt-Động-Quân, thì có lạ không cơ chứ ! Công thức đêm làm thơ, mầy đề viết bằng cho em một bức thư tỏ tình ra-rít có phải thực-tế hơn không ?

— Nhưng tao sợ...

Minh gắt :

— Sợ thì im đi ! Vớ-vẩn ! Để tao ngủ.

Tuần gãi tai :

— Mầy đừng nóng, để tao nói cho mầy nghe... Mầy



còn tiền cho tao mượn đỡ một bô. Lành lương, tao trả lại.

— Làm gì ?

— Ngày mai tao nhờ chú tì xe Đồng-Hiệp gọi giùm cái ô-bô bảo đảm cho nhà báo...

Minh cười như nắc nẻ :

— Lại thơ, lại nhà báo... Tao hết tiền rồi.

Tuần nhỏ giọng năn nỉ :

— Tội nghiệp tao mà Minh. Tao hứa với mầy đây là lần cuối cùng tao gửi thơ cho nhà báo. Họ có đăng hay không, tao cũng sẽ không bao giờ làm thơ nữa. Đây là bài thơ cuối cùng của tao, tao đã đem hết tâm hồn gửi vào đó, dành riêng tặng nàng...



Minh chợt giật mình thức giấc vì hai tiếng nổ long trời lở đất, anh vừa chạy ra tới cửa hầm,

thì đã nghe nhiều tiếng la :

— Pháo-kích ! Pháo-kích !

— Ở đâu...? Ở đâu...?...

— Hình như ở vọng gác đầu cầu bên kia...

Mấy phút trôi qua, không nghe tiếng nổ tiếp-theo, mọi người đổ xô chạy lại chỗ vừa lành hai quả đạn, 3 nhíp cần bị sập, vọng gác hư-hại hoàn-toàn. Chợt có tiếng la :

— Chết cha ! Thằng Tuân...

Minh chạy vội lại. Xác Tuân nằm sấp ngang trên một thanh sắt dưới gầm cầu, ngay chỗ vừa sập, thân-thể nhuộm đầy máu, lồng ngực nát bét...

Minh gục mặt trên thanh cầu :

Tuân !... Tuân... ơi !

Trời vẫn đang tiếp-tục mưa bay...

Minh thân,

Đọc những giòng chữ trên, chắc nỗi đau-đớn của Minh đã vội đi một phần nào ? Dù sao thì Minh cũng đã giúp Tuân làm tròn ước-vọng cuối-cùng của anh : gởi bài thơ vĩnh-biệt của Tuân cho nhà báo, ông chủ-nhiệm đã hứa sẽ đăng trong một số báo tới. Nơi thế-giới bên kia có lẽ Tuân đang mỉm cười thỏa-giuyện ?

Tôi cũng tin rằng, nàng con gái ấy sẽ hiểu được mối tình ca-đẹp của Tuân dành cho nàng, nếu nàng đọc được những giòng này. Và biết đâu, nàng sẽ chẳng yêu Tuân, dù rằng Tuân đã chết...?

Thân,
THU-MAI



mưa hoàng hôn

«Mưa tuông nước đục giòng sông Cửu
Máu đỏ đau lòng kẻ hậu phương»



Nắng tắt hoàng hôn phủ núi sông
Rưng rưng mưa khuất ánh mây hồng
Người ơi ! Tôi sợ mùa chinh chiến
Bộn tiếng quân hành, hơn nhớ mong

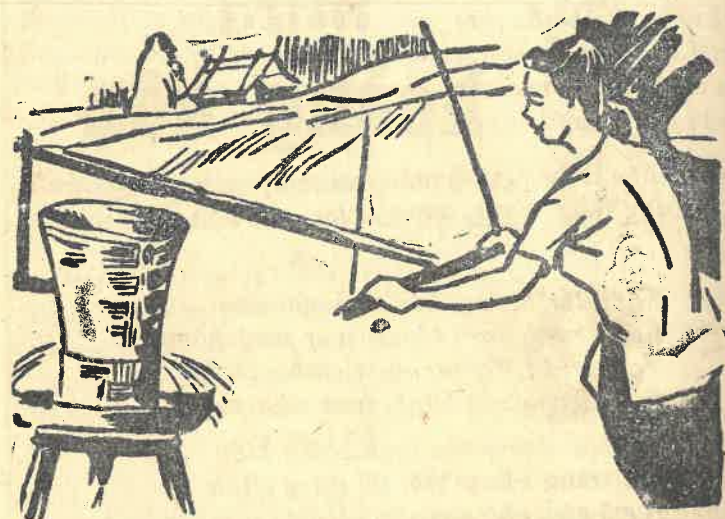
Gió hời đùng run lạnh chiến binh
Van mưa khoan ớt lối đàng trình
Đường ra chiến tuyến cài hoa tím
Sương rụng đồi hoang bước gập ghềnh

Ngán cách thời gian suốt tháng năm
Tình quê ai lấp mấy cho bằng
Hồn rơi choán nẻo về quê mẹ
Sầu ngút lừng mây át ánh t:ăng

Dù khách ra đi mắt rui mù
Chân dù khắp khênh gởi biên khu
Người ơi ! Cố gắng về đây nhé,
Xóm cũ đồ ngang vẫn đợi chờ !

Đò đợi không vì chở chiến công
Mà vì đau xót máa chung giòng
Tình yêu pha đậm tình non nước
Mong xóa oán hờn của núi sông.

THU TRANG
(Cần-Thơ)



Đêm trắng giã gạo

★ LÊ-THỊ-THẢO

(Tiếp theo P.T. 232)

MỘT đám trai khác và trẻ nhỏ cùng ở xóm trên, xóm dưới, rủ nhau tới nghe hát-hố giã gạo, ngồi ngoài sân, trong hè, đông đúc và vui vẻ chuyện trò. Phần nhiều là những câu chuyện giỡn chơi. Bọn con gái, cũng

có đàn bà, ngồi riêng phía lẫm lủ. Thỉnh thoảng tôi chạy vô bếp, coi chừng nồi cháo, một nồi cháo to để đến khuya dọn ra sân mời tất cả cùng ăn trước khi giải tán. Mẹ tôi thì nằm võng ăn trầu dưới giàn hoa lý. Những người đến chơi tuy

là để nghe hát-hố giã-gạo nhưng sẵn sàng sốt sắng giúp đỡ bất cứ công việc gì lật-vật mà tôi nhờ cậy.

Tất cả đều là bà con quen thuộc trong làng, có ai đâu xa lạ !



Dưới ánh trăng vắng-vặc tám người giã-gạo, bốn trai, bốn gái đứng quanh tròn hai cối gạo đặt gần nhau trên sân. Tám cái chày luân phiên nện xuống cối, với một nhịp đều-đều, nghe rất êm tai. Không bao giờ có tiếng chày chạm nhau, không bao giờ có một tiếng chày sai nhịp.

Chúng tôi ở hương thôn thường nghe tiếng chày giã-gạo tập thể trong những đêm trắng, có khi say mê.

Những câu hát-hố, đối đáp

nhau trong lúc giã-gạo, hấp dẫn cho đến nỗi sau bữa cháo khuya, mọi người đều đồng-ý tiếp tục giã cho đến gà gáy canh tư, canh năm, mới thấy mệt mỏi và thôi cuộc.

Bên trai luôn luôn nhường bên gái hát trước, và hầu hết là những câu ứng khẩu tại chỗ, chớ ít có sắp đặt trước. Nhưng tài tình hay ho làm sao !

Chị Chín Vân cất giọng ngọt-ngào :

— Hà hờ hơ... sáng trăng giã gạo hờ-hê, trăng thanh gió mát dập dìu lao xao, tiện đây xin có lời chào, chào suông một tiếng không trầu không cau, chừng nào đây đó quen nhau, à...ó...ơ... chừng nào đây đó quen nhau thì chào chung một tiếng...có cau có trầu... Hồ hờ hê !..

— Hồ hờ hê !

Tất cả đều cùng nhau hòa nhịp, tám tiếng như một, vang lên với tiếng chày giã-

gạo.

Anh Sáu Úc, bên phía trai tiếp lời :

— Hà hớ hơ... sáng trăng già gạo hát hò, trăng thanh gió mát không hẹn hò mà gặp nhau đây, gặp nhau đây tui xin chào bà con cô bác, chào cô Bốn, cô Cát, cô Chín, cô Bình. Dấu trầu cau chưa kịp hái à... ở... ở... dấu trầu cau chưa hái, hồng lẽ vô tình hồng quen ? Hồ hồ hếu !...

— Hồ hồ hếu !...

Một người hát, nhưng khi dứt bài hát bằng điệp khúc Hồ hồ hếu, thì tất cả tám người đều cùng nhau một loạt hát lên : Hồ hồ hếu !

Tám cái chày vẫn không ngớt luân phiên nện xuống cối với một nhịp điệu đều đều nghe say mê, hồi-hợp.

Đến phiên cô Bình hát. Cô Bình là con ông Hương Sư có người anh học chữ

Nho giỏi lắm thường ngâm vịnh và giảng kinh sách cho bà con nghe. Cô Bình cũng thường nghe nên biết chút ít chữ nho. Cô đem ra dùng ngay trong bài hát-hớ :

— Hà hớ... hơ !, trước nhà anh có một cây sanh, sanh thành tạo hóa. Sau nhà anh có một cây Cúc, hà cúc dục tam ân, trai anh mà đối được, hà... hớ... hơ... trai anh mà đối được, gái giao lân... kết duyên... Hồ... hồ hếu !...

Tất cả đều đồng thanh theo nhịp :

— Hồ... hồ-hếu !...

Anh Tư Thành, ở bên phe con trai, cất giọng đối lại liền :

— Hà... hớ... hơ... trước nhà em có một cây tùng, tùng ư phụ mẫu. Sau nhà em có một cây cải, cải già tha phụ, trai anh đã đối được, hà... hớ... hơ... trai anh đối được gái Tân-phù tình sao ?... Hồ hồ hếu !

— Hồ hồ hếu ! Tâm tiếng

đều hát rập nhau như một.

Chị Bốn Xóm Đèn hát tiếp. Chị Bốn Thanh ở Xóm Đèn cách nhà tôi hai dặm ruộng. Chị đẹp có tiếng trong làng nhưng chị hát :

— Hà hớ hơ... Cái số lao đao phải sao chịu vậy, cái số ăn mây bị gậy phải mang, cái số em đây xấu xí nhưt làng, bà con cũng ghét, họ hàng không ưa. Ngày ngày đi sớm về trưa, hà hơ-hơ... biết ai sớm đón... ở... chiều đưa... quân đường ? Hồ... hồ hếu !...

— Hồ hồ hếu !

Anh Điền, con ông Hương Kiềm, thấy chị Bốn làm bộ khiêm nhường, đáp lại :

— Hà hớ hơ... Đèn Xóm Đèn đêm đêm rực rỡ, gái Xóm Đèn miệng nở hoa tươi. Bước chửa ra, thì bông lê bông lý hồ ngơoi, bông trang bông cúc ngậm ngùi kén xinh. Xin hỏi người thực nữ hữu duyên, hà hớ hơ... Xin hỏi người thực nữ hữu duyên, chờ chừng nào mà hội ngộ...

ở... thuyền quỳên... anh hùng... Hồ hồ hếu !...

— Hồ hồ hếu !

Điền, tự cho mình là anh hùng, dễ sánh với thuyền quỳên. cho nên chị Hai Cát, con gái ông Cửu, hát mỉa mai anh Điền :

— Hà hớ hơ... con chim quỳên đậu trên nhánh liễu, tiếng hát ngọt ngào yểu điệu con chim quỳên. Nực cười thay con dễ mên ở hạ Điền ở... ở... ở... con dễ mên ở hạ Điền nó cũng gáy... re-re... Hồ. hồ... hếu !

— Hồ... hồ hếu.

Tôi phiên anh Sáu Úc nện anh Điền dành chịu, không hát đáp lại ngay được phải đợi tôi phiên mình...

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CŨM

Cuộc hát hồ già gạo cứ theo cái đà đó mà tiếp tục rất thích thú cho đến quá nửa đêm. Mẹ tôi kêu tôi, biểu mức cháo ra dọn ngoài sân, để mời tám người già gạo ăn khuya kéo dỏi bụng. Mời luôn cả những người tôi chơi, ngồi nghe hát. Tôi nhờ thằng Điệp học trò nhỏ trường làng, tiếp tay với tôi. Nó kéo cả thằng Thìn, bạn nó, cùng chạy vô nhà cầu, lấy hai chiếc chiếu đem ra trải giữa sân, dưới ánh trăng trong đẹp. Rồi hai đứa vô bếp dọn cháo với tôi bưng ra sân. Tất cả đều ngồi ăn chung, chuyện trò vui vẻ. Họ đem câu chuyện hát hồ đối đáp vừa rồi, ra bình luận với nhau pha trò, nói bông lơn, có ý chọc ghẹo nhau cho vui thôi. Nhưng xem chừng như chị Bốn Thanh bắt đầu có tình ý riêng với anh Điền, người «anh hùng» trong đêm hát hồ già gạo. Tuy rằng chị Hai Cát chê Điền là «con đẻ mền», nhưng

Điền không giận.

Tôi nấu nồi cháo lòn, cháo gạo lúc ăn với đường bông, với muối mè. Mỗi người ăn ba chén, mà nồi cháo cũng còn dư. Tôi với mẹ tôi ngồi ăn dưới giàn hoa lý.

Ăn cháo xong, mẹ tôi cảm ơn các người già gạo giùm (vì không có lệ lấy tiền công), và biểu nghỉ. Nhưng anh Năm Điền xin mẹ tôi cho họ tiếp tục già tới khi trăng lặn. Tất cả đều còn hăng hái. Mẹ tôi cười, đi vô nhà cầu ngủ, để mặc bọn này thay phiên nhau già gạo hát hồ cho gần tới gà gáy. Trời đã hừng Đông...



300 năm biến hóa dưới vòm trời Đông Phố

I. Ngôn ngữ

● BÌNH-NGUYỄN-LỘC

L.T.S — Đáng lý là Giản Phố, nhưng thường quen kêu là Đông Phố, một địa danh sai chính tả đã trót vào Văn chương Việt-Nam, thì nên cứ để vậy. Đó là tên cũ nhất của miền Nam.

CÁCH đây nửa thế kỷ, các cụ phân biệt được âm ao với âm au, âm ai với âm ay, và lại sách in ở Sài Gòn, cũng cứ vào thuở đó thì có phân biệt *hỏi* với *ngã*.

Thế nghĩa là giọng miền Nam, cho đến năm 1919, chưa thành hình hẳn mà giọng cổ thô chỉ mới bị biến hóa có nửa chừng, chẳng hạn âm V chưa thành âm d như ngày nay mà đang đi qua cây cầu âm Bì. Người là với

Biệt Biàng thay cho Vội vàng, chớ chưa nói *dội dàng*.

Người ta sống tại nước uống. Khoa học hơn một chút, họ cho là tại khí hậu, đất đai. Nhưng chắc là phải có nguyên nhân khác hơn.

Nhưng ta chưa với tìm biết những nguyên nhân phức tạp đó mà nhìn cuộc biến hóa cho vui.

Một đêm ngộ nghĩnh ở người miền Nam và dân tộc Cổ Việt

tức tiếng Việt thuần túy, trong khi người miền Bắc ưa dùng tiếng Tàu hơn. Những danh từ chỉ những vật trong đời sống hằng ngày như là *Bóng, Trái, Ghe*, được miền Bắc mượn cả ở tiếng Tàu là *Hoa, Quả, Thuyền*.

Ở đây không phải chỉ có vấn đề người của mỗi miền thích cái này hay cái kia, nhưng còn gợi lên một vấn đề lớn. Biết rằng người Nam là người Trung, còn người Trung là người Bắc, thì người Nam cũng là người Bắc. Như vậy thì tại sao ở ngoài ấy ông A. mượn tiếng Tàu để nói, còn vào đây, ông ta lại trở về với tiếng Việt ?

Câu hỏi thứ nhứt là : Khi ở đất Bắc, chắc ông A. chỉ mới mượn tiếng Tàu có vài mươi năm, chớ nếu đã mượn lâu hàng trăm, hàng ngàn năm, ông ta làm sao mà còn nhớ được tiếng Việt để mà trở lại với tiếng Việt. (Ông A. trong trường hợp này, không phải là người nào. mà cả một dân tộc)

Và người ta phải kết luận rằng

hắn ông A. vay mượn của Tàu không lâu. Rồi ông ta ra đi, trở lại tiếng Việt. Con cháu ông ở lại, tiếp tục mượn tiếng Tàu.

Thế chót trong bài toán này là ông đi đâu và vào năm nào ?

Câu trả lời không khó tìm. Đó là năm 1074 mà Lý-thường Kiệt cho di dân vào Bắc-Chính là đất Chăm do đời trước chiếm được nhưng chưa Kinh lý. Trở lại với tiếng Việt, chắc là đám lưu dân bị đưa xuống Bắc-chính này.

Tới đây một thắc mắc thứ nhì lại xuất hiện. Tại sao suốt một ngàn năm bị trị, mà ông A. không mượn ba tiếng Tàu : *Hoa, Quả, và Thuyền*, đợi tới năm 1000, độc lập đã vững rồi, lại mượn tiếng Tàu. ? Vậy, chắc hẳn là ông chỉ mới mượn vào năm 1000 thôi, chớ nếu ông mượn lâu hơn, ông đâu còn nhớ *Bóng, Trái, và ghe* để mà trở về với nó.

Điều này rất khó giải thích bởi cái chuyện vay mượn trở

mượn của ông A. Kỳ dị và có vẻ vô lý lắm Qua một ngàn năm sống dưới nền đô hộ Trung Hoa, ông giữ được tiếng mẹ, nhưng thoát ách rồi thì ông lại nói tiếng Tàu, thì chỉ có trời mà hiểu.

Ta thử cắt nghĩa hiện tượng lạ đó, dựa vào sự kiện nhà Lý lập Văn-miếu và chủ trương chánh sách tôn trọng Nho giáo là Hán học. Dân chúng đắm đuối học chữ Nho và các ông đó xuất hiện ra rất đông, làng nào cũng có vài ông, đã dạy ở bậc tiểu học (tiểu học của thời ấy) và chính các ông vay mượn, vì mê văn hóa Hán Việt. Ảnh hưởng của các ông rất rộng trong dân chúng, mà rồi dân chúng ăn nói theo các ông.

Rồi ông A. ra đi. Ông là bần nông, ông không vay mượn. Tới Bắc-Chính, ông nói tiếng Việt rạch ròi.

Tới đây thì bí mật miền Nam trở thành sáng sủa, bởi ta đã có chép rõ là các chúa Nguyễn mộ dân ở Bắc-Chính cho vào Nam để khẩn

hoang.

Lộ trình của người miền Nam đi các chuyến viễn du ấy đã được bắt thì sự biến hóa của ngôn-ngữ Việt Nam tại miền Nam, không còn gì là khó hiểu nữa

Con cháu ông A. ở lại Bắc Hà, còn tiếp tục vay mượn thêm rất nhiều, bởi Hán học cứ càng năm càng thịnh ở đó, trong khi ấy thì lớp con cháu mới của ông từ Bắc-Chính xuống tới Cà-Mau thì nói tiếng Việt - thuần-túy của thời Hùng Vương, của thời Triệu Đà, của thời Tô Định, và của các thời sau nữa mà dân Việt không theo Hán học đáng kể bởi học cho lắm, các chức quan cũng ở trong tay người Tàu.

Nhưng con cháu ông A. chỉ thuần Việt được có mấy mươi năm rồi thì bắt đầu làm dân nhà Lý lại vì nhà có khách lạ.

Khách lạ đó là 3000 lưu dân của nhà Minh đến xin tá túc. Họ chỉ có ba ngàn người, tưởng là không đáng kể, nhưng thật ra họ quan trọng vô cùng đối với xã

Đồng Phở thuở đó.

Người Việt miền Nam buổi đầu, toàn là những bần nông. Các chúa Nguyễn chỉ nghĩ đến việc khai hoang làm ruộng mà quên mất rằng trong xã hội nào, cũng cần phải có thợ. Thành thử trong khi dân khai hoang đang thiếu thợ thì bọn chuyên viên giỏi tới nơi, họ mở ra ngay những công nghệ cần thiết và cấp bách, như công nghệ đồ gốm chẳng hạn.

Ảnh hưởng của họ đối với Đồng Phở, không cần phải chứng minh thêm phương chi họ lại lấy vợ Việt nữa thì ảnh hưởng đó còn sâu đậm hơn nhiều.

Dân miền Nam bắt đầu vay mượn tiếng Tàu y như dân miền Bắc dưới triều nhà Lý. Bấy giờ vì người Tàu sống bên cạnh họ, nên họ đọc y như Tàu, chứ không đọc sai như ở đất

Bắc để tạo ra giọng Hán Việt. Đây là giọng Tàu một trăm phần trăm. Gọi cha, họ không gọi Bố, mà gọi là Tía. Tía là tiếng Triều Châu. Nghĩa Địa, họ nói là Nhị Tì, Nhị Tì là tiếng Quảng Đông. Vùng họ không nói là Vùng mà nói là Mè, mà Mè là tiếng Phúc Kiến.

Thành thử vì ngôn ngữ người miền Nam đứng ở hai thái cực : họ nói tiếng Việt Cò, họ lại nói tiếng Tàu y giọng Tàu, trong khi đó thời người miền Bắc đứng lưng chừng ở giữa, vay mượn Tàu rất nhiều, nhưng đọc sai đi vì người Tàu đã bị đuổi đi mất rồi.

Đó là chưa kể người miền Nam có dùng danh từ Châm, Ấn Độ Mã Lai, Cao Miên, loạn xạ ngầu. Sự biến giọng, từ trong cảnh hỗn độn ấy mà ra.

● Kì sau : Sản xuất dầu



Cái Mề - Đầu làng buôn thuốc, Cuối làng buôn nâu

● CAO-NGUYỄN-LANG

CHUYỆN quê hương hao giờ cũng đẹp. Nhất là đối với kẻ tha-hương !

Cho đến nay, tôi vẫn cố đi tìm lại một giọng sông mang sắc thái của giọng sông quê-hương Giồng Châu Giang như giải lụa xanh màu mạ non, tô điểm cho châu thành nhỏ bé, cách

Hà Nội sáu mươi cây số về phía Nam. Đó là thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Tôi sinh ra ở tỉnh lỵ nhỏ bé này, và tôi đã sống ở đây trong suốt thời kỳ thơ ấu.

Tôi còn nhớ, đứng bên này phố chợ, nhìn sang bờ sông bên kia là làng Lạc-Tràng Những mái nhà tranh

những khóm tre xanh mượt,
và những cụm chuối lả loi
in hình trên giòng sông.



Giòng Châu Giang, không
lớn, nhưng nó cũng không
nhỏ. Có điều nó khác hơn
những giòng sông khác, ở
màu sắc, ở những gợn sóng.
Chỉ lẫn lẩn, như sóng mắt
hồ. Nghĩa là, nó không
«phủ phàng» như những
giòng sông nhỏ vào buổi
sáng, hay chiều, những
con thuyền nan xuôi ngược,
như những cánh lá lững

lờ trên mặt nước, dưới ánh
nắng vàng óng ánh buổi
ban mai, hay màu tím nhạt
hoàng hôn.

Từ Châu thành Phủ Lý,
tôi có thể đi thuyền về Mễ
Tràng, chỉ cách tỉnh ba cây
số. Thuyền ghé ngay Bến
Đình, bên cạnh một kê đá
chất cao. Ngay bên sông,
một cây gạo cổ thụ. Vào
những mùa trổ hoa, nhữ g
cánh lá chỉ lưa thưa bên
cạnh những trùm hoa đỏ
ôi.

Nếu không đi dò dọc, tôi
có thể đi tắt, xuyên qua
cánh ruộng làng Mễ Thượng,
rời qua một con ngòi nhỏ
bằng dò ngang.

Có lái dò ngang là một
cô gái khá duyên dáng,
nước da bánh mật, cặp mắt
long lanh đa tình. Tôi còn
nhớ rõ, tên cô ta là cô Ngọt.

Suốt thời kỳ thơ ấu, mỗi
lần về Mễ bằng lối dò
ngang này, tôi chỉ thấy có

Ngọt vội con dò của cô.

Chẳng biết sau này cô có
đi lập chồng? Và sau này,
khi đi lấy chồng, cô có gặp
trường hợp bí hiểm như
«Cô gái lái dò» trong thơ
Nguyễn Bính? !...

Trở lại, từ Phủ-Lý về Mễ
Tràng, còn có thể đi bộ
theo đường quan lộ trái đá.
Con đường này, hàng ngày
có chuyến xe đồ hàng đi
thẳng ra Phủ-Lý-Nhân, và
từ Phủ-Lý-Nhân về thị xã
Phủ Lý.

Như trên vừa nói, làng
Mễ Tràng, chỉ cách Phủ-Lý
có ba cây số, nên có thể đi
bộ được. Vào những đêm
trăng, thả bộ dài dài trên
con đường đá. Hai bên lề
đường, những rặng ôi mọc
xanh um như rừng. Vào
mùa ôi, nhìn lên cây,
những trái ôi chín vàng khè.
Có những cành ôi nặng trĩu
chia ra bờ đường đứng bên
dưới, có thể ngắt được
những trái mình lựa chọn.

Nếu thích những trái ôi
tròn, thì chọn những trái
«ương» — nghĩa là chín
một nửa — Còn nếu
bộ răng hơi yếu thì chọn
những trái chín mồm.

Có hai loại ôi : loại ôi
vàng, và loại ôi lòng đào —
Ôi vàng thường không
ngon bằng ôi đào. Vì ôi
vàng chua rờ rọ.

Làng Mễ-Tràng, như phần
đông các làng vùng ngoại ô
Thị-Trấn, nếp sinh hoạt của
dân chúng tương đối dễ
chịu hơn những làng quê xa
xôi Hầu hết sinh sống bằng
buôn bán, và làm giàu bằng
nghề này. Những quyền lợi
về nông nghiệp chỉ là phụ.
Tuy nhiên, ruộng đất lại
có giá hơn bất cứ một vùng
nào khác. Những người
buôn bán có tiền đều xô
nhau tậu ruộng mua đất vì
coi đây là một thứ «của
chìm» — Tiền bạc cũng tỉ
như «của nổi» có thể luân
lưu nay còn mai mất.

Đã có có một câu «yè»

về làng Mễ-Tràng, tiếc rằng kẻ viết không nhớ. Nhưng, đại để, Mễ-Tràng có những nét đặc biệt như : Cũng thì trong một làng mà đầu làng thì «buôn thuốc láo» cuối làng thì hầu hết là buôn nâu (củ nâu nhuộm quần áo).

Vì ảnh hưởng của hai nghề này, những cô gái Mễ-Tràng phần đông biết hút thuốc láo. Các cô không hút tì tử, mà là những tay hút sành sỏi nữa. Về điều thuốc hút một hơi khói, các cô có thể biết đó là thuốc «thanh» hay thuốc Vĩnh.Bảo. Cũng như, những tấm áo nâu các cô mặc, thường nhuộm bao giờ cũng tươi một cách đặc biệt. Bởi vì cách chọn nâu của các cô là nghề ruột, không bao giờ lầm được.

Các cô gái Mễ, ngoài sự quán xuyến buôn bán cũng mềm mỏng, khéo léo không thua gì gái thành thị. Cách phục sức của các cô gái tuy không hẳn là ăn trắng

mặt trơn nhưng cũng chẳng quê mùa hoàn toàn. Các cô phục sức theo «đờ mi» — Lối phục sức nửa quê, nửa tỉnh, trông vừa nhã, lại vừa thích hợp với một làng quê văn minh.

Bên cạnh những cô gái Mễ. Những anh trai Mễ cũng không phải là thứ vai u thịt bắp mỡ hôi dầu. Những anh trai Mễ, cũng trung diện, cũng hào hoa, không thua trai thành thị. Hoa cho nên những anh trai làng khác, ngay cả những cậu công tử thị thành, bắt được một cô gái Mễ không phải là dễ.

Vào những ngày đình đám, hội hè. Nhất là, hàng năm có lễ rước đình. Những anh em trai từ Phú Lý kéo về Mễ, và những anh trai làng Mễ cũng có dịp đi ngắm các cô gái làng để định ngòi «Hoa khôi» trong đám «Phù gia Nữ Quan».

Ở đây, cần nói rõ, làng

Mễ có giao hiếu với làng Kiếu, nên hàng năm, vào ngày lễ đình, bao giờ cũng rước kiệu tứ đình Mễ đến đình Kiếu, để hai vị Thần Hoàng hai làng gặp nhau. Đám rước thật long trọng, kéo dài cả cây số. Ít nhất cũng phải có bốn cỗ kiệu. Ba cỗ là dân ông, còn một cỗ dành cho «phù giá nữ quan» gồm toàn những cô gái «đồng trinh», được phân phối kiếng kiệu, cầm «bắt bửu». Các cô mặc áo dài đồng phục, thắt lưng buộc nút tréo, kết hoa ngang hông. Đám phù gia nữ quan bao giờ cũng được bọn con trai đi theo sát nút. Tuy nhiên, các cậu đi theo, cũng chỉ dám «chiêm ngưỡng» hoặc thì thảo với nhau một đôi câu tán xuông. Chứ không một cậu nào dám có những cử chỉ sỗ sàng. Hành động vô ý thức này, không những bị «bắt khoán» — Một hình phạt theo lệ làng — mà còn rất dễ được «ăn đòn» tay-thước

của các bác Tuần-đình, cỡ bốn phen giữ trật tự trong đám rước.

Những bác Tuần-đình vào ngày lễ này thường cũng lễ phục chỉnh tề. Quần trắng áo the dài, có giây thắt ngang lưng bằng vải đều. Chân quần xà cạp đỏ. Tay mang «tay thước» sơn đen có những đường chỉ thếp vàng bóng loáng. Trông đến uy-nghi lắm liệt.

Sau lễ rước, buổi tối có hát chèo. Những phường hát có giá trại thường là phường hát «tứ chiếng» — Nói theo danh từ mới bây giờ là *Tổng hợp các nam nữ nghệ sĩ tài danh bốn phương*. Tuynhiên những phường hát giỏi mà «cụ» cầm châu lại dở, thì sự hát hỏng cũng chẳng ra gì. Phường hát giỏi gặp được «cụ» cầm châu giỏi mới trở được hết tại nghệ.

Người cầm châu các tuồng hát là các cụ và các tay chức sắc trong làng thay nhau. Nghệ thuật cầm châu cũng phải sành điệu lắm. Từ

điệu bộ cầm chiếc dùi trống vùng lên khi «tùng» khi «cắc» Những tiếng «cắc» gõ vào tang trống ngụ ý như một ban khen khi gặp đoạn ca tuyệt diệu. Tiếng «tùng» là tiếng phụ họa tô điểm cho nhịp điệu của người hát. Đôi khi, là một biểu hiệu thay cho lời nói, của người «cầm chầu» điều khiển buổi hát. Chẳng hạn khi người «cầm chầu» bắt đầu ngồi vào tuồng hát chưa «giáo đầu» thì người cầm chầu gõ vào mặt trống ba tiếng «tùng, tùng, tùng». Đó là ba tiếng trống giục «giáo đầu». Bên cạnh cổ trống chầu, để sẵn một cái thau, khi người cầm chầu nện vào tang trống tiếng «cắc» thì bác Tuần đình ngồi cạnh thau ném vào thau một thoi vàng giấy.

Lúc vẫn hát. Đêm số vàng giấy trong thau ra kiểm. Cứ bao nhiêu thoi vàng là từng ấy tiền thưởng. Chẳng hạn, mỗi thoi vàng thưởng các cụ

trong làng quy định nó là một xu, thì một trăm thoi đã có một đồng bạc rồi — Một đồng bạc ngày xưa lớn lắm, có khi hơn cả bạc ngàn bây giờ.

Đối với các tay sành điệu, và mê tuồng tích, thì tự tham dự một đêm hát chèo cốt yếu là thưởng thức tài nghệ của những nghệ sĩ trình diễn, và nội dung vở tuồng.

Riêng một số những gã con trai, và một số những cô gái thì đây là một dịp trưng diện, phát phơ o bế nhau — Những trò tán tỉnh, chọc ghẹo, ghịch ngợm đưa diễn ra ngoạn mục ngoài lề địa-diểm trình diễn của phường hát — Trong những xô tối, ngoài sân đình những giăng cây ngoài bờ sông v... v... và v... v....

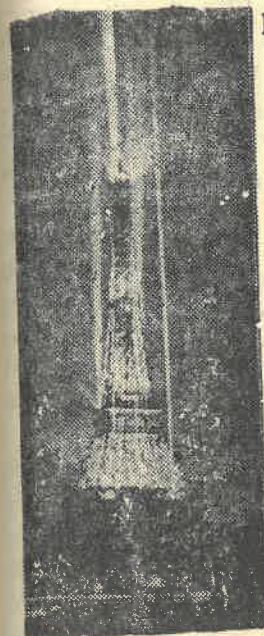
Bởi vậy, mỗi khi có một gánh hát chèo về đình làng, thì trẻ con nó nức đã dành mà người lớn cũng nao nức không ít.



● TRƯƠNG-THẾ-PHIÊU

Kỹ.sư E.S.M.E

Khảo sát viên máy hơi nước



PARIS

dưới mắt một

du khách V.N.

(Tiếp theo P.T. số 232)

Đảng cấp tiến và cấp tiến xã hội.

Tháng 6 năm 1901, các đoàn thể cấp tiến và cấp tiến xã hội đã có từ thế kỷ thứ mười chín quyết định

nhập nhau lại dựng thành lập đảng cấp tiến và cấp tiến xã hội. Ấy là đảng lâu đời nhất ở Pháp.

Từ 1907 đến 1940, đảng đóng một vai tuồng chánh trị rất quan trọng ở Pháp vì

năm hoặc tham dự chính quyền nhiều lần

Đảng có hai nhơn vật nổi tiếng khắp thế giới : Ông Edouard Herriot và Ông Edouard Daladier mà người Pháp gọi tắt là hai Edouard.

Ông Herriot đã được bầu làm Chủ tịch Quốc hội nhiều năm liên tiếp vì ông có biệt tài điều khiển 600 nghị sĩ mà không làm mất lòng ai cả. Hay tin ông tạ thế, nhiều người rất mến tiếc và đảm xác ông được cử hành theo lễ quốc táng.

Ông Daladier, chủ tịch của đảng 1957, là vị cựu thủ tướng đã tuyên bố chiến tranh với Đức năm 1939.

Ngay sau thế chiến thứ nhì, dân chúng gán tất cả lỗi lầm chính trị và quân sự giữa khoảng 1918 và 1940 cho đảng nên đảng được ít thăm ở cuộc tổng tuyển

cử năm 1945. Người ta tưởng đảng sẽ tan rã, nào dè đầu nhờ những đảng viên « thanh niên » như Bourges Maunou-ry, E. Faure, André Marie, René Mayer, Queille, Félix Gaillard v.v... đảng chiếm lại được địa vị quan trọng ở Quốc hội. Địa vị này là do chương trình chính trị, kinh tế và xã hội « thật ba rọi » nghĩa là không khuynh tả lắm mà cũng không khuynh hữu lắm, thành thử các đảng lớn phía trái hoặc phía mặt của đảng ở Quốc hội muốn lập chính phủ (1) đều cần có sự thăm của đảng. Rồi nếu các đảng lớn thất bại trong việc lập chính phủ, ở cửa giữa, lên năm chính quyền với sự tham dự của vài đảng lớn.

(1) Người được Tổng thống giao phó lập một chính phủ cần phải có một chương trình sống chung do những điều kiện của các đảng ủng hộ đưa ra.

Từ 1915 đến 1957, đảng cầm đầu gần một chục chính phủ, mặc dầu số nghị sĩ không quá 70.

Trong những đảng viên « thanh niên », có một người lừng danh khắp thế giới : Ông Mandès France.

Ngày 12 tháng 6 năm 1954 chính phủ Laniel bị lật đổ ; tính thần quân đội viễn chinh kém cao sau khi Điện Biên Phủ thất thủ ; hội nghị Genève không có mấy hy vọng thành công. Tổng thống Pháp nhận thấy chỉ có một mình Ông Mendès France mới có đủ tài đưa xứ sở ra khỏi tình trạng khó khăn. Ra trước Quốc hội Ông Mendès France hứa rằng Ông sẽ kết thúc hòa bình ở Đông dương lâu lắm là ngày 20-7-54 và, nếu ông thất bại trong cuộc thương thuyết ở Genève, Ông sẽ xin Quốc-hội gọi viện binh qua Đông dương trước khi đệ đơn xin từ chức.

Cuộc thương thuyết ở Genève hồi đó đã đến đâu ?

Một báo cáo của Bộ ngoại giao Pháp nói phe cộng muốn :

1) — Về lãnh thổ : chia cắt nước Việt-Nam, triệt binh ra khỏi Cambốt và một phần Ai-Lao.

2) — Về quân sự : cấm hẳn những căn cứ quân sự Huế ký trên lãnh thổ Việt-Nam mà lại tất cả viện trợ Mỹ nữa.

3) — Về chính trị : cộng đồng sanh tồn tạm thời hai chính phủ ở Việt-Nam với điều kiện là sẽ mở cuộc tuyên cử trong một thời gian ngắn.

Trong mấy ngày đầu ở Genève, Ông Mendès France thương thuyết với Việt-Minh về Bùi Chu và Phát Diệm mà chính phủ Laniel đã ra lệnh cho quân đội viễn chinh triệt thoái ra khỏi hai nơi đó nhưng lại không cho Ông Mendès France

bay. Một chuyện thứ nhì nữa mà Ông Mendès France cũng không biết : ấy là Ông Laniel đã cho Huê kỳ hay rằng nên coi chừng chính phủ Việt-Minh vì «ở trong tay cộng sản». Tại vậy Hoa Thanh Đồn đã triệu hồi Ông Bedell Smith, đại diện Huê kỳ ở hội nghị Genève, và thiết lập một kế hoạch gồm bảy điểm mà ngoại trưởng Foster Dulles trao cho Ông Mendès vào ngày 13.7 trước sự hiện diện của Ông Eden.

Bảy điểm gì ? Bí mật. Người ta chỉ nói bảy điểm ấy đã được thi hành đầy đủ mà thôi.

Ngày 24-6 phái đoàn Pháp chấp thuận nguyên tắc chia đôi nước Việt-Nam và thông cáo cho ông Phạm văn Đồng biết. Ông này tuyên bố : giới tuyến sẽ được đặt giữa vĩ tuyến thứ 13 và thứ 14.

Ngày 10-7 Mendès Fran-

ce nói ông còn 240 giờ để thành công. Ông Eden tận tâm giúp ông Mendès France trong việc thương thuyết với phái đoàn Việt-Minh. Ông Bedell Smith trở lại Genève.

Cuộc thương thuyết tiếp tục khó khăn và nhiều lần gần tan vỡ. Hai bên kịch luận rất gắt gao về vấn đề giới tuyến. Phái đoàn Việt-Minh quyết đòi đặt ranh giới ở vĩ tuyến thứ 13, rồi thứ 14, rồi thứ 15, rồi thứ 16... Đến đây, Ông Mendès France kiệt lực, nản chí, tỏ vẻ bi-quan và coi cuộc thương thuyết như thế là thất bại. Ông Krishna Menon, đại diện Ấn-Độ, tận tâm dàn xếp cho hai bên thỏa thuận.

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

Ngày 18.7 cuộc thương thuyết có một thành công.

Hôm ấy Đại tướng Ely gọi một công điện về Paris nói tình trạng quân sự ở Đông-dương không được khả quan mấy, riêng ở miền Bắc Việt-Nam là trầm trọng nhứt. Và Đại tướng gọi Đại tá de Brohon qua Âu-Châu nói với Ông Mendès France rằng «tốt hơn có một hiệp định dở còn hơn là không có cái nào cả».

Ngày 19-7 Ông Phạm văn Đồng thảo luận riêng với Ông Mendès France trong hai giờ đồng hồ và hai người đều thỏa thuận ở những điểm sau đây :

Đặt ranh giới ở vĩ tuyến thứ 17 ; triệt thoái quân đội Pháp ra khỏi Hànội — Hải phòng trước 300 ngày ; thả các tù binh trong 30 ngày, triệt thoái quân đội Việt Minh ra khỏi Cam-bốt và Ai Lao ; Việt-Minh cam kết tôn trọng chủ quyền và độc lập của hai xứ ấy ;

tổng tuyển cử ở Việt-Nam trong hai năm.

Tám giờ sáng 20-7 mỗi phái đoàn lo thảo hiệp định chủ văn. Các ký giả đánh điện cho hay «Xong rồi, sẽ ký hiệp định nội trong ngày nay». Nhưng một sự khó khăn bất ngờ lại xảy ra. Ông Mendès France phải thảo luận lại với Ông Phạm văn Đồng, Ông Molotov và Ông Eden. 14 giờ Ông Mendès France đi ăn cơm với Chu-ân-Lai mà Ông đã mời. Đáp lời các ký giả, Ông Mendès France nói : Sẽ xong 12 giờ đêm hoặc không bao giờ xong.

17g10 người ta cho hay : sẽ ký hiệp định vào 21 giờ.

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỪNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

21 giờ không có gì hết ;
22 giờ cũng vậy. Tại sao ?

Tại Ông Tet Phan, trưởng phái đoàn Cambốt, cho hay rằng, sau khi suy nghĩ kỹ, Ông sẽ không ký hiệp định. Ông đưa ra nhiều yêu sách mới đòi nhiều đảm bảo vững chắc.

Các phái đoàn liên sanh nghi lẫn nhau. Kể cho đó là một cạm bẫy Huê-kỳ, người cho đó là một cạm bẫy Nga sô.

23 giờ phái đoàn chín nước cùng nhau hội họp ở biệt thự của phái đoàn Anh. Ông Eden cố thuyết phục Ông Tet Phan, nhưng ông này lắc đầu và đáp : «không, tôi nói không là không». Ông Eden năn nỉ, day qua nói với Ông Molotov : «Ông hãy giúp chúng tôi một chút». Ông Molotov gương mặt vụt mất vẻ lạnh-lùng, đáp : «Ồi ! Không có chi quan hệ ! Hãy cho tất cả cái gì mà ông ấy yêu cầu...»

Mọi người đều ngạc nhiên. Nhưng phái đoàn Việt-Minh sanh nghi, lại nói : Không có sự phân ly ba cuộc đình chiến Cambốt, Ai-Lao và Việt-Nam, chúng tôi ký tất cả hoặc không ký chi cả.

24 giờ đến. Ngày 20-7 hết. Ngày mai ông Mendès France sẽ xin Quốc hội gọi viện binh qua Đông-dương như Ông đã hứa ? Không. Không. Tất cả các phái đoàn đều cảm thấy mang nặng trách nhiệm về chiến cuộc ở Đông-dương, vụt đoàn kết chặt chẽ lại và cùng nhau quyết định cho ngừng đồng hồ. Thật là một sự kiện chưa hề xảy ra trong lịch sử ngoại giao thế-giới.

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

Người ta chạy kêu Ông Redell Smith đương binh đây. Sau khi được sự chấp thuận của phái đoàn Cambốt, Ông Mendès France lại đòi cho Ai-Lao hưởng những điều kiện giống như Cambốt.

Ông Molotov giờ tay lên trời... Người ta thảo luận lại và, đến 3g50 ngày 21-7, mới ký hiệp định Genève nhưng đồng hồ vẫn chỉ 24 giờ ngày 20-7.

Bác sĩ Trần văn Đỗ, trưởng phái đoàn chính phủ quốc gia Việt-Nam.

được phái đoàn Pháp mời ký tên ; ông từ chối và phản đối sự chia đôi nước Việt-Nam. Huê kỳ cũng không có ký tên.

Cho đến ngày đình chiến, quân đội viễn chinh bị thiệt hại : 92.000 chiến sĩ tử trận, 114.000 người bị thương, chưa kể 30.000 tù binh.

Tổng số chi phí về Đông-dương được ước định là trên 3.000 tỷ quan, một số tiền bằng ngân-sách hàng niên của nước Pháp.



● ĐÀN BA

La femme sera toujours le danger de tous les paradis.
Thi-sĩ Paul Claudel

(Đàn bà sẽ luôn luôn là mối nguy cho tất cả các thiên-đường)

RABINDRANATH TAGORE

(1861 — 1941)

ĐẠI THI VĂN-HÀO ẤN-ĐỘ

● 1. — Nhận định khái quát

MỞ đầu cho bài nhận định về thi-hào Ấn-Độ Rabindranath Tagore trong quyển «LES MAITRES DE L' HEURE» xuất bản năm 1934 (1), khi ông còn sinh tiền, nhà phê bình lỗi lạc Pháp Henry de Togheb viết như sau, với những danh từ xứ Phật âm ái này :

«Mandras, Khandogya, Brahma, Upanishad, Prapathaka, Indra, Khonda, Rig, Veyda, Krishma, Ramakrishna, Kali, Tandara, Civa, Jiha, Taj, Mahal, Dhan-Gopal...».

Bạn hãy rút lấy những danh từ chọn lựa tình cờ

đó mà học nằm lòng đi, rồi se sẽ hát lên nhẹ nhàng, thật nhẹ nhàng, như bạn đang nhẩm khúc kinh, mơ về đấng Chúa vô hình trong một ngôi nhà thờ yên lặng, trầm buồn và, bạn hãy quên mình là người Âu giữa thế kỷ XX có Ô-tô làm rung động nhà cửa mà đời sống náo nhiệt từ sáng đến chiều, bạn sẽ cảm thấy có một vài sự lạ nảy sinh ra trong tâm hồn bạn.

Và, nếu bạn có cái vinh dự đọc được một bài thơ nguyên tác của Tagore thì sự kiện đó lại càng có giá trị hơn nữa : bài hát. Thật thế, sẽ trở nên huyền diệu hơn, tác dụng của nó sẽ hoàn hảo hơn».

(1) Lea éditions DENOET et STEELE, Paris.

RABINDRANATH

Xem thế, đủ biết rằng nhà phê bình đã trọng vọng ngôn từ Ấn và thi ca Tagore đến dường nào ! Chẳng những thế, Henry de Togheb lại còn đem cái tài năng thực tiễn và thi ca có tác dụng thực sự của ông ra mà so sánh với những thành quả của người Âu trên bình diện văn chương quốc tế và nhận rằng : «Tagore có một thắng bằng vững vàng là sự thắng bằng của chúng ta». Nhà phê bình viết tiếp : «Nhiều nhà văn Ấn Châu, trong khi nói về thi sĩ này, luôn luôn cho rằng ông như một cụ già có sự kỳ bí bao quanh. Họ đã lầm Tại sao họ lại muốn thấy có sự kỳ bí nơi thi sĩ ? Khi ông này chỉ là một đời sống như những đời sống khác : Gia đình, bạn hữu và kẻ thù. Người Ấn không cần tìm kiếm sự phiêu lưu nào hơn là sự sống. Chúng ta bị rối loạn bởi một cái gì đã mất. Nhưng Tagore không mất mát gì cả. Ông vẫn còn nắm giữ được sự tiếp xúc với thiên nhiên, với dĩ-vãng

cũng như với hiện tại. Đó là một nhà hiền triết, một nhà hiền triết thật sự.»

Sau khi phê bình về chiều lượng sáng tác và tư tưởng của thi-hào, Togheb kết luận bằng một câu ngắn nhưng đầy chân xác và cao thâm này : «Tagore có cái sức mạnh sáng tạo của một thi sĩ thực sự như người ta nhận thấy ở Goethe hay Đức Chúa Ki-Tô»

Những lời nhận định của nhà phê bình «chánh trị khoa học, văn học và nghệ thuật gia» quốc tế Henry de Togheb về thi hào Tagore mà chúng tôi vừa trích dẫn, hẳn đã giúp cho bạn ít nhiều khái niệm đầu tiên về thi hào.

● Tiểu sử ●

Rabindranath Tagore là một đại thi hào Ấn Độ, chiếm giải thưởng văn chương Nobel năm 1913 với thi phẩm «Tung thân ca» viết bằng tiếng Bengali nhan đề là «Gitanjali» do chính tác

giã dịch ra Anh văn, mang tên «*Song offerings*» và sau đó thi-sĩ André Gide lại dịch sang Pháp văn tựa là *L'Offrande lyrique*. Nội dung tác phẩm mang đầy những triết lý sâu xa về tôn giáo, về thần học... đã đưa ông tới mức thành công tốt đỉnh, tầm tiếng ông lẫy lừng khắp năm châu bốn bể, với những danh từ kính cần này : «*Tagore, nhà thơ của nhân loại, của hòa bình và của bác ái...*».

Ông tên thật là Thakur, sinh ngày mồng 6 tháng 5 năm 1861 tại Bengale (Ấn-Độ) vốn dòng hoàng tộc, vì xưa kia Ông nội của thi hào là Tiểu vương Dwarakanath Tagore, người có công sáng lập ra giáo phái «*Brahmasamaj*», hiện nay rất được dân Ấn sùng mộ, và thân phụ ông là Debendranath Tagore, một nhà đại tư tưởng rất được dân tôn sùng như một bậc thánh. Ông mồ côi mẹ ngay từ khi còn nhỏ tuổi, thân phụ ông lại bận nhiều việc xê dịch đó đây nên sự giáo dục của ông không được hoàn bị. Tuy nhiên, vốn thông minh và siêng

học, ông vẫn thi đậu được vào trường sư phạm. Từ khi được một người Anh dạy cho cách thức làm thơ, ông lại say mê sáng tác, bỏ cả học hành. Năm 14, thơ ông bắt đầu khá. Bài «*Thiên thần Valmigu*» mà ông viết thời kỳ này, sau dịch ra Pháp văn nhan đề «*Le Génie de Valmigu*» rất được nhiều người tán thưởng.

Sau đó ít lâu, ông vào học ở viện Bengal Accademy rồi Saint Francois Xavier. Đến năm 1877, ông 17 tuổi, được cha cho sang du học ở Anh quốc, tại một trường đại học gần Londres. Ông trọ tại nhà bác sĩ Scott, phố Regent;

Khi thành tài về nước, nhiều người khuyên ông nên tham gia quốc sự, ông một mực từ chối viện lẽ rằng mình đã có mục đích và hoài bão riêng. Thế rồi ông vận động xin ra báo, lần lượt những 3 tờ tên là «*Baradi*», «*Sathana*» và «*Vangalharisaname*», xuất bản hàng tháng, tự mình ông trông nom quản nhiệm lấy.



Tagore hôm cưới vợ, cô Merinalini Devi, tháng 12 năm 1883

Là một người có tinh thần yêu thương nhân loại dù cho bận rộn với nghề văn, nghiệp báo, những kỳ vọng cao xa vẫn ám ảnh ông. Vì thế, năm 1900, ông cương quyết đứng ra sáng lập trường đại học «Santiniketan» tức «Hòa bình viện» ở làng Bolpur, kế cận Calcuta với mục đích truyền bá văn hóa Đông phương và những tư tưởng thâm sâu về hòa bình xã bác ái.

Với khả năng và sự làm việc hăng hái, năm 1906, ông được cử làm chủ tịch trong hội nghị chính phủ của tiểu bang ấy.

Năm 1912, vì muốn cho tư tưởng hòa bình và bác ái của mình được nhiều nước biết, ông giao trường học và báo chí cho người thân tín quản đốc thay, rồi lần lượt du lịch Âu Châu, Mỹ Châu, Trung Hoa, Nhật Bản v.v.. Đến đâu ông cũng diễn thuyết về chủ nghĩa «Hòa bình» và «Bác ái» của ông, hết lòng cổ vũ cho «Hòa bình viện» nơi quê nhà được nhiều người chú ý và tham gia.

Năm 1914, sau khi diễn thuyết ở Bắc Kinh và Thượng Hải, trên đường về Ấn Độ, ông định ghé qua diễn thuyết ở Saigon nhưng rồi vì một vài lý do ngoài ý muốn phải về luôn quê hương. Mai đến tháng năm năm 1929, nhân sang diễn thuyết ở Đông Kinh trở về, ông mới có dịp ghé lại thăm nước ta và diễn thuyết ở nhà Hát Tây Saigon (bây giờ là Trụ sở Quốc-Hội) rất được công chúng và báo chí Pháp Việt hoan nghênh.

Từ năm 1921 đến năm 1934 ông lên tiếng «công kích chủ nghĩa máy móc» Tây phương, gây ra nhiều vụ tranh luận giữa ông và giáo sư Maurice Croiset và nhiều người khác.

Những năm về già, dù sức lực suy kém, tư tưởng ông vẫn như thuở thiếu thời, phong phú và sâu sắc. Ông mất tại Calcuta ngày 7 tháng 8 năm 1941, thọ được 80 tuổi. Thiếp báo tang được gửi đi khắp thế giới bằng điện tín.



Thi-hào Tagore và Văn-sĩ Pháp Romain Rolland gặp nhau ở Villeneuve (Thụy-sĩ) ngày 26.6.1926

● Tác phẩm văn chương ●

Có nhiều người chỉ biết đến Tagore bằng thi ca.

Thật ra ngoài 30 thi tập mà

tập nào cũng đầy giá trị trong đó có thi phẩm «Tung thần ca» (Gitanjali) đoạt giải văn chương Nobel năm 1913. Ông còn có 14 kịch bản, 10 tập truyện ngắn, 8 quyển tiểu thuyết và nhiều tập in những bài diễn

thuyết về chủ nghĩa «Hòa bình» và «Bác ái» của ông v.v...

Dưới đây, xin kể từng loại những tác phẩm có giá trị nghệ thuật nhất của ông mà phần nhiều đã được dịch sang tiếng ngoại quốc, nhất là Pháp văn :

a) THI CA ; «Gitanjali» (L'Offrande lyrique — Song Offrandes 1912). «Le Jardinier d'amour» (1920) «La Corbeille de fruits» (1921) «La Fugitive» (1922) «Le Croissant» hay «La Jeune Lune» (1924) «Les oiseaux égarés», «Les Reliques de la pensée» «Poèmes de Kabir» (1934) v.v...

KỊCH BẢN ; «Le Cycle du printemps» (1926) «Le roi de la chambre noire» «Sacrifice», «Post Office» hay «Am du roi» (1925) «Chitra» «La Machine» (19 9) v.v...

c) TRUYỆN NGẮN : Chỉ có 2 tập trong 10 tập dịch ra Pháp văn là «Les pierres affamées» và «Contes de mashi» (1925) gồm hơn 30 truyện. Nội dung không có gì đặc sắc lắm.

Lời văn nhẹ nhàng và giản dị như truyện ngắn của Guy de Maupassant.

d) TIỂU THUYẾT : Có thể chia ra làm 3 giai đoạn. Đầu gồm những tác phẩm viết từ 1877 đến 1890, không hay lắm và nghệ thuật còn non hơn thế lại còn chịu nhiều ảnh hưởng của một số nhà văn cổ điển Ấn Độ như ông Bankim Chandra Chatterjee. Giai đoạn thứ hai gồm 10 năm từ 1890 đến 1900. Trong thời gian này, văn ông đã tiến bộ. Tư tưởng đã thoát ly được nhiều ảnh hưởng cũ. Đối tượng sáng tác trong văn phẩm ông là cuộc sống cần lao của dân quê và những người trung lưu trong xã hội Ấn. Giai đoạn thứ ba bắt đầu từ năm 1900 trở về sau, gồm nhiều tác phẩm giá trị, được liệt vào hàng danh tác quốc tế. Nhiều truyện được dịch ra Pháp và Anh văn : «Noka Dubi» viết năm 1900-1902, nhan đề dịch sang Pháp văn năm 1929 là «Le Naufrage» ; «Chokha Bali» viết năm 1908-1910 vẫn giữ nguyên nhan đề khi dịch sang

Anh văn năm 1923 ; «Ghare Baire» viết năm 1913 dịch sang Pháp văn năm 1921 là «La Maison et le Monde» «Chaturaga» viết năm 1914-1915 dịch sang Pháp văn 1924 là «A quatre voix» v.v...

DIỄN VĂN :

Tất cả những bài diễn thuyết của ông ở Âu châu, Mỹ châu, Trung Hoa, Nhật bản, Việt Nam v.v... đều được in thành sách chia nhiều loại : «Sadhana» hay «La Réalisation de la vie» nói về triết học và chủ nghĩa «hòa bình» «bác ái» của ông ; «Personnalité» gồm những phần nói về mỹ thuật và nhân cách ; «nationalisme» gồm những bài nói về chủ nghĩa quốc gia ở Tây phương và Đông phương ; «Orient et Occident» tường thuật những ý niệm về sự văn minh Đông Tây ; «Unité créatrice» đặc biệt đề cập đến tôn giáo và thần học...

Ngoài những tác phẩm chính mà chúng tôi đã kể, còn có hai quyển khác không kém phần quan trọng. Đó là tập tư truyện «Ré-

miniscences» hay «Souvenirs» bản dịch Pháp năm 1925, kể lại cuộc đời của ông từ lúc thơ ấu đến khi trưởng thành. Trong tác phẩm này có phần nói về sự vô phúc của mẹ ông và nỗi khổ của ông, làm người đọc rất cảm động qua những buồn, thương, nhớ, tiếc hình ảnh người mẹ hiền. Và tập tạp thư gửi một người bạn «Lettres à un ami».

● Tóm lược vài tác phẩm giá trị

Phần trên, chúng tôi chỉ trình bày đơn sơ số danh tác của ông. Dưới đây tôi xin tóm lược hai kịch bản và trích trọn bức thư của ông gửi cho nhà văn Nhật bản Noguchi vào năm 1939 khi ông này dùng thi ca cổ võ cho chủ nghĩa đế quốc Phù tan là chính sách «Đại Đông Nam Á».

1) — HY SINH (Sacrifice)

«Hy sinh» là một vở kịch sâu sắc, thâm trầm, diễn tả sự dâng co, xung đột giữa những sự mê tín dị đoan và tiến bộ của nền văn minh

khoa học. Kịch mở đầu với một người con gái nhỏ hơn ngày đang gào khóc thảm thiết vì bị người ta bắt ngang của nó một con dê cái để đem làm quà tế lễ nữ thần Khali. Nỗi buồn mất dê của cô bé tình cờ lọt đến tai vua Govinda và trong một phút ý thức được những tệ trạng phong tục hủ lậu nước mình, nhà vua ra lệnh cấm từ đây về sau không ai được dùng sinh vật để tế thần nữa.

Sự kiện ấy làm tu sĩ Rhagupathi bất mãn. Ông ta là người bảo thủ tục lệ ấy, vì nó đã có từ hơn mấy ngàn năm nay, và hơn thế, nữ thần Khali, theo ông rất «linh thiêng» trong việc giúp đỡ nhân dân. Ông ta cổ động dân chúng chống lại nhà vua, ngay cả vợ con nhà vua cũng lại nghe theo lời xúi bẩy của ông ta. Duy chỉ có một người con nuôi của nhà vua là không bằng lòng. Vì thế, khi nghe được tin người ta sẽ sát hại nhà vua để lấy máu tế thần, người con nuôi ấy liền dùng gươm đâm ngay vào cổ để được chết thay vua cha, cho người ta «có máu» mà tế thần

Khali. Sự hy sinh đó, lòng thương vua cha và bờ đó đã làm tu sĩ Rhagupathi tỉnh ngộ rồi sau đây hợp tác cùng nhà vua công kích sự mê tín và ra lệnh bãi bỏ tục lệ tế lễ sai lầm kia. Nếp sống nhân dân Ấn, từ đây lại sung túc hơn.

2) — A-MAN hay là BỨC THƯ CỦA NHÀ VUA (Amal ou la lettre du roi).

Đây là một vở kịch êm đềm, đẹp đẽ như giấc mộng nhuộm đầy màu sắc thần tiên, làm người đọc có cảm giác muốn lìa xa những phiền toái của cuộc đời để mơ về nẻo xa xăm khác có nhiều tươi đẹp hơn.

Một đứa trẻ tên Amal ốm nặng; đang nằm chờ tử thần đến mang linh hồn nó đi về thế giới khác, trong một gian phòng tối om không có lấy một ánh đèn bé nhỏ nào. Thế nhưng mà; khác hơn ai nó không khóc không rên la một tiếng gì cả. Nó nằm im trên một giường con, đáng ngoạn ngoạn như một đứa trẻ nằm gọn trong nôi. Tuy nhiên,

trí óc nó vẫn luôn làm việc. Nó mơ nhiều thứ nhất, là bức thư của nhà vua mà đã từ lâu nó hằng mong được đọc. Trong giấc mộng quả thật nó được toại nguyện. Nó đọc say mê. Nó càng vui hơn nữa là sau khi được đọc thư vua sau vài giờ, nó lại có may mắn đón tiếp nhà vua thân hành đến thăm nó. Giấc mơ đẹp đẽ đó làm cho thần kinh nó dịu lại. Nó ngủ yên lòng chứa chan hy vọng... Nhưng giấc mơ của nó chỉ là hư ảo không bao giờ có. Giấc ngủ của nó thành một giấc ngủ ngàn thu, không bao giờ tỉnh lại. Nó chết.

(Còn nữa)

THANH-VIỆT-THANH

ỨC VIÊN THI THOẠI

Những chuyện thơ kỳ thú, một bút tích, một di ảnh và tiểu sử THI-SĨ ĐÔNG-HỒ với lời giới thiệu dựa duyên chân thành của NGUYỄN-HIỆN-LÊ, một người bạn viết cho một người bạn vừa năm xuống.



Tranh không lời

Nụ cười Việt-Nam (Họa-sĩ Nguyễn-Uyên)



Xem thơ NGUYỄN-LANG qua «Vết Buồn»

● LAN-DÌNH

CÙNG một ngày, buổi sáng, tôi vừa gặp ông Bình-nguyên-Lộc thì buổi chiều, tôi đã đọc «Vết Buồn», thơ Nguyễn Lang.

Gặp ông Bình-nguyên-Lộc để biết, là một vị giám khảo cho giải thưởng Văn Học 1967-69, ông sẽ «khuyến», sẽ «xổ» như thế nào. Ông bảo : «tôi sẽ chú trọng những người mới viết, bởi lẽ, những người đã nổi tiếng thì... họ đã nổi tiếng rồi».

Đọc thơ Nguyễn Lang, để nhớ một cái tên rất khó nhớ. Nguyễn Lang, Trần Lang, Trịnh Lang, hay Vũ quân., Ngô quân., v.v.. dù sao, nghe cũng chỉ có, nghĩa là những chàng, những ông có những cái họ như vậy. Quả thật rất khó nhớ. Tôi muốn nói bút hiệu đã không làm gì được cho tác phẩm, thì chỉ còn cách tác phẩm phải làm được gì cho bút hiệu. Không phải tôi đã kỳ vọng

ở Nguyễn Lang điều đó. Tôi chỉ muốn đóng góp, cộng tác với Nguyễn Lang một đoạn đường.

Có thể nói chắc rằng Nguyễn Lang chỉ đặt hai vấn đề trong Vết Buồn : tình yêu và «Tôi».

Tình yêu ? Đem tình yêu cho thơ, đem thơ cho tình yêu, thì trước Nguyễn Lang đã có rất nhiều người, và sau Nguyễn Lang sẽ còn rất nhiều người. Bởi thế, giữa đám đông vô số, vô hạn đó, Nguyễn Lang phải... to tiếng lắm mới mong chứng minh được sự có mặt của mình.

Thử lấy một ví dụ gần gũi, thi sĩ Victor Hugo đã có một định nghĩa, rằng «Amour ? Le coq se montre, l'aigle se cache». thì, ít nhất, Nguyễn Lang cũng phải tỏ ra được hoặc là con gà vênh váo, hoặc là con phượng hoàng kín đáo.

Nhưng tôi ngờ rằng Nguyễn

XEM THƠ

Lang chưa có cái may mắn được sống «hết mình». Chưa được buồn đến «coi như chị đã qua sông đằm đờ» chưa được vui đến «đời tươi như buổi bình minh nạm vàng».

Tôi thấy cả tập «Vết Buồn», Nguyễn Lang chỉ có những chữ «anh» chữ «em» chữ «tim», chữ «môi» để viết về tình yêu.

Tôi vừa nói đến ngôn ngữ của Nguyễn Lang, là điều kiện then chốt của thơ, nhất là thơ. Thậm chí, có mỗi nghĩa chữ «chơi với», chẳng mới mẻ đặc biệt gì, mà Nguyễn Lang đã dùng đi dùng lại mãi trong «Vết Buồn».

Người ta sẽ quên ngay Nguyễn Lang qua thứ ngôn ngữ thông thường :

Và đây với nỗi buồn này
Tôi xin giã biệt những ngày
xa xưa
(Bây giờ)

Người ta sẽ nhớ Nguyễn Lang chăng, là nhờ những câu :

Sáng ngày soi kính (chữ «kính» hơi gượng) rêu phong

Mặt tôi hình dạng (hình dạng) cũng chưa chỉnh) khủng long về già (tuyệt !)

Tóc sợi khói xám tôi bơi
Dung nhan tiền sử rã rời
lung lỉnh
(Nhan Sắc)

Tuyệt ! Nhưng rất hiếm trong «Vết Buồn».

Còn «tôi» của Nguyễn Lang, tôi thi sĩ ? Rất mù mờ. Chẳng hạn, người muốn tìm gặp Nguyễn Lang, vào lúc «Nguyễn Lang nhất», (Thi sĩ, trang 21) cũng chẳng hiểu biết được chút gì. Buồn khổ viễn vông, chờ đợi vô có, coi thường áo cơm, đứng ngoài thời cuộc cô đơn giữa cuộc đời thật thà đến khô khạo trong xã hội, vân vân, thế là thi sĩ rồi ? Thi vẫn công thức «đau với gió, mơ theo trăng, vơ vẩn cùng mây»

Tuy vậy, tôi vẫn tin rồi đây mọi người sẽ công nhận Nguyễn Lang. Mỗi ngày hai chuyến xe buýt đi về, có những người con

gái đứng bên hân, tóc ở lại với thơ.
như mây, mắt kẻ lè
xa vắng. Hân đã liên tưởng
đến hai dòng sông. Đã dành trăm
sông rồi cũng chung đầu đại
dương, nhưng sẽ chẳng bao giờ
gặp nhau...

Có được những nỗi buồn rên
rén đó là Nguyễn Lang sẽ còn



Cần mua lại

3 Quyển thơ «HOANG-VU» của NGUYỄN-VỸ. Còn
mới càng tốt.

Xin đưa đến Tòa-soạn Phê-Thông trong những giờ
làm việc. — Ở xa, xin gởi bảo đảm.

Từ Đêm Khởi Chiến

là từ năm 1946 đến những năm 1960, từ cuộc chiến tranh
trước đến cuộc chiến tranh này

Truyện dài LAN-ĐÌNH (Thế Hiện xuất bản) đã phát
hành khắp nơi.

Hiện Tượng «Quán» Văn-nghệ

✱ PHAN-THỊ THU-MAI

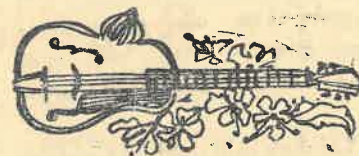
TRONG hai bài trước, tôi đã viết quán «Thăng Bờm» và
Hương Cỏ May. Đáng lý P.T. số 232 có bài tiếp theo nhưng vì
nhiều việc quá, nên đến phút chót, báo còn khuôn cuối cùng tôi
không đi. Không ngờ đêm ấy, chẳng hiểu cụ trời buồn tình chuyện chỉ
cứ khóc sục-sịt mãi từ chiều đến nửa đêm, làm tôi không thể
ra khỏi nhà được. Vì thế mà P-T 232 vắng bóng «quán cà phê
văn nghệ».

Kỳ này tôi đã lo đi sớm, và chọn mục phiêu đến viếng là quán:

«MAI»

«Mai» là quán tương-đối nhỏ
tất cả những quán mà tôi đã
đi đến. Nhưng «MAI» trang
hoàng có vẻ nghệ thuật hơn.
Cùng với tre, gỗ, mây, lá, người
quản trị quán, (bà Nguyễn-thị-
Kim, một thiếu phụ trẻ) đã khéo
tạo cho Mai một khung cảnh
ấm cúng, dễ chịu, không đến nỗi
quá giả tạo. Ngoài lá, tre, gỗ ra,
trên vách tường còn treo vài bức
tranh cổ, hai cây đèn gáo, năm

bảy affiches quảng cáo sách. Một
cây guitare điện treo trước quầy,



cùng micro, dành cho khách yêu
văn nghệ muốn trình diễn. Sau
quầy có bày vài tập thơ, như
«Lời chim núi», «Tình ca

tuổi ngọc» ... tờ báo «*Thế đứng*» v.v. do chính tác giả gửi nhờ bán giùm. Theo lời bà Kim thì những sách vở bán ở đây giá bao nhiêu bán y vậy, quán không lấy hoa hồng. Cũng theo bà Kim bất cứ ai yêu văn nghệ, muốn trình diễn một đêm chủ đề hoặc thường, chỉ có việc cho quán biết để sắp xếp. Không ai phải trả một phí tổn nào cả, sau buổi trình diễn.

Bà cũng cho biết, những người làm văn nghệ trẻ như Từ-kế-Tường, Phô-Đức, Hoàng-thụy Miên v.v.. vẫn thường hay đến đây. Thường thì Thứ Năm và Chủ nhật đều có văn nghệ. Tôi tới đêm thứ Tư nên chẳng có gì, trừ nhạc thính phòng. Khách cũng không đông gì lắm. Vài ba quân nhân, mấy cậu choai-choai, bốn năm thanh niên ngồi uống «la-de», café, ăn Yaourt..

Tôi định ngồi chừng 15 phút sẽ ra về, nhưng được 10 phút, thì có hai quân nhân, một mặc đồ Biệt-kích, một áo lính xanh thường, lên ngồi bàn gần micro, anh lính

Biệt-Kích tóc dài tới 6t, nét mặt rất «ngây thơ», cả hai anh chừng 17, 18 tuổi.

Anh lính Biệt-Kích bắt đầu dạo đàn, và anh lính áo xanh cất tiếng hát. Giọng hát hai anh thật trầm, và buồn, buồn da diết. Anh lính tóc dài hát nhạc ngoại quốc, anh lính áo xanh hát nhạc Việt. Nhìn hai anh vừa đàn vừa hát, người ta mới thấy rõ sự say mê của tuổi trẻ yêu nghệ thuật.

Anh lính tóc dài cho tôi biết anh tên Đặng-hồng-Quang, dân Biệt Kích ở Đồng Xoài mới về phép, và người bạn của anh : Đỗ minh-Huệ, làm ở Quân Cảnh Tư pháp.

Gần 10 giờ, tôi trả tiền ra về. Một chai Bireley's 30 đồng, một ly café-filtre 40 đồng. Bà chủ quán cũng cho tôi biết rằng mỗi ngày bà có thể bán từ 2.000 đồng đến 3.000 đồng. Quán Mai tọa lạc ở đường Phan thanh Giản, khoảng gần Ngã Bảy.

Đứng đạp xe cho máy nổ ở lề đường tôi còn nghe văng vẳng

những hát say sưa của hai người thanh trẻ.



«Gió»

Tôi đến quán «Gió» vì trước kia nghe các bạn văn nghệ nói đến khá nhiều. Nhưng khi tới nơi, tôi vô cùng thất vọng vì đây chỉ là một quán có nhạc thính-phòng cà-phê thường, một quán giải-khát thuần túy, chẳng có chút gì có thể gọi là không-khí văn-nghệ cả. Một cô gái mặc đồ ngắn ngồi uống nước với người bạn trai, một ông mập ngồi tán chuyện với một bà sồn-sồn mặc áo bà-ba. Dưới lớp

kính mặt bàn để một tờ giấy kê-khai thức uống : «quan Gió sản-xuất bằng nhạc». Thức uống ở đây có thể nói đắt hơn tất cả những quán tôi đã ghé qua. Một tách café-filtre : 50 đồng.

Đó là tất cả những gì tôi đã thấy ở quán «Gió». Gió bây giờ không còn là quán Gió văn-nghệ ngày nào nữa.



«Giao-Chỉ»

Quán Giao-chỉ cũng ở đường Võ-Tánh, chỉ cách «Gió» vài căn nhà. Giao-Chỉ có bề ngoài khá hơn «Gió» với hai chữ *Giao-Chỉ* gắn bằng tre thật xinh. Nhưng Giao-Chỉ cũng chỉ là một quán café một quán giải-khát có nhạc thính-phòng. Thế thôi. Cũng giống như Gió, thức uống ở đây

có phần đất : một ly sữa đá 45 đồng.



Loạt bài về các quán văn nghệ đến đây tôi thấy đã tạm đủ. Sài Gòn tuy có khá nhiều quán, nhưng sau khi đi một vài quán tiêu biểu nhất, tôi thấy các nơi đều cũng gần gần như nhau, chẳng mấy khác biệt, chẳng có chi hay lạ hơn.

Hỏi những người ngồi quán, thì người nào cũng đều trả lời đại khái :

— Buồn buồn không biết làm gì, kiếm một chỗ ngồi uống nước, gặp bạn bè tán phét chơi cho vui, thế thôi.

— Chứ không phải vì yêu văn nghệ ?

— Cũng có. Nhưng có cả hai thứ chứ không phải hoàn toàn vì «văn nghệ».

Đầu tiên, khi các «quán» đua nhau mọc lên tôi tưởng rằng đây là một phong trào văn nghệ mới, một mảnh đất mới, dành cho những người làm văn nghệ trẻ có nơi

để phát triển tài năng.

Nhưng sau những lần chứng kiến, tôi nhận thấy những «Đêm chủ đề», ngâm thơ, ca nhạc, giới thiệu thi văn phẩm, đều chẳng được giới trẻ hoan nghênh mấy. Những người tham dự cũng không được là bao.

Và dần dần, những «quán cà-phê văn nghệ» đã trở thành những quán giải khát thuần túy như trường hợp «quán «Giỏ» mà trước đây vài ba tháng bình như hoạt động khá «xôm» về văn nghệ. Hiện giờ hầu hết các «quán cà-phê văn nghệ» ở Sài Gòn không còn sắc - khí văn nghệ sôi động. Không như những Cafés littéraires ở Paris hồi cuối thế kỷ XIX, mà sự gặp gỡ thường xuyên nơi đây của những thi sĩ trẻ lừng danh như Baudelaire, Verlaine, Rimbaud, Apollinaire, v.v... đã tạo được những ảnh hưởng sâu đậm trong văn học sử Pháp của thế kỷ XX.

Kỳ sau, chúng tôi sẽ viết về những sinh hoạt khác của giới trẻ Thủ đô.



Thác loạn



★ THƯƠng LÂM-TUYỀN

(Tiếp theo P.T. 232)

N HUNG rồi tui bày bị thất bại vì những chiến thuật non nớt lỗi thời của tui bày không áp đảo được anh chàng ta.

Không nhờ phản ứng của Linh, Diễm Lê nhún vai :

— Tui bày dở quá. đối với một anh chàng sinh viên mới ra trường cù lần trẻ con như thế mà tui bày không «bắt ấn» được thì đâu có xứng trong băng Hip-pi Hai Mươi, của bọn tao, để rồi tao sẽ trình bày

với chị Loan nữ chúa Hip-pi, yêu cầu chị ấy khai trừ mày ra khỏi băng Hip-pi Hai Mươi cho xem.

Linh uất ức lắm muốn tát cho cho vỡ mặt Diễm Lê mới hả giận, nếu ở vào giờ học do các giáo sư khác phụ trách thì Linh đã không ngần ngại cho đôi má của Diễm Lê nếm những cái tát nẩy lửa rồi, nhưng vì giờ này có sự hiện diện của Lâm, anh chàng giáo sư trẻ tuổi bỏ trai mà Linh đang muốn chinh phục. Do đó

Phóng-sự về nữ-sinh Đợt-sóng-Mới — Hippy —
Bụi-đời Saigon.

Linh không muốn có cuộc đấu dả với Diễm lệ trong lúc này vì ngại Lâm nhìn thấy sự hung hăng danh đá của mình mà ngán sợ và Linh sẽ khó thành công trong việc chinh phục anh chàng ta.



Nhưng không vì thế mà Linh đành im lặng chịu thua Diễm lệ, cô «nuông» trả đũa ngay:

— Tao xin chịu thua mày về tài đấu võ mồm. Kể ra ông trời cũng công bằng thật, «ông» ban cho mày cái biệt tài nói khoét khiến ai nghe mày nói cũng phải

lầm tưởng và tin thật nhưng «ông» lại quai ác tước mất khi giờ chinh phục đàn ông của mày nên ban cho mày bộ mặt thật khó nhìn nên không ai thích gần mày cả.

Linh ngừng nói vuốt lại mái tóc lòa xòa phủ một bên má rồi nhếch mép cười ngạo nghễ tiếp:

— Bểng có là từ ngày tao với mày cùng gia nhập vào bểng Hip-Pi Hai Mươi của chị Loan sáng lập tới giờ thì mày thử kiểm điểm lại xem thành tích hoạt động của mày có gì? Ngoài con số không to tướng thì mày chỉ có tài khoắc-lắc nên thành tích ma nơi cái mồm mà thôi. Mày bảo rằng «chài» được vô số bọn đàn ông con trai từ trẻ đến già từ giới trung-lưu đến thượng lưu nhưng trong bểng chẳng đứa nào thấy mày

đặt về trụ sở một «khứ» nào cả dù là «khứ lão» gần đất xa trời thêm gái chẳng hạn, trong khi đó tao đã lần lượt đưa về «trụ sở» không biết bao nhiêu «khứ» toàn là những khứ-gỗ («đẹp trai») lắm học nhiều tiền, tao đã bắt địa những con bò vàng đó xung vào công ủy trong bểng làm lợi ích cho bểng biết bao. Đấy mày thử đem so thành tích «hoạt động» giữa tao và mày xem ai hơn ai thì biết.

Đến đây Linh chợt cười dài, giọng chế riếu:

— Tao rất huân cười khi nghe mày nói sẽ bảo chị Loan khai trừ tao ra khỏi «bểng» Hip-Pi Hai Mươi. Vì quyền lợi của «Bểng» sức mấy chị Loan dám khai trừ tao nếu không khai trừ mày một đứa ăn hại không mang lợi lộc gì cho «bểng» được.

Diễm lệ cứng mồm không nói được câu nào, dù lẽ

mép khéo chối cãi nó cũng không thể tìm được câu nào để bác bỏ lập luận của Linh hầu nguy biện cho mình.



Chứng kiến trước sự gây-cấn giữa Linh và Diễm lệ, qua sự đối đáp của hai bên, Lan và Hồng vỡ lẽ ra mới biết Linh và Diễm lệ ở bểng Hip-Pi Hai Mươi mà chúng nó đã nghe tầm tiếng từ lâu và hằng ao ước được gia nhập nhưng chưa có cơ hội. Hơn nữa Lan và Hồng mang mặc cảm thiếu điều kiện để được kết vào vào bểng Hip-Pi Hai Mươi.

Tiêu chuẩn được kết nạp vào bểng Hip-Pi Hai Mươi

theo chúng nó được nghe truyền miệng lại thì phải hội đủ những điều kiện sau đây: Trước tiên là phải đẹp, nét mặt không vắn chưa đủ mà phải có thân mình rục rữa Hỏa Diệm Sơn, ít ra phải quển rũ bằng nữ minh tinh B.B chứ không được kém hơn và nữ chúa trưởng sẽ đích thân kiểm soát những đứa con gái «choai.choai» xin được gia nhập bằng cách cho các cô nương thoát y



để xem có xài «đồ giả» hay không. Sau đó là phải biết nhót thật giỏi và đóng lệ phí mỗi tháng là 5.000đ để chi phí trong những cuộc vui

chơi hằng ngày tại «trụ sở». Nếu không có khoản phải đóng lệ phí 5.000đ mỗi tháng thì Lan và Hồng đã thừa tiêu chuẩn để gia nhập vào băng Hip-Pi Hai Mươi từ lâu rồi, Hồng và Lan con của gia đình công chức hạng B mỗi tháng cả gia đình tiện tặn cho lắm cũng không dư tới một ngàn bạc thì cả hai có nương làm gì có tới 5000đ để đóng lệ phí cho băng.

Giờ được biết Diễm và Linh có chân trong băng Hip-Pi Hai Mươi cả hai vô cùng kinh ngạc, chúng thắc mắc không hiểu vì sao Diễm và Linh có được 5000đ mỗi tháng để đóng lệ phí trong khi gia đình của Diễm và Linh không hơn gì gia đình chúng nó.

Hồng vọt mồm hỏi :

— Hai đứa mày gia nhập vào băng Hip-Pi Hai Mươi từ bao giờ ?

Linh bảnh diện :

— Gần một năm.

Lan :

— Tụi mày kín mồm thật, sao không rủ tao cùng gia nhập cho vui ?

Diễm :

— Tao cứ ngỡ rằng tụi bây cũng là Hip-Pi của những băng khác nên không mời tụi bây gia nhập vào băng này, nào ngờ tụi mày hiền quá.

Hồng :

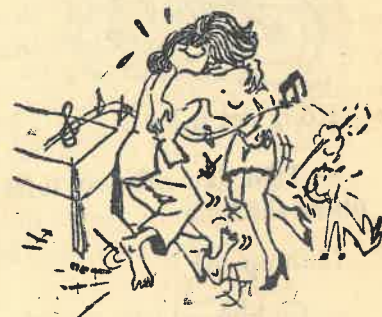
— Sức mầy mà hiền, tụi tao bay bướm một cây chứ, mặc dù chưa gia nhập băng hip-pi nào nhưng cách sinh hoạt của tụi tao có thua gì hip-pi đâu. Tao với con Lan cũng muốn gia nhập các băng hip-pi lắm nhưng ngại vì không quen biết nhiều và không có ai giới thiệu.

Lan tiếp lời Hồng :

— Hơn nữa tụi tao không dư tiền để phung phí trong những cuộc vui chơi.

Linh lên mặt chị cả :

— Non nớt như tụi mày mà cũng lâm bộ lên mặt chị, như tao với con Diễm nè, cha mẹ có cho đồng nào đâu mà vẫn có thừa tiền để lăn mình vào các cuộc vui tung bừng.



Diễm lé kiêu hãnh :

— Tụi mày biết không băng Hip-pi Hai Mươi của tụi tao ấn định mỗi đứa phải đóng nguyệt liêm mỗi tháng ít nhất là 5000 đồng, thế mà tụi tao góp đến 10.000 đồng mà vẫn còn tiền dư để xài.

Hồng và Lan há hốc mồm trở mắt nhìn Diễm và Linh

Hiếu được nổi kinh ngạc của hai đứa. Diễm và Linh nhìn nhau túm úm cười khoái trá.



Hồng vọt mồm :

— Tiền đâu mà có thừa nhiều thế ?

Linh úp mở :

— Có khó gì, đi đào lấy thiếu gì.

— Đào ở đâu ?

Diễm ra vẻ bí hiểm :

— Bí mật nhà nghề, không thể tiết lộ được.

Lan ra vẻ khôn lanh hơn, bấu môi nói :

— Xí, bí mật cái cóc khi gì, con Hồng ngu ngốc

không đoán hiểu được còn tao thì đã thừa biết rồi.

— Mà biết gì ?

— Nếu tụi bây không đánh cắp được tiền của cha mẹ thì cũng đi «bắt địa» những gã đàn ông nhiều tiền mà ngu xuẩn vì mê gái.

Diễm và Linh cười nắc nẻ, cười sặc sụa quên cả sự hiện diện của giáo sư trong lớp học.

Linh vỗ vai Lan khen đáo để :

— Hay ! Hay lắm, trí thông minh của mày kè ra cũng có hạng đấy Lan, nhưng rất tiếc là mày không biết xử dụng cái vốn thông minh sẵn có để kiếm tiền như tụi tao.

Lan cười nhẹ :

— Thú thật với tụi mày đôi khi quá túng tiền tao cũng có ý nghĩ đó nhưng không may mắn cho tao vì những thằng kếp của tao toàn là



loại đá áo túi cơm còn ăn bám cha mẹ thì tiền đâu mà bọn hần cung phụng cho tao chứ ?

Diễm :

— Kép của mày thuộc thành phần nào mà cháy túi hết vậy ?

— Học sinh, sinh viên, quân nhân và công chức.

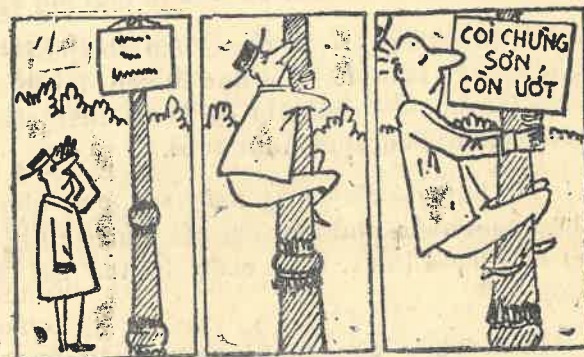
Linh cười lớn :

— Mày khờ quá, nè đi bắt bớ với mấy tay mặt vận đỏ thì có đường «sơ muối» gì được. Này nè bọn nhóc con sinh viên học sinh lán gì ra tiền được đâu, nếu không ăn bám vào cha mẹ thì bọn nó «đội» hết, còn mấy thằng lỏi được mệnh danh là con cưng của chính phủ thì đội nhẵn răng cả lũ, lãnh lương chưa hết tháng đã cháy túi cả rồi.

(Còn tiếp)

Nụ
cười
ngoại
quốc

(tranh không lời)



Khóc nữ Thi-sĩ tài-hoa

MỘNG-TRUNG (Paris)

CHỊ MỘNG-TRUNG yêu quý !

Hôm nay ngày 3-10-69 tức vừa đúng một tháng sau khi em mất chị ! Vừa tròn một tháng chân chị đã về bên kia thế giới. bỏ lại trần gia bao kẻ thân yêu cùng với nỗi khổ đau thương tiếc cho mọi người.

Chị Mộng-Trung ơi ! Lâu rày em không viết thư cho chị, không phải vì em quên chị, quên sao được một người chị tài hoa và đáng yêu như thế ! Chị nói phải : «đời sống khó khăn, gác gĩa, việc chồng con cũng đủ chiếm hết thì giờ» — Chị đã biết thế nên chẳng khi nào chị trách em, phải không chị ? Bây giờ em viết mấy giòng này đây thì thế xác chị đã vùi sâu trong lòng đất lạnh muôn đời ! Em xót xa, ân hận và nước mắt cứ trào ra mỗi lần nghĩ đến !

Ba Mươi ngày trôi qua ., tấm thiệp báo tang còn để nguyên trên bàn viết. Em đọc đi xếp lại không biết bao nhiêu lần mà vẫn chưa tin đó là sự thật ! Em cảm thấy nghẹn ngào, bồn khoăn, tức tưởi...

Từ hôm đó cách mấy ngày sau, em gặp chị Tuệ-Mai. Chúng em nhắc nhở đến chị rất nhiều ; Chị Tuệ-Mai với nét mặt buồn thiu, chốc chốc lại thở dài nghe rất náo nức.

Tuần trước, cùng một lúc em nhận được thư của hai

KHÓC NỮ THI SĨ

Anh Trần-Văn-Khê và Nguyễn-Văn-Cồn từ Paris gửi về. Tội nghiệp Anh Khê lại phải vào nhà thương mổ thận sau khi chôn cất chị xong. Em thấy lòng lo ngại cho sức khỏe của Anh ấy. Anh viết thư cho em sau bảy ngày mới mổ và hiện đang nằm bệnh viện, nét chữ còn run run... Anh khen chị là «một người can đảm chưa từng thấy». Em được nghe Anh kể rất tỉ mỉ về căn bệnh của chị từ buổi phát sinh cho đến lúc «giã từ chúng ta vĩnh viễn» (lời của Anh Khê).

«Nơi an nghỉ cuối cùng của Mộng-Trung là một nghĩa địa nhỏ làng Vitry/Seine cách nhà độ hai cây số». Thế là chị đã thật sự nằm yên trong lòng đất để chẳng bao giờ em được nhìn thấy nữa !

Anh Cồn bảo hai tuần nay Anh buồn về cái chết của chị. Anh tiếc nhớ một nữ sĩ tài hoa càng ngậm ngùi khi nhìn thấy hai cháu gái của Chị còn thơ dại. Vẫn biết tử biệt sinh ly là lẽ thường làm người ai tránh khỏi được, nhưng nỗi khổ đau vẫn dằn vặt và lòng thương tiếc vẫn không nguôi.

Chị Mộng-Trung ! Chị đã nhận Hỷ-Khương làm «Cô em gái nhỏ» qua tuổi đời hơn nhau nhiều ít. Chị bảo «Chị yêu H.K và mến thơ H.K vì lời lẽ trang nhã , ý sâu xa, mặn nồng bởi một thứ tình rộng lớn hơn, thứ tình riêng tư mà thiên hạ thường mãi tỉ tê than khóc»... Thật ra chúng ta đã gặp nhau ở điểm ấy và trở thành tri-kỷ, cùng mến yêu nhau trong mối tình đồng điệu, cùng mong nhớ nhau qua vạn dặm trùng dương.

Thư chị viết cho em cũng như thơ của chị, lúc nào

cũng man mác một nỗi sầu... cái sầu nhân thế! Tình yêu đất nước của chị bàn bạc trong lời thơ, giọng nói. Hình như lúc nào tâm hồn chị cũng băn khoăn tơ tưởng đến cảnh khói lửa tương tàn đang dày xéo trên mảnh đất thân yêu của chúng ta. Lòng nhớ thương quê hương của chị thật đậm đà tha thiết / chị đã hát cho muôn người nghe, và chị đã hát chính cho lòng chị :

«Gọi tình ai bốn phương trời,»

«Thương về nước Việt xa xôi muôn trùng»

(Thơ Mộng-Trung)

Tiếng hát, câu hò, giọng ca tình tứ của chị đã từng vang dội khắp đó đây trong mỗi lần đem hồn nhạc của dân tộc đi trình diễn với nhạc sư họ Trần bên cõi trời Âu. Đến bây giờ chắc vẫn còn văng vẳng bên tai những người mến điệu, trọng tài, gây cho tâm hồn họ những niềm cảm xúc và thương tiếc biết chừng nào !

Chị Mộng-Trung ! Đêm nay Saigon, bỗng nổi gió, ngọn gió có vẻ khác thường. Hình như có bão ở đâu gần. Rồi trời lại đổ mưa, những cơn mưa liên tiếp và nặng hạt, nhìn mưa, ai lại không buồn, phải không chị ? Huống nữa là lúc này, giữa đêm khuya thanh vắng, lòng em đang mơ màng tưởng nhớ đến chị, đến nắm mồ còn phủ màu đất mới, đến tấm bia dựng đứng với nét chữ chưa nhòa, còn sắc sảo, rõ ràng, tô đậm tên của người chị thân yêu' một nữ sĩ tài hoa vừa khuất bóng : MỘNG-TRUNG —

Càng về khuya, cơn mưa thưa dần và bây giờ chỉ còn nghe tiếng nước giọt từ mái hiên. Em đem những bức thư của chị ra đọc lại, Em đem tập thơ của chị tặng em

ra nghiền ngẫm... Mỗi lời thơ, mỗi nét chữ là mỗi «Giọt Thời Gian» lắng đọng trong tâm hồn theo với giọt mưa rá rích bên ngoài... Ta sao xiết được nỗi buồn nửa chị ơi ! Tội nghiệp cho chị của em, chị đã lo sợ :

«Chèo chống bao giờ cho đến bến»,

«Bề trần ngao ngán kiếp phù sinh».

(Thơ Mộng Trung)

Chị đã tự đặt cho con người của chị một bổn phận và trách nhiệm quá nặng nề, chị thấy nó to tát quá nên chị lấy làm lo ngại nhưng đâu có «đến bến» hay không chỉ là điều dễ thỏa chí nguyện, mà kiếp phù sinh thì không ai thoát khỏi hai chữ «định mệnh» của luật trời. Vì vậy em mong rằng chị đừng băn khoăn vướng vẩn làm chi nữa. Em ước mong và cầu nguyện cho linh hồn chị sớm siêu thoát để về với I thế giới khác, xa cõi trần tục đầy đau thương, đầy tội lỗi, đầy dã man, nhơ nhớp và xấu xa.

Chị Mộng-Trung ơi ! Lúc còn sinh tiền, chị vẫn thường mang nặng một tình yêu quê hương thấm thiết ; tim chị hằng rướm máu bởi niềm đau của dân tộc trong hiểm họa chiến tranh. Thì giờ đây, nơi bên kia thế giới xa vời, em kính gửi đến chị một niềm tin và mong rằng chị có thiêng thì xin chị :

«Hương hồn nguyện chứng đêm thâu»,

«Độ tri non nước mấy mùa sớm tàn».

(Thơ Hỷ-Khuông)

Sài-Đò, Tết Thu Kỷ-Dậu
TÔN-NỮ HỖ-KHUÔNG



★ Giải thưởng Văn Học

● HOÀNG-THĂNG

TRUNG tuần tháng 10-69, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu đã tiếp các ông trong Hội Đồng Giám khảo Giải thưởng Văn Học 1967-1969 lại dinh Độc Lập. Đó là các ông: Vì Huyền Đắc, Vũ Hoàng Chương, Vũ khắc Khoan, Tam Ích, Phạm đình Tân, Nguyễn mạnh Côn, Bình nguyên Lộc, Võ Phiến, Mai Thảo, Bàng bá Lân, Thanh tâm Tuyền, Nguyễn Vỹ, và linh mục Thanh Lăng.

Các vị giám khảo ước mong

giải này sẽ được tổ chức liên tục để tránh khỏi tình trạng giải đoạn như những giải thưởng tương tự trước đây, và trong tương lai giải này có thể đạt được giá trị các giải Văn Học quốc tế như Nobel, Pulitzer, Magsaysay, v.v...

Tổng số tác phẩm dự giải Văn Học là 338 cuốn, gồm 164 tập thơ, 62 tiểu thuyết, 31 kịch và 81 biên khảo. Nghe nói nhiều nhà thơ nhà văn có tên tuổi, đã gửi tác phẩm dự giải.

● Cuộc thi sáng tác Văn

SINH KHÍ VĂN NGHỆ

Nghệ thép sung do Cục Chính Huân tổ chức gồm các bộ môn kịch và nhạc, đề cao quân phong quân kỷ, cổ vũ sĩ khí. đề Cao giá trị của CTCT trong công tác sinh hoạt lãnh đạo chỉ huy quân đội, đề cao tinh đoàn kết quân dân, v.v...

Thời hạn gửi tác phẩm thi chấm dứt vào ngày 15-11-1969 và ngày công bố kết quả là 09-12-69.

Bội Lan Hành

hị phẩm thứ tư của ĐÔNG HỒ. Gồm ba mươi bài thơ dài tâm sự nhất, điêu luyện nhất mà cũng đặc ý nhất *«chẳng những là một tác phẩm, một kiệt tác văn chương, mà còn là một nổi lòng của TRÁC-CHI...»*

4 phụ bản, bút tích và họa phẩm thủy mặc của tác giả.

QUINH-LÂM xuất bản.

● Lễ phát giải thưởng Truyện Ngắn Trắng Đen đợt 2 đường

Lê Lợi vào sáng ngày 14-10-69 với sự hiện diện của ông Đồng Lý văn phòng Phủ Quốc Vụ Khanh, ông Đồng Lý văn phòng Bộ TT., ông giám Đốc Nha Báo Chí và nhiều quan khách.

Đã có 15 bạn nhà văn trúng giải.

Hà-Tiên xuân sắc
Hà-Tiên thu hứng
Hà-Tiên danh bút
Hà-Tiên danh hoa

Tất cả những thi vị ấy của Hà-Tiên đã được ghi lại rất đậm đà trong cuốn Tùỳ Bút :

Dưới mái trắng non

với một bài hình văn Rầy của Thi-Si NGUYỄN-BÍNH

● Báo Chí

● Nghiệp đoàn ký giả Việt Nam đã bầu lại ban quản trị niên khóa 1969-1970 và ký giả Thanh thương Hoàng báo Chính Luận đã đắc cử chức vụ Chủ tịch, Thái dương báo Cấp Tiến đệ Nhất Phó Chủ tịch, Trần

quân báo Thời Thế, đệ Nhị Phó Chủ Tịch, Hồng Dương báo Tiền Tuyến, Tổng thư ký, Vương hữu Đốc Quyết Tiến, phó Tổng thư ký, Vũ văn Thái, Tổng thư quỹ, cô Bích Vân báo Thời Thế phó Tổng thư quỹ. Ngoài ra còn có hai ký giả văn Kha báo Tiếng Vang và Lê Thiệp báo Chính Luận làm kiểm soát viên.

Lại xin đơn độc :

Đảng Đoàn

10 bài thuyết trình về văn học — nghệ thuật văn chương — trong 10 lần lên diễn đàn của ĐÔNG-HỒ.

Đều do **Mặc-Lâm** xuất bản.

YIẾM YIẾM phát hành
72-D Trần-văn-Thạch — Tân Định — Saigon.

● Lần đầu tiên ở Saigon có một Hội mới được khai sinh. Đó là Hội Tổng Thư Ký Nhật Báo V.N.

Thành phần ban Chấp Hành lâm thời gồm có. Chủ tịch : ông Trần Nhã chủ bút Nhật Báo Saigon Post, Phó chủ tịch : ông Lê Xuyên Tổng thư ký : ông Ngô Tỵ, Tổng thư ký nhật báo Tiếng Vang. Phó tổng thư ký : ông Trịnh viết Thành, Tổng thư ký nhật báo Tiếng Vang Thủ quỹ : ông Giang Tân. To TTK. nhật báo Tin Sớm, Ủy Viên : ông Anh quân, TTK nhật báo Hòa Bình. ông Lê Hiền, TTK nhật báo Công Luận, ông Phan lạc Phúc, chủ bút nhật báo Tiền Tuyến.

Từ đêm khởi chiến

Truyện dài của **Lan Đình** Thê-Hiện xuất bản, Saigon. Một quyển truyện bên lề Lịch sử cận đại, rất nên xem.

● Điện Ảnh

Liên ảnh Công Ty đã ký hợp đồng với nhà Điện Ảnh Bộ Thông Tin để cùng sản xuất phim chân Trời Tím. Theo hợp đồng này, nhà Điện Ảnh sẽ cho mượn

máy móc, dụng cụ, chuyên viên để hoàn thành cuốn phim, còn Liên Ảnh Công Ty thì bỏ tiền để chi phí vào việc mua truyện phim, dựng nội cảnh và di chuyển quay ngoại cảnh.

Ngoài ra Liên Ảnh Công Ty sẽ hợp tác với hãng phim Pháp Les Films de l'Olivier để quay một cuốn phim. Đại diện là Jean Lecluc, như đã quay các phim Transit à Saigon, Thiếu Phụ Nam Xương.

Cậu Chó

Tập truyện dài của Trần-đức-Lai, quyển 1. Tác-giả là nô ký-giả có tên tuổi, đã viết nhiều trong các báo hàng ngày.

Nhà xuất bản Cửu-Long Saigon, 1969.

● xuất Bản

● Hội Văn nghệ sĩ quân Đội mới cho ra mắt tuyển tập Thơ Chiến đấu : **Việt Nam quê Hương Ta** của **31 nhà thơ Quân đội**.

Trong tháng này, Hội VNS QĐ cũng sẽ xuất bản tuyển tập Bút ký và truyện ngắn **Lửa Chiến Trường** của **20 nhà văn quân đội**.

Khuyh-hương Thi-Ca Tiền-chiến

Nguyễn-tấn-Long và Phan-Canh sưu tầm và biên-soạn.

«Một biên-cổ văn-học Thế-hệ 1932-1945».

- Đi tìm khuyh-hương Thi-ca
- Vài ý kiến trong việc nghiên-cứu Văn-học.
- Biên-chuyện lịch-sử của Văn-học V.N.
- Diễn-biến của Thi-ca V.N. 1932-1945.
- Bản chất của biên-cổ thi-ca.
- Khuyh-hương thi-ci.

Dày 575 trang. Nhà X.B Sóng-Mới — 30B Phạm-ngũ-Lão, Saigon.

● Nhà xuất bản Tở Hợp

Giáo đã cho phát hành 2 cuốn : *TH.Trâm* của nhà văn Thảo Trương và *Vực nước Mắt* của nữ sĩ Nguyễn thị Hoàng.

Vực xoáy

«Truyện dị-thường» do Bàng-Bá-Lân tuyển dịch, của các tác-giả Edgar Poe, Jean Ray, Claude Segnolle, Will Jenkins, Guy de Maupassant, M. James.

Cơ-sở xuất bản Ánh-Sáng, Saigon.

● Nhà xuất bản Trường Sơn sau khi góp mặt với cuốn *Hương Máu* của Nguyễn văn Xuân, đã cho phát hành *Tuyển Tập Mùa Thu*, một tập truyện chọn lọc của Tám nhà văn hiện đại.

● Nhà văn Lê Xuyên cho hay tập truyện ngắn đầu tiên của anh đang lên khuôn với tiêu đề *Vũng Cá cuối giờ hưu chiến*.

● Nhà văn Nguyễn đức Nam, trong thời gian đóng đô tại Đà Lạt

đã «thai-nghén» được bản nhạc *Dáng Ai Bên Hồ*, và bản nhạc này đã góp mặt với «các bạn» rồi !

● Nhà văn Nguyễn Hoàng Đoàn sau khi xuất bản cuốn *Yêu Cường Sống Vội*, và *Những Phu nhân góa Chồng*, hiện nay đang cho in cuốn *trái bìa* *Lính Mỹ Ái tình và Gái Việt*. Cuốn này ghi lại 50 bức thư của Lính Mỹ gửi vô cho gia đình, những chưa kịp thì đã bỏ mình trên chiến trường Việt Nam. Chúng ta hãy chờ xem, những bức thư lâm ly và ướt át, qua «tài dịch» của nhà văn N.H. Đoàn.

Gàn bút sách

«Mở miệng nói ra gàn bút sách»

của Đờ-Gàn (Bút hiệu của Bàng-Bá-Lân) «Cảm nghĩ của một người gàn về thời-cuộc và thế-thái nhân tình từ Tết Mậu-Thân đến Xuân Kỷ-Dậu»

Cơ-sở xuất bản Tiến-Bộ Saigon

Sinh Hoạt sân khấu

● *Hề Thanh Việt*. một cây còi của sân khấu Dạ Lý Hương đã vắng mặt trong khi đoàn này trình diễn. Hồi ra mới hay, anh bị phạt 30 ngày quản kỷ vì anh là quân nhân phục vụ trong cuộc chiến tranh chính trị đã vắng mặt trong một chuyến công tác của đơn vị.

Nhà văn quân đội Dương hùng Cường tác giả cuốn *Lính Thành phố* và cũng là *Dê Húc Càn của Con Ông* trong mục *Cả Kê Đà Ngỗng* cũng bị phạt nửa tháng trọng cấm vì đã «nói lá» trong bài giới thiệu cuốn còi «*Cắm Đèn Bà*» của

Đặng Trần Huân. Nói lá trong văn chương là chuyện thường nhưng vì DHC đã «chạm» phải cấp trên trong câu chuyện nói lá nên... phải chịu tội vậy !

Người Việt gốc Miên

của Lê-Hư-vng.

Sưu tầm tài liệu nguồn gốc, dân số, sinh hoạt, xã hội, phong tục, tôn giáo, văn hóa, kinh tế, lịch sử, v.v. của đồng bào Việt gốc Miên.

Không đề nhà xuất bản (Saigon)

Sinh hoạt văn-nghệ ở Long-Xuyên

Thức Tỉnh Văn Đoàn, 141/5 Nguyễn-thái-Học, Long-Xuyên.

● *Xuất Xứ* : Thức Tỉnh Văn Đoàn chính thức được thành lập ngày 22-8-1967, tại Chợ mới (An-Giang), với sự thảo luận của Thiên-Thư, Tam-nhân, Như-Hà, Ngọc-Hồ và Linh-Nhân. Đang hoạt-động mạnh.

● *Biểu hiệu* : Cây lúa

● *Tôn chỉ* : Cải thiện xã hội (Lấy Dân Tộc làm đối tượng ;

Chân Thiện Mỹ làm tiêu chuẩn)

● *Đoàn viên* : Qui tụ một số những người làm văn nghệ cùng lý tưởng.

● *Chương trình* : Vừa tạo thêm phương-tiện vừa hoạt động trường kỳ.

Trước tác, dịch thuật nghiên-cứu, phê bình... đủ các bộ môn

Sinh hoạt văn nghệ Tây-Ninh

Có thể vì ảnh hưởng phong trào xuấ bản lên ở thủ đô. Khoảng một năm nay bỗng dưng có nhiều tác phẩm xuất hiện ở Tây-Ninh. Bắt đầu là tập thơ *Mưa phôi*, thi phẩm đầu tay của Yên Giang: được phát hành vào mùa xuân 1969.

Kể đến là tập đoàn văn *Cơn Lốc* của Như Uyên, một nhà văn trẻ, những năm trước đã hoạt động rất mạnh trên các tờ đặc san và nội san ở Tây-Ninh, với giọng văn rất mới, gọn, sáng, thích hợp với tuổi trẻ. Hiện nay Như Uyên là giáo sư trường Trung học Lê văn Trung (Tây

ninh) như Hòa, Nhạc, Kịch, Thơ, Tiểu-thuyết. Dùng lối văn «bình dị» dễ dễ được phổ cập trong đại đa số Dân chúng. Xuất bản sách, báo. Tổ chức những giải thưởng, những buổi nói chuyện văn nghệ Khuyến khích và bảo trợ những hoạt động văn hóa xã hội...

THIỆN-THU

Ninh).

Ngoài ra còn vài tác phẩm khác của những cây bút trẻ. Đa số bạn trẻ này là học sinh trung học, họ thường thành lập các bút nhóm, các thi văn đoàn và gửi bài đăng trên báo ở Sài Gòn.

CUNG-VI-LAN

giáo sư Trung Học Lê-văn Trung (Tây Ninh)



Loại sách Nhi đồng

Tuổi Thơ

của nhà sách KHAI-TRÍ.

TƯƠNG lai nước Việt-Nam sau này hay hay dở đều do sự giáo dục hện tại của lứa thiếu nhi mầm non của đất nước.

Chúng ta, cũng như hầu hết các phụ huynh học sinh, từ lâu hằng ao ước có một tủ sách giáo dục lành mạnh dành cho con em, để tránh cho các trẻ khỏi phải đọc loại sách nhảm nhí hiện đang tràn ngập trên thị trường sách báo.

Chúng ta đã từng xót xa đau đớn nhìn thấy đám trẻ thơ ngây say mê đọc loại sách trình thám và kiếm hiệp rở tiền, loại sách khêu dâm và quái đản, những thứ sách đầu độc trí óc non nớt của con em chúng ta.

Đề góp phần nào vào sự giáo dục trẻ em. Nhà sách Khai Trí

cộng tác với một số nhà văn nhà giáo tha thiết đến tương lai con em, cho xuất bản loại sách nhi đồng *TUỔI THƠ*, một loại sách giải trí lành mạnh viết đúng chính tả, văn phạm, ấn loát rõ ràng, giá bán phổ thông đáng được hãnh diện trưng bày trong mọi tủ sách gia đình.

Chúng tôi hy vọng loại sách nhi đồng *TUỔI THƠ* sẽ giúp ích cho các em và là món ăn tinh thần cần thiết của thiếu nhi Việt-Nam.



Tìm việc

«Sinh viên Kỹ Sư năm thứ tư, có bằng Cử nhân Khoa học, muốn kèm học sinh từ Terminale (série c) hoặc Đệ nhất (A,B trở xuống».

Xin liên lạc với Ông Viện, số 387 Pháo đài Phùng (Đ. T 92710)

Mình đi l...



★ DIỆU-HUYỀN

MẬP



Làm sao cho

ốm

?

— SAO cô Tám Hột Vịt-Lộn dạo này mập thế hả mình? Mỗi ngày cô ấy cứ mỗi mập thêm ra! Mới hăm mấy tuổi mà 58 kí, quá xá cỡ!

— Chắc tại cô ăn hột-vịt lộn nhiều quá, chờ gì!

Bà Tú cười:

— Cô nói với em là hai năm nay cô không rờ đến một miếng thịt, một con cá. Cô ăn, chay trường, cô uống đủ các thứ thuốc theo lời nhiều người mách bảo cho ốm bớt. Nhưng không hiệu nghiệm gì hết. Cô cứ lên

MÌNH ƠI

kí-lô vùn.vụt. Cô hỏi em có cách nào bày cho cô làm ốm bớt được không?

— Em hỏi cô muốn làm ốm bớt để chi vậy? Ở đời có kẻ ốm người mập chớ.

— Đàn ông mập không sao, đàn bà mập coi kỳ thấy mồ! Mình phải biết con gái đàn bà tụi em ai cũng muốn cái «co» cho đẹp. «mà cái «co» đẹp thì phải có «eo» chớ hông có «eo», thân hình suông đuộc như cái cối xay cùn coi sao được. Dạo này đàn bà con gái trong xóm kêu cô là «cô Tám mập», bọn đàn ông con trai thì kêu «cô Tám Ủ», bọn con nít thì kêu «cô Tám Bự.» Cô mắc cỡ, có khi nhịn đói và thức đêm luôn 3,4 ngày liên tiếp, để cho ốm lại.

— Rồi cô có ốm lại không?

— Không, cô mới lo chớ.

Chắc đó cũng là cái bệnh, phải hông Minh?

— Phải, và không phải. Nhiều người đàn bà hay đàn ông mập, là tại cái xương hông của họ rộng, như là đàn bà. Thí dụ, hai cô con gái cùng tuổi, cùng bề cao, mà cô A cân nặng hơn cô B 5 kí chẳng hạn, chỉ vì cái xương hông của cô A rộng hơn của cô B chừng 2 phân, (2 centimètres). Cái mập của cô A, trong trường hợp đó, là do cơ-thể thiên nhiên nẩy nở hơn, chớ không phải là một chứng bệnh. Nếu cô A dùng các biện pháp để làm thân mình cho ốm bớt, chớ sự cân, đó là cô tự làm hại thân thể cô. Điều đó rất nguy hiểm. Cô sẽ đau ốm hoài, và trở nên con người bệnh hoạn.

Gái thấp, nhỏ, lùn, nhưng có xương hông, xương vai rộng, hoặc xương sống nở nang, thì họ mập tự-nhiên.

Hoặc mập ngay từ thuở bé, hoặc lớn lên đến một tuổi nào đó thì bắt đầu họ mập. Trường hợp cô Tám Hột Vịt Lộn, có thể cô có hai xương hông rộng, nhưng từ thuở nhỏ đến 20 tuổi cô vẫn chưa mập. Nay bề cao của cô cao hơn, hợp với một tuổi cao hơn, quân bình với bề rộng của xương hông nảy nở lên, thì tự nhiên cô bắt đầu để cho tụi con trai trong xóm tặng cô danh từ «cô Tám Ủ» Điều cô không có chi lạ cả. Nhưng thả làm «cô Tám Ủ», hay «cô Tam Đự» mà cô vẫn được khỏe mạnh, (đó là sức khỏe bẩm sinh của cô) hơn là cô dùng các thứ thuốc không thích hợp, hoặc cô nhịn đói, thức đêm, tự hành hạ cái thân xác để trở thành «cô Tám đét» «cô Tám cá mòi» thì cô sẽ đau yếu bệnh hoạn. Cứ như bây giờ cô sẽ mãi mãi là một hột-vịt-lộn béo bở ngon lành có phải hơn không!

— Nhiều người cho rằng tại ăn nhiều nên mập. Hồi em học Gia-long, trong lớp em có con Hoa, tụi em đặt cho nó biệt danh là «Hoa-Bầu» tại vì nó tròn-quay như trái bầu. Cô giáo bảo : «Hại Hoa ăn nhiều, nên Hoa mập như trái bầu vậy đó.»

— Cô giáo của em nói đùa đấy, Sự thật không đúng hẳn thế. Nhiều người gầy và cao, lại ăn nhiều, ăn thật nhiều, ăn suốt ngày, nhưng không bao giờ mập. Trái lại, người mập thường ăn ít mà vẫn mập.

— Thế thì mập không phải là một chứng bệnh sao. Minh?

— Có chứ. Nhiều cô gái lúc còn bé vẫn bình thường, bỗng trở nên mập từ tuổi dậy-thì. Có nhiều cô lúc có chồng thì còn bình thường, nhưng sau khi sinh nở lại tự nhiên mập. Sự thay đổi đó cũng có thể do những biến chứng liên quan đến các kích-thích-lở của t ăn

kinh hệ và của cơ quan sinh dục. Đó cũng có thể gọi là một triệu chứng bệnh, nhưng là một căn bệnh có thể chữa được. Trong trường hợp trên đây, muốn tìm hiểu rõ nguyên nhân, Bác sĩ J. Trémolières, giám đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Vệ Sinh Quốc gia Pháp, có so sánh những hạng người mập đó với những con lạc đà ở các Sa-mạc, hay những con cừu ở xứ Ba-lư. Những loại vật này có thể sống hàng mấy tháng không cần ăn, vì chúng có đồ tích trữ trong cơ thể. Nhiều loài vật ở vùng Băng-dương cũng vậy, chúng ăn 6 tháng trong mùa ấm, và 6 tháng trong mùa băng đá không cần ăn nhưng vẫn sống bình thường với số mỡ tích-trữ trong cơ thể. Con người cũng thế. Khi chúng ta ăn, không khải tất cả đồ ăn trong bữa cơm đó là trực tiếp nuôi cơ thể chúng ta ngay trong lúc ăn, hoặc

trước bữa ăn kế tiếp. Không. Chỉ 1 phần 6 các đồ ăn đó là sản xuất liền một số lượng Calories cần thiết, còn 5 phần 6 là các chất mỡ và các sinh tố dự trữ trong tế bào đa-thịt. Thí dụ ta ăn cơm trưa nay. Những món ăn bữa trưa đem vào chất *glycogène* để tích trữ trong Gan, các chất mỡ tích trữ trong các tế-bào dự trữ mỡ, (*tissus adipeux*), và thêm các *Pot-éines* trong hệ thống Gan. Nhưng chỉ một số lượng nào đó của các chất dinh-giam là được đem ra tiêu-thu, giải-tỏa cho khắp cơ thể để cho chúng ta đủ sống lành mạnh được 24 tiếng hồ trên 24, nghĩa là một ngày một đêm. Trong thời gian đó chúng ta ăn ngày 3 bữa (sáng, trưa, tối), chưa kể những lúc ăn vặt trong ngày. Cũng tỷ như 3 bữa ăn trong ngày đem vào bao-tử ta một số vốn-liếng 10 phần 10 được chọn lọc và tích trữ trong Gan và trong

các tế-bào mỡ, nhưng chỉ có 5 hoặc 6 phần 10 là được phân phối cho khắp cơ-thể, đầy đủ cho ta sống khỏe mạnh trong 24 tiếng đồng hồ. Còn 4, 5 Phần 10 được dự-trữ trong Gan và trong tế-bào mỡ. Hiện-tượng dự-trữ và phân phối đó, ngày nay y-học gọi là «hệ-thống Gan-mỡ» (Système hépatô-adip-eux). Hệ-thống đó hoạt-động đều-đều, giữ được thăng-bằng thường-xuyên của cơ-thể con người.

Nếu sự thăng-bằng của hệ-thống Gan-mỡ bị mất đi, con người sẽ béo ù ra.

— Tại sao vậy, Minh ?

— Tại vì hệ-thống Gan-mỡ chưa đựng quá nhiều, mà phân-phối quá ít, sự thăng-dư số mỡ đó làm cho con người béo ra.

— Nếu em hiểu không lầm, thì, thí-dụ cũng như làm nghề hối tiền vô nhiều quá, mà xài ra hà-tiện từng cắc, từ xu, thì lâu ngày trở nên

mang cái «bình» trọc-phú vậy, phải không ?

— Ừ, đúng thế. Béo, tức là «trọc phú» mỡ. Số mỡ dự-trữ quá nhiều đó chẳng ích gì cho cơ thể. Trai lại nó gây ra thường xuyên một áp-lực nội bộ trong cơ thể, do đó sinh ra nhiều biến chứng.

— Nhưng người mập, thì các cơ quan trong thân thể cũng nảy nở to lớn chớ ?

— Không. Thí dụ người mập cũng giống như cái nem Thủ Đức. Bề ngoài, coi cái gói nem to, mập mập, nhưng lột lớp lá chuối ra, chỉ còn có một tý nem ! Những người mập,

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

chỉ có mập ở lớp mỡ bọc ngoài, lột hết mỡ ra thì mới thấy xương và các bắp thịt của họ rất nhỏ. Nên nhớ rằng : Khối mỡ của người mập, chiếm hết 5 phần 100 của trọng lực. Người mập cân nặng 60 kí, mỡ chiếm hết 30 kí. Vì thế hoạt động chậm chạp hơn, yếu hơn, không dẻo dai bằng người bình thường.

Một thí nghiệm nho nhỏ, là bảo họ dơ cánh tay lên, thì họ hành động uể oải hơn tụi mình, và họ phải phí nhiều nhiệt lượng hơn (calories) Em đề ý xem : người mập không thích động mà thích tĩnh, giống như ông Phật Di-Lặc bụng bự chỉ đưa rún ra ngồi cười, để cho lũ trẻ con leo lên vai, lên vế.

Người mập ăn ít, nhưng hay ăn vặt suốt ngày, vì mỗi lần ăn theo thường lệ, sẽ mất nhiệt lượng căn bản 30 phần 100 nhiệt lượng mà cái «kho» mỡ dự trữ

của họ cần thiết đến để duy trì thăng bằng.

— Y-học ngày nay có cho một phương pháp ăn uống như thế nào để con người bớt mập được không, Minh ?

— Có chớ. Trung-tâm Nghiên-cứu Phép Kiêng-Ăn (Centre de Diétique) ở Bệnh-viện Bichat của Pháp có phổ-biến một thực đơn kiểu mẫu có thể làm sụt bớt 200 gờ-ram mỡ mỗi ngày như sau đây :

Ăn lót lòng buổi sáng :

A) cà-phê đen không bỏ đường.

Hoặc trà hơi đậm.

Hoặc : b) 100 đến 150 phân-khối (cm 3) sữa hoặc 1 lỵ yaourt không bỏ đường.

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHỨC, CẢM CỨM

Hoặc sữa bột 15 gờ-ram.

Hoặc: c) 150 gờ-ram trái cây (kiêng ăn chuối bất cứ chuối gì)

Bữa ăn trưa :

1) Cơm ít thôi (1 chén cơm và nửa ổ bánh mì)

2) 100 gờ-ram Cá nấu canh hoặc 200 gờ-ram thịt bò rô-ti,

Kiêng : Thịt heo.

Cá chiên.

Các loại sốt (Sauce)

3) Các loại rau : Xà-lát, cà chua, búp su, cải bẹ xanh, cà-rốt, ạc-ti-sô, đậu nành, đậu haricot vert, v.v... có thể trộn dấm và dầu ăn.

Kiêng : Khoai tây (pom-me de terre khoai lang :

: các loại bột làm bánh.

4) trái cây, 150 gờ rau Fromage. Kiêng : Chuối.

Buổi ăn tối :

Thay đổi theo thực đơn bữa trưa. Có thể mỗi tuần 2 lần : 1 trứng gà thay thế thịt bò.

Nên cân mỗi tuần. Nếu không sụt cân nhiều, thì ăn ít thịt bò, thêm các thứ rau.

Điều chú ý đặc biệt : Những người cần hoạt động bằng ngày không nên ăn chay trường, bỏ hết protéine sinh vật. Phải ăn thịt bò (200 đến 250 gờ-ram) và cá (100 gờ-ram) mỗi ngày để tiếp tế đủ số lượng 50 gờ-ram protéines thuần túy, cần-thiết cho sự điều hòa cơ thể và tinh thần.

(Kỳ sau tiếp)

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN



CON BẠCH NGÀ

□ TÍN-KHANH

BACH là Trắng. Nga là Ngỗng. Bạch Nga là ngỗng Trắng. Nhưng nếu chỉ «cầm» Bạch nga là còn ngỗng màu trắng, tưởng quá tội nghiệp nó. Vì so với ngỗng, nó khác một trời một vực. Mình nó thanh cảnh hơn, cổ dài với nét cong uyển chuyển dịu dàng, không thô lỗ cộc cằn như chú ngỗng khi đưa thẳng đầu ra trước, đuôi đánh kẻ thù.

Ngỗng nung na núng nính thiếu-phụ thuyền rờ đong con, còn Bạch nga thung dung chững chạc, khi bơi trên mặt hồ, cổ vươn lên

trông hùng dũng hiên ngang như chiến thuyền của quân viễn chinh Viking thời xa xưa.

Tiếng hát bạch nga dịu dàng ngân nga đủ giọng, và vào lúc lâm chung, lời tuyệt mệnh của nó là cả một chuỗi tiếng rên than vô cùng náo nùng bi đát. Điệu nhạc bi oán buồn tênh ấy đã được biểu hiện trong «Tiếng hát Bạch nga» (Le chant du cygne), một đề tài rất quen thuộc của các thi sĩ Tây-phương.

Từ cổ kim, Bạch nga tượng trưng cho mỹ miều duyên dáng. Người Trung

quốc gọi nó là Thiên-nga (Ngỗng trời) không phải vì nó có cái đẹp của con cò trắng nhẹ nhàng lướt ngang trong bầu trời xanh biếc, mà là cái xinh đẹp thiên nhiên không sao so sánh được. Cũng vì dưới trần không có gì sánh kịp mà người Tàu phong nó lên làm con vật của thiên đình, là nơi mà vạn vật đều tuyệt mỹ.



● Bạch nga tượng trưng cho thi ca thuần túy

Trong thần thoại Hy-lạp, La-mã xưa, Bạch nga tiêu biểu cho Thần nghệ-thuật Apollon vì giọng hát du dương, và cho Nữ thần Vệ-Nữ vì màu lông trắng như tuyết-phủ. Jupiter, chúa tể các vị thần, khi bị Đại-bàng rượt bắt đã hóa ra Bạch Nga để được nằm gọn trong

đôi cánh tay nàng Leda, vợ của Tyndale, mà ông yêu tha thiết.

Các thi-sĩ được hậu thế say mê thưởng thức văn chương, được coi như con Bạch-nga của nơi sinh ra họ :

Virgile, Thi-sĩ La-tinh, ra đời cách đây 2000 năm mà lời thơ trong sáng, câu thơ tinh vi, ý thơ mệnh mông, nhạc thơ du dương êm ái, đến nay thiên hạ vẫn còn ca ngợi, đã được gọi là Con Bạch Nga Xứ Mantoue.

Nhà văn trứ danh Pháp, Fénelon, cách đây non 4 thế kỷ, không bao giờ làm thơ nhưng câu văn đầy cảm khái, êm đẹp, trong suốt, ý văn dồi dào, lời văn bóng bẩy mà mạnh mẽ, được xem là con Bạch Nga xứ Cambrai.

Và xa xưa hơn nữa, Thi-sĩ Hy-lạp Pindare, cách nay trên 24 thế kỷ nổi danh về lối dụng ngữ táo bạo và lời

ngân lên nhạc điệu, ý thơ thanh cao thuần túy đã được gọi là con Bạch-Nga xứ Dircé. Lối gọi này ý-nghĩa này cũng như trước ta, gọi Anh hùng Thám là con Hùm Yên. Thế vậy.

Nhà thơ Sully Prud, comme đã lấy Bạch Nga làm một đề tài vô cùng phong phú trong một thi phẩm nổi danh cả thế kỷ này.

Mùa thu 1936, tại Hà Nội nhóm Nguyễn-Vỹ-Trương-Tứ (xin nhớ cho : nói đến Bạch-Nga là phải nói đến Nguyễn-Vỹ chứ không phải quảng cáo cho anh Vỹ đâu nhé) đứng ra thành lập TAO-ĐÀN BẠCH-NGA, lấy con Bạch Nga làm tượng trưng cho một trường thơ có tính chất và nghệ thuật thuần túy, tinh khiết, như màu trắng con Bạch Nga

● Tinh yêu và bốn phận không kém gì người

Chuyện Bạch-Nga, mê ly quyến rũ thế, không phải vì được quá thi vị hóa như có người lầm tưởng. Thật ra, tính tình nó tuy có «ba gai», khoái chuyện sân si và dữ tợn nữa (chỉ sơ sơ thôi), nhưng về tình chung thủy, thế gian chưa chắc có con vật nào sánh kịp.

Từ thuở mới biết yêu, anh chị Bạch-Nga kết-nghĩa nhau, gây dựng tổ ấm, mỗi tình keo sơn gắn bó, đôi bạn suốt đời sống chết bên nhau mặc dù bên ngoài dập diu ong bướm. Chẳng nổi danh là một tay chịu vợ, quyến luyến bên cạnh nàng, thỉnh thoảng đương cổ hay đầu xoa nhẹ vào mình nàng, họa theo những cử chỉ âu yếm bằng mấy tiếng ân tình du dương. Tình yêu nồng cũng mặn nồng đắm thắm không kém. Nhưng gặp lúc bụng mang dạ chửa hay đang ấp bầy con, lắm lúc nàng lại cảm thấy bức bối mà

gạt chàng đi, không quên tiếp theo dõi lời quát tháo gay gắt. Tấn kịch bắt hòa gia đình lại diễn ra... Năm ba cái đập cách vào nhau tung tóe cả nước, mấy «củ» mỗ nhau, rồi đầu lại vào đó khi một trong hai người thắm mệt tỏ vẻ nhượng-nghìn.

Đến ngày lót ồ, chàng tích cực khác thường, lo chạy ngược chạy xuôi, mặc dù đó là công việc riêng của nàng. Kiển trúc ra sao, cần dùng vật liệu gì, địa điểm ở đâu, nhất nhất đều do nàng quyết định cả. Thế rồi đến ngày ấp trứng. Lần nữa chàng lại quần quít bên vợ không một phút lơ lửng. Đến bữa ăn, chàng lo chạy món ăn, mang về cho vợ, đầy tận miệng nàng, và đề bữa ăn thêm ý-vị, cho nàng thêm ngon miệng, chàng lại biểu diễn mấy đường lả lướt trước mặt vợ, tuy quá quen thuộc nhưng cũng giúp vui cho nàng trong chốc lát.

Lơ cho vợ đẻ, vợ ấp rồi tiếp đến nuôi con, dạy dỗ bảo vệ chúng, trách nhiệm coi chừng nặng nề lắm. Ma con Bạch-ngà đâu có phải như con thiêu hạ? Chúng là những đứa nghịch ngợm như quỷ sứ. Cứ khi nào hết trò chơi, hay bơi lội mãi cũng mỏi, hoặc sợ sệt một vật gì, chúng liền rủ nhau nhảy lên lưng bố mẹ ngồi chơi... Sở con ngã, vợ chồng Bạch Nga lại đứng đứng đôi cánh lên che chở cho con và để chúng có chỗ dựa.

Cực nhọc hy sinh nhiều nhưng chàng đâu có ngán, miễn sao gia đình hạnh phúc, con chóng khôn lớn. Rồi một năm trời qua, hồng một hôm, cảnh vắng vẻ tiêu điều bao phủ gia đình Bạch nga, bấy con khôn lớn, bỏ nhà ra đi, quên cả ơn dưỡng dục sinh thành, chạy theo tiếng gọi tình yêu để rồi cũng như cha, chịu cảnh «thê lương

tử phục» kéo dài số kiếp cha mẹ chúng đã qua.



● Bạch-ngà tuyệt chủng chẳng?

Bạch nga cũng có thể nuôi như ngỗng tuy bản chất nó tự do hơn, và không đem lợi ích gì cho người nuôi như con ngỗng.

Từ thời Trung cổ ở Pháp, nuôi Bạch-ngà là một thú tiêu khiển rất tốn kém và chỉ dành riêng cho các hạng giàu sang thế lực. Các lâu đài các lãnh chúa đều có hồ nuôi Bạch nga, như ở Trung Hoa, người ta nuôi cá lia thia vậy, một lối «chơi cảnh» hơn là vì mục đích chăn nuôi để ăn thịt. Thời ấy, ở các Đô thị Pháp, Đức v.v. đều nuôi Bạch nga, làm vật trang

điểm cho thành phố. Riêng tại Kinh đô Bê-Lê, nuôi rất nhiều, phần lớn tập trung trên đảo Maquerelle, một đảo nhỏ trên sông Seine nên đảo được mang tên là Đảo Bạch-ngà.

Ngày nay giống Bạch nga dường như thưa thớt dần. Ngoại trừ biệt-thự lớn, các vườn Bạch-thảo ở khắp nơi còn nuôi. Nhưng xem chừng giống Bạch nga «hoang» không còn bao nhiêu.

Tại đây, chen lẫn với Bạch nga còn có loại Hắc nga. (đen) gốc nước Úc hay một loại bạch-ngà khác, cổ đen, chính gốc từ Nam Mỹ. Tại Âu-châu hiện còn ba loại: Bạch nga biết hót, Bạch nga lùn, Bạch nga câm. Cả ba, lông đều trắng như tuyết, và hầu đều ở tận vùng bắc Tây-bá-lợi á. Từ tháng 10 qua tháng tư, chúng đưa nhau đi trú về hướng Nam, cho được ấm áp hơn.



Can đảm mà nhập cuộc
 Hăng hái bước đi hoang
 Buồn đau hay tủi nhục
 Không bao giờ khóc than
 Bao năm trường phiêu bạt
 Bao tuổi đời đặng cay
 Tâm hồn nghe rạo rạt
 Tình thương trĩu đôi vai
 Đường đời ai giới hạn ?
 Tình đời ai cách ngăn ?
 Nhiệt huyết không hề cạn
 Sao nghe lòng bấn khoản !

Ưu phiền đeo đuổi mãi
 Tiếng súng vẫn thét gào
 Tìm gan chừng tế tòi
 Đêm đêm trường đau đau
 Chiến tranh chưa chấm dứt
 Lòng vẫn còn buồn thiu
 Chưa nên lời uất ức
 Đã một trời quạnh hiu.



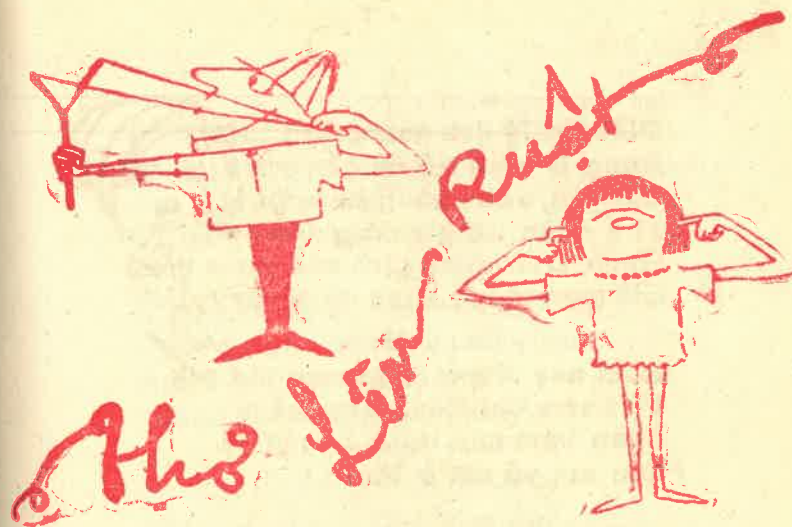
SUY TƯ

THIỆN-THU
 Thức Tỉnh Văn Đoàn
 (Long-Xuyên)

Hương yêu

Sóng buồn phủ kín sương mờ
 Bóng con thuyền nhỏ dật dờ cuối sông
 Ngồi đây nhớ lại chuyện lòng
 Để nghe trái đắng chất chồng lên cao
 Nụ hôn tha thiết năm nào
 Bây giờ còn những ghen ngào cho tới
 Người yêu đã cách ly rồi
 Hương Yêu còn thoảng ngậm ngùi nhớ ai ?

MẠC HOÀI-THU
 Thi-Văn-Đoàn **ĐA-ANH**
 (Tân-Châu)



1. —Quốc tịch PHI

Chàng, trai nước Việt mặt phong-phì,
 Có cô vợ Đằm đẹp mê-lý.
 Cặp kè nhau đến Tân-sơn-Nhứt,
 Sắp sửa lên đường qua Paris.
 Có vé máy bay hai người đi.
 Đem theo hành-trang hai va-li,
 Có đủ giấy tờ xem hợp lệ,
 Có pát-xờ-po chẳng g thiếu chi.
 Nhưng chàng người Việt rõ như ri,
 Sao pát-xờ-po quốc-tịch Phi ?
 Xem kỹ giấy tờ, xem căn cước,
 Cảnh sát phi trường đâm ra nghi,
 Giữ chàng ở lại, chưa cho đi,
 Mặc cô vợ Đằm nổi sân-sì.

Điều tra lý lịch anh chàng Việt,
Đúng là gian lận đổi tên Phi !
Cật vấn, anh chàng khóc hi hi,
Thủ nhận rằng chàng đẽch phải Phi.
Muốn trốn quân dịch nên mưu mẹo,
Giả mạo thông hành để thoát lý.

★

Hôm nay chàng Việt mạo tên Phi.
Vô khám Chí-Hòa, càng mê lý :
Ngàn năm một thuở, làm gì có
Con ma vú dài ở Paris !

2.—Điểm mặt Dân biểu

Điểm mặt mấy chú dân biểu.
Mấy con hình nộm đủ kiểu.
Mấy thằng người rơm phát phơ.
Mấy đứa bù nhìn khúc khịu.

★

Và mấy lâu-la chạy hiệu
Nhảy lên sân khấu cười diễu.
Vẽ mặt, đội mũ, mang hia,
Hò hét ê-a ngọng nghịu.

★

Một tên «học giả» bần thủ.
Kiến thức ba-hoa lão-lếu
Văn chương, chữ nghĩa iăng nhăng.
Tư tưởng, lập trường vá vếu.

★

Ứng cử Thượng viện rút phiếu,
Chạy chọt xin ghế dân biểu,
Hai năm làm được việc gì ?
Chỉ giỏi huynh hoang nói phịu !

★

Lợi dụng danh nghĩa dân biểu
«Mượn» tiền Quốc gia mấy triệu
Mua các máy móc Huê-kỳ
Thành đại tư bản mấy xiu !

★

Tự cho «nhân vật trọng yếu»
Bắt cần ngoại nhân đàm tiếu.
Xin đi «du thuyết» Paris
Du các «bọt đèn» bần thủ ! (1)

★

Đề cho bằng quan bêu riu
Đại diện quốc gia nhược tiểu
Đem tiền máu mớ của Dân
Qua Pháp ăn chơi tục tĩu !

★

Còn dám viết thư về biểu
Quốc Hội gửi gấp ngân phiếu
Qua Pháp cho hần tiếu xai,
Để làm «nhiệm vụ dân biểu»

★

Mấy tháng xin tiền, vô hiệu,
Lò-dò về nước, riu riu,
Hợp báo, tuyên bố, tuyên bung,
Loàn chuyện nói láo, nói lếu.

★

Nghe tin Cộng sản báo hiệu
Cụ Hồ-chí-Minh chết xui,
Hắn lại tuyên bố rùm beng
Sắp đi Hà-nội phúng điếu.

Rồi hẳn lại khóc máo-mếu,
Cụ Nguyễn-thế-Truyền chết nghỉu,
Hắn cũng nặng xị huênh hoang
«Ủy ban dân táng» hiệu triệu!

Nhưng thấy Đồng bào chán hiểu
Mánh lới mấy thằng chạy hiệu,
Hắn đành rút cổ cụp tai,
Như con chồn-đèn tiêu-nghỉu (2)

Cũng may, vào hạng tối thiểu
«Trí thức» dòi, bọ, bản thiểu,
«Học giả» vô hạnh, bất tài,
«Văn chương» cò ke, ngọng nghịu,
Thuộc loại cóc nhái miền Nam
Chớ phải con nai énảnh hiệu!

Diễn Huyên

- (1) Bọt-đèn, Bordel, nhà chứa điếm ở Pháp.
(2) Comme un renard qu'une poule aurait pris
(La Fontaine)
(Như con chồn đèn bị gà mái chụp bắt)

Mutterheim

Nhà nghỉ mát của các bà mẹ Đức.

★ Bà NGUYỄN-KHẮC-TIẾN-TÙNG
(Munich Tây Đức)

ĐỐI với người Âu-châu việc đi nghỉ hàng năm là một vấn đề quan trọng, không phải chỉ những giới thượng lưu, trung lưu mà hầu hết mọi người, dù ở hoàn cảnh nào họ cũng muốn đi nghỉ mỗi năm một lần. Thường mùa nghỉ là tháng 7 cho đến tháng 9. Đối với các bạn trẻ độc thân, sinh viên, việc đi nghỉ rất dễ dàng; họ có thể đi bất cứ lúc nào nếu có thì giờ, còn về phương tiện thì hoặc là đi xe hơi của chính họ, đi cùng với các bạn hoặc đi với văn phòng du lịch. Vấn đề tài chánh lại gặp ít trở ngại; thích phiếu lưu thì «ô-tô stop» khỏi trả tiền, hoặc đi chung với các bạn thì chỉ phải chia số tiền xăng phải mua, còn trường hợp đi với văn phòng

du lịch cũng có thể có nơi cho trả góp làm nhiều tháng.

Nơi nghỉ dưỡng riêng biệt:

Nhưng còn các bà mẹ thì sao? Hàng ngày họ bận rộn lo cho gia đình, dù là nghỉ thứ bảy, chủ nhật họ vẫn không được rảnh. Nếu đi nghỉ cả với gia đình, bà vẫn phải lo cho chồng và các con, tâm trí lúc nào cũng bận rộn sao gọi là nghỉ được? Trường hợp các bà mẹ sau một cơn ốm nặng, mệt tim, hoặc sau một lần giải phẫu bác sĩ khuyên nên nghỉ dưỡng một thời gian cho hồi sức thì các bà phải tính thế nào? Bên Âu-châu vấn đề người giúp việc gần như không có, mà con bà còn nhỏ, nếu

nghe dưỡng bệnh lại vẫn nằm ở nhà lo nội trợ gia đình thì vẫn không là nghỉ ngơi, mà mang con theo cùng cũng không thể được. Vì thế nên cơ quan xã hội Tin lành đã tổ chức những «Mutterheim» tiếng Đức có nghĩa là «nơi nghỉ mát của các Bà Mẹ».

Tổ chức tôn giáo này không được chính phủ dài thọ, tuy nhiên không phải vì thế mà những người hoàn cảnh thiếu thốn không đến đây nghỉ được. Những Bà Mẹ có giấy bác sĩ chứng nhận cần đi nghỉ thì hàng bảo hiểm sức khỏe sẽ phải trả khoản này (vì theo luật xã hội Đức người chồng đi làm phải bảo hiểm sức khỏe cho cả gia đình, nếu vợ con ốm đau hàng bảo hiểm sẽ trả hoàn toàn mọi phí khoản). Cho thời gian 4 tuần nghỉ phí tổn hết chừng 100 Dollars, tuy nhiên đối với những Bà mẹ nghèo vì 1 cơ nào đó không có bảo hiểm họ sẽ vẫn không phải trả một phí khoản nào. Lúc đó hoặc Sở Xã-hội nhận trả cho Mutterheim, hoặc chính Mutterheim sẽ dài thọ phí khoản này. Hàng năm

qua báo chí, vô tuyến truyền thanh, truyền hình, những cuộc lạc quyên vẫn được tổ chức để giúp các Mutterheim có phương tiện tồn tại và số tiền thu được không phải là nhỏ.

Các Mutterheim không phải chỉ như một trại hè mà có rất nhiều nơi trên khắp nước Đức, ở vùng cao nguyên, bờ, ở những nơi yên tĩnh và nhiều thắng cảnh. Tùy theo sự chọn lựa, các Bà Mẹ có thể đi nghỉ ở tỉnh nào theo ý Bà muốn, nhưng thường thì các Bà Mẹ chọn những nơi nào gần nhà Bà nhất để gia đình đi thăm cho tiện. Thường mỗi kỳ nghỉ như vừa kể kéo dài 4 tuần, và các Bà Mẹ phải ở đủ 4 tuần (vì sự thay đổi địa điểm và khí hậu phải ở nơi nào nhất định sau 3 tuần mới gọi là nghỉ ngơi), trừ trường hợp đặc biệt như gia đình có người đau ốm hoặc bất thường xảy ra mới được về sớm.

Cách tổ chức của Mutterheim

Đây là sơ lược về «Mutterheim» ở Hannenkle, vùng cao nguyên Herz, nơi có ngọn núi cao nhất

Đức mà trong Faust, thi hào Goethe đã tả. Mặt trước Mutterheim là đường đi, mặt sau là rừng thông xanh ngắt, nhưng không phải như vậy là sống đời cách biệt mà chỉ cần đi bộ khoảng 5 phút là đến phố chính của thị trấn. Mutterheim có thể nhận đến 60 Bà Mẹ và gồm 3 tầng có các phòng ăn phòng khách và phòng riêng cho các Bà Mẹ. Thường thì cứ 2 người ở chung với nhau, Bà Quản Lý sẽ liệu xếp đặt tùy theo tuổi tác các Bà Mẹ, hoặc là tùy theo các Bà Mẹ lựa chọn, những Bà Mẹ nào vì bị khó ngủ hoặc cần nghỉ ngơi nhiều hơn có thể ở riêng phòng theo lời yêu cầu của Bà. Mỗi phòng đều có 1 phòng tắm nhỏ riêng, chỗ rửa

mặt, giường tủ và bàn viết. 1 bà «Soeur» Tin-lành làm trưởng trại để săn sóc tinh thần các Bà Mẹ, 1 bà thư ký làm việc văn phòng, 1 bà quản lý tổ chức điều hành trại, 2 đầu bếp, phụ bếp và các người dọn dẹp phòng, lau quét mỗi ngày. Ngay khi mới đến, ngày đầu tiên các Bà Mẹ được 1 bác sĩ đến cân và khám sức khỏe. Nếu các Bà Mẹ nào bị huyết áp thấp được xếp vào một nhóm chữa bệnh riêng. Những Bà Mẹ nào sức khỏe kém được bác sĩ theo dõi suốt thời gian Bà nghỉ. Bà «soeur» trưởng trại vừa là y tá đề chích và cấp thuốc men khi các Bà Mẹ chóng mặt nhức đầu.

(Còn 1 kỳ nữa)

BERLIN-EST (Đông-Đức)

● Một nụ hôn làm xôn xao khán giả

Tên sân khấu rạp xi-nê lớn nhất ở Đông Đức, tài tử Nga-xô Alexi Gatalov đóng vai chính trong phim «Khi đàn có bay», được được nữ tài tử Ava Maria Hagen tặng một bó hoa. Tài tử Nga-xô, bắt đầu theo phong tục Âu Mỹ, khẽ cúi xuống hôn trên bàn tay của nàng. Toàn thể khán giả liền vỗ tay rầm rộ vui mừng ! Vui vì từ khi Đông Đức bị lệ thuộc Cộng sản đến nay, chưa bao giờ có ai dám hôn cả. Lần đầu tiên họ được thấy cái hôn công-khai trên sân khấu, họ vui mừng như... trúng số độc đắc ! Cho đến đổi một tờ báo Cộng-sản xuất-bản hôm đó cũng cảm động đăng bức hình chụp cái hôn ấy trên trang nhất, 3 cột bự !

BẠN ĐỌC GỬI VỀ TÒA SOẠN

• Mừng Phở-Thông năm thứ mười hai

Thập nhị chu niên, vẫn nhớ ngày,
Đôi vắn chuyết thảo kính theo đây :
Gọi là kỷ niệm, mừng giai phẩm
Mười mấy năm trời chẳng đổi thay.
Chi hướng xưa nay vẫn một đường,
Trọn tình non nước, vẹn tình thương.
Xây nền Văn-Hóa cho Dân Tộc,
Bao quản gian lao, ý quyết cường.
Một giải giang sơn nát vụn rồi,
Cùng chung dựng lại hỏi người ơi !
Vấn chương thức tỉnh đời sa đọa,
Đất nước thanh bình hẳn tới nơi.

Sài-Đỏ, Thu Kỷ-Dậu
TÔN NỮ HỖ-KHƯƠNG

• Mừng Thi-sĩ Nguyễn-Vỹ đã dày công dựng tạp chí Phở-Thông được 12 năm.

Mừng chúc Phở-Thông sống vững bền,
Giữa thời non nước chẳng hòa yên.
Văn chương xoa dịu niềm đau khổ,

Chính khí nổi lên cảnh đảo huyền.
Lưu tâm công trình đời nhắc mãi,
Dựng nền Văn sử thể vang truyền.
Gian lao chẳng nản tâm cương-quyết
Đạt nghĩa nhân trên cả bạc tiền !

MẠCH-QUẾ-HƯƠNG
Pharmacie TRÀ VINH (Vĩnh-Bình)

• Kính tặng Tạp-chí Phở-Thông

PHỞ-THÔNG tạp chí mười hai năm
Quảng bá văn chương, đạo lý thâm
Bút thép chẳng sờn con vũ bão
Lòng gang không quản lúc thăng trầm
Đập tan thành kiến phàm tục vọng-bôn
Xây dựng phong trào kẻ thiên tâm
Đúc kết tinh thần ngày vững chắc
Đề cao Văn-hóa rạng miền Nam.

PHAN-NHƯ-Ý
Hội-đồng Nhân-dân xã Phú-Nhuận
(Gia Định)

• Phật tử ở Paris

(của Luật-sư Dương, rue Vaneau, Paris 7è)

... Thầy Thiện-Châu rất mong tin ông, và có nhắn tôi thưa
lại với ông thầy cũng hứa cùng ông qua năm tới 1970 thầy mới viết
được bài về Phở-Thông, vì công việc Phật-sự của Người trên đất
Pháp hiện đang nhiều và tiến hành rất khả-quan. Tôi xin báo ông tin
mừng là cách đây vài tháng, một thanh niên Pháp, tên là Francois
Legros, mới xuất gia cửa Phật và có lẽ ít lâu nữa sẽ sang Việt-

Nam theo học giáo pháp. Giới Phật-Tử Việt-Nam tại Pháp cùng Phật-Tử các nước đang lo cất một ngôi chùa quốc-tế tại Ba-Le.

Thư ngắn, tình dài, hôm nay xin tạm dừng bút đây.

Kính chúc ông thường an lạc.

DƯƠNG-BẢO

(Paris)

● Mừng Phở Thông được 12 năm

(của nhóm độc giả sinh-viên ở Paris)

Độc báo Phở-Thông tự bấy nay
Từ còn Trung-học tuổi thơ ngây,
Thiên-tài, trẻ phục nên theo dấu,
Kiến-thức, Người cho được góp đầy !
Mến đức, học khôn trên đất Việt
Noi gương, vũ trụ chỉ dưới trời Tây
Mười.hai năm vẫn hằng say mãi,
Văn-Học miền Nam dễ mấy ai ?

Quartier-Latin,
17-10-69

Thúy-Liêu Trần-thị-Liêu

và một số bạn đọc Phở-Thông.
Sinh-viên ở Pháp.

● Long live Phở Thông

(của bạn Châu-Sa, California)

... Xem Phở-Thông mấy số vừa rồi, sức nhớ rằng Phở-Thông

đã được 12 năm ! Mau quá, bác nhỉ ! Mới hồi nào tụi cháu còn nghiền-ngẫm tờ Phở-Thông mỗi tháng 2 lần, ở gác trọ Tân-Định : «Phở-Thông 5 tuổi ! 6 tuổi !... 7 tuổi...!» Nay xin mừng Bác và Tập-chí Phở-Thông hai chữ : **Long live the Poet. Long live Phở-Thông !** Và bài thơ con Cóc sau đây. Hay dở gì, cũng xin Bác đăng vào số Phở-Thông kỷ-niệm 1-11. để tụi cháu giữ làm kỷ niệm về Bác : Trao về Thi-sĩ Nguyễn Vỹ tất cả những quý mến của tụi độc-giả tha phương, của Bác :

Phở Thông và N-V

Phở-Thông phổ-biến vượt trùng dương
Cò Phở-Thông là có Quê.Hương.
Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, nhớ thuộc lòng.
Văn Thơ, tư tưởng, ngạt-ngào hương.
Vùng lên, bút thép, cao lên vút !
Khói lửa sẽ tan trên chiến trường.
Súng đồng sẽ im, mờ xanh cỏ,
Chỉ còn Thơ Văn, với Tình Thương !
Thơ, văn, đi vào lòng Dân-tộc,
Hậu thù ra khỏi ngoài biên cương.
Trăm năm nữa tất cả sẽ quên hết
Thế hệ Hai-mươi cũng sẽ chết.
Nhưng Bác còn mãi trong Văn chương.
Còn mãi muôn Thế.hệ sau yêu thương.

Sinh-viên Châu-Sa
California (U-S-A.)

Phụ trương Pháp Anh ngữ

En marge d'une désagrégation

● par HUỲNH-KHẮC-DỤNG

L' on sait que les peuples d' Asie n' ont pas échappé à la règle universelle selon laquelle l' homme primitif est parvenu pas à pas à un certain degré de civilisation après avoir franchi plusieurs stades. C'est une vérité commune à tous les peuples.

Si les peuples d' Occident ont reçu leur part de civilisation de la Grèce et de Rome, ceux d' Asie, notamment le Việt-Nam, gardent, du point de vue civilisation et culture, la profonde empreinte de l' Empire du Milieu.

Les hasards de l' Histoire ont en effet jeté notre pays dans le sein de ce puissant colosse dont nous avons hérité une solide ossature de moralité et de mœurs confucéennes que les temps n' ont pu sérieusement ébranler jusqu' à la seconde moitié de ce siècle.

Il est toutefois pénible de constater les effets néfastes de la crise morale que traverse le Việt-Nam et qui risque de compromettre à jamais l' équilibre d' une civilisation millénaire essentiellement basée sur la morale et qui fit l' orgueil de nos pères.

A moins de mauvaise foi, il n' échappe à personne que certaines fêtes traditionnelles passent de nos Jours presque inaperçues, le Têt par exemple. Plus de fièvre à son approche, plus de confiance dans la pré-

EN MARGE D'UNE

sence des mânes. Le Têt est devenu une simple occasion de réjouissances comme n' importe quelle autre fête. Or, la présence des ancêtres n' est pas purement passive au sein de la famille vietnamienne pendant les Jours rituels. Elle est dans le coeur de chacun pu sque à chaque anniversaire et surtout vers le milieu de la dernière nuit de l' année (30e Jour du 12e mois lunaire) on brûle des pétards et des baguettes d' encens et fait force offrandes aux ancêtres qu' on accueille avec dévotion. Chacun se dit qu' ils sont là, réunis sur l' autel, assistant avec bonté aux réjouissances de leur descendance. Le 3e ou 7e jour du premier mois leurs esprits devant réintégrer le Ciel, on les reconduit avec les mêmes honneurs : crépitements de pétards, fumée d' encens et prosternements devant l' autel. Aujourd' hui, pour des raisons de sécurité, les pétards sont interdits. La nuit du « giao-thừa » où doit se dérouler la cérémonie d' accueil du nouveau, se passe en silence. Le Têt, occasion de réunion et de concorde familiales a lieu dans l' intimité sans apparat ni entrain. Il est vrai que l' ordre est souvent transgressé : à défaut de pétards, on tire des coups de feu et tue des gens chez eux. Mai, c' est plus pour braver Monsieur le Préfet que pour faire revivre un rite.

D' autres coutumes, cataloguées comme désuètes, sont supplantées par des caricatures d' un modernisme impropre à la spiritualité vietnamienne. Cette euphorie trompeuse des boîtes de nuit et des trottoirs « sigonnais » est moins signe d' insouciance que de perturbations.

Cette rapide désagrégation que d' aucuns imputent aux effets de la guerre, est à mon sens due à la démagogie des temps.

Le culte irraisonné de la matière et la course effrénée vers la satisfaction de besoins toujours croissants qu' elle engendre, ont pour corollaire le mépris des vieilles traditions basées sur l' esprit et sont par voie de conséquence autant de facteurs générateurs de décadence.

La guerre aidant, nul ne songe à y porter remède ; bien au con-

raire, tous, dirait-on, y contribuent à qui mieux mieux devant la psychose envahissante du déluge.

La famille, l'école, la politique font table rase des éléments de la trinité confucéenne constructive de la société orientale : le roi, le maître, le père (*quân, sư, phụ*). Et c'est pour cela qu'on assiste à ce triste renversement des rôles : le fils battant le père, l'élève raisonnant le maître, le citoyen sortant à sa façon le mot de Cambronne à l'adresse de l'autorité. Impunément, bien entendu.

Les enseignements confucéens ont bâti des vérités de tous les temps admises sous tous les tropiques. Mais à certains moments de l'histoire, la stupidité née de l'ignorance essaie d'en contrer l'influence séculaire sur la spiritualité vietnamienne. Il ne faut donc pas s'étonner de l'état actuel de confusion dans tous les domaines, lequel se manifeste à l'égal de l'état de décomposition du corps humain après la mort.

Dès que dans l'esprit et le cœur s'installent l'égoïsme et l'égoïsme, l'indiscipline prend corps et s'affirme si l'on n'y met le holà. Cette indiscipline naît dans la famille, grandit dans la rue, s'étend jusque dans les collectivités politiques et religieuses. Dans la famille l'autorité paternelle est absente ou inefficace ; dans la rue, celle de la force publique s'efface par veulerie ou laisser-aller. Le mot de l'insoumission est sur toutes les lèvres, prêt à jaillir ; appuyé par la politcaillerie, il gagne les bancs de l'école pour semer du chahut dans cette atmosphère jadis si neutre.

Humanité, justice, civilité, sagesse et loyauté, ces vertus cardinales de nos pères font figure d'objets de musée et quand par hasard on en parle, l'interlocuteur vous rit au nez. Un jeune crétin de notre faculté des lettres n'a-t-il pas demandé à occuper la chaire de son professeur de philosophie orientale ? Dans ce malheureux pays le

ridicule ne tue pas. La femme naguère retenue au foyer par ses devoirs en sort à présent. Elle a rejeté le « joug de la triple subordination » et revendique son droit à l'émancipation.

Les parents, tourmentés par leurs propres problèmes, se soucient peu de l'éducation de leurs enfants qui vivent pour ainsi dire à l'état sauvage et se tournent vers l'enseignement de la rue, combien plus attrayant que celui du maître. Le maître lui-même, atteint par cette gangrène d'immoralité sociale, subit la déconsidération, fâcheux contre-poids de son inconduite. Le prétoire est riche de cas d'instituteurs amateurs de fruit vert et fourrit un nombre monstrueux de jeunes délinquants que le régime du centre de Rééducation achève de pourrir plus qu'il ne corrige. Le mensonge et le vol organisés se complètent avec art et ignorent l'impudence.

Dans cette société hier encore pénétrée d'un système modérateur du bas désir, s'implante maintenant un individualisme exacerbé qui veut tout rompre pour s'évader de ce qu'on nomme la prison de la vieille morale.

Pour aller où ? Je vous le demande.

Vers le tourbillon de la nouvelle vie qui entraîne l'individu droit sur la pente du mal, à une allure vertigineuse ;

Jeunes qui me lisez, vous qui êtes les forces vives de la nation, où que vous soyez, ce problème nous appartient à vous comme à moi et non au monde, car le monde n'est que notre propre reflet. Pour comprendre le monde il faut nous comprendre d'abord. Ne parlez pas de révolution sociale si vous n'en avez qu'une vague idée et si votre moi est votre conseiller. Commencez par vous perfectionner en affrontant votre moi, faites taire votre égoïsme et vous serez un jour des prêcheurs efficaces, car si l'être y voit clair, il distinguera le bien du mal, le faux du vrai, sourd aux appels de la matière et trou-

vera la voie de la sagesse. C'est cette révolution radicale de l'être et elle seule, qui portera à notre société moribonde le remède salutaire.

Le danger est réel : il faut le parer sans délai.

La génération qui monte se repait de Kierkegaard Nietzsche, Heidegger et Sartre et patauge dans ce magma immonde de pensées mal assimilées.

L'existentialisme athée participe aux mystiques les plus basses de notre temps ; il importe de faire comprendre que suivant le mot de Gilson, la philosophie existentielle est la seule qui ne décrive pas un monde irrémédiablement coupé de celui de la religion et que toute existence non basée sur la métaphysique et qui ne recherche pas une indispensable vérité est nécessairement confuse et malheureuse.

Le Viêt-Nam est comparable à un vaisseau en marche. La houle ou des pilotes lui ont imprimé des écarts. Pour qu'il atteigne son port il lui faudrait un capitaine digne et capable, homme moral et vrai patriote, qui, en acceptant sa charge comme un sacerdoce, dirigerait les yeux des passagers trop remuants, car ces écarts du vaisseau, il apparaît à chacun, sous l'œil vigilant de ce capitaine, de les constamment redresser. Chacun, j'ose l'espérer, en fera son affaire s'il est pénétré du sens de la dignité humaine et de la honte qui résulte de l'absence de cette dignité.

Tuân lý HUỖNH KHẮC DUNG



Dalat university co ed's coffee shop

● BY NGUYỄN-THUỘT

Lê thi Thu, a third year co-ed of Dalat University, College of Business Administration, asked her parents for permission to open up a coffee shop at her house before going to Saigon for practice in August 1968.

At first, her father disapproved, saying «I thought you studied business administration in order to do something important, but you only want to open up a coffee shop ! I have serious doubts about you. But when he learnt that she only wanted to practice business together with some of her girlfriends, he half-heartedly approved. He did not, however, put out money, and warned her of closure if business was bad.

So, soon after returning to Saigon, Miss Thu and her colleagues started to set up «DALA Coffee Shop» at her family's house on Dao Duy Tu street, a small street in a crowded section of the 5th district. Dala is Dalat less T and in Hindi means a place where people congregate.

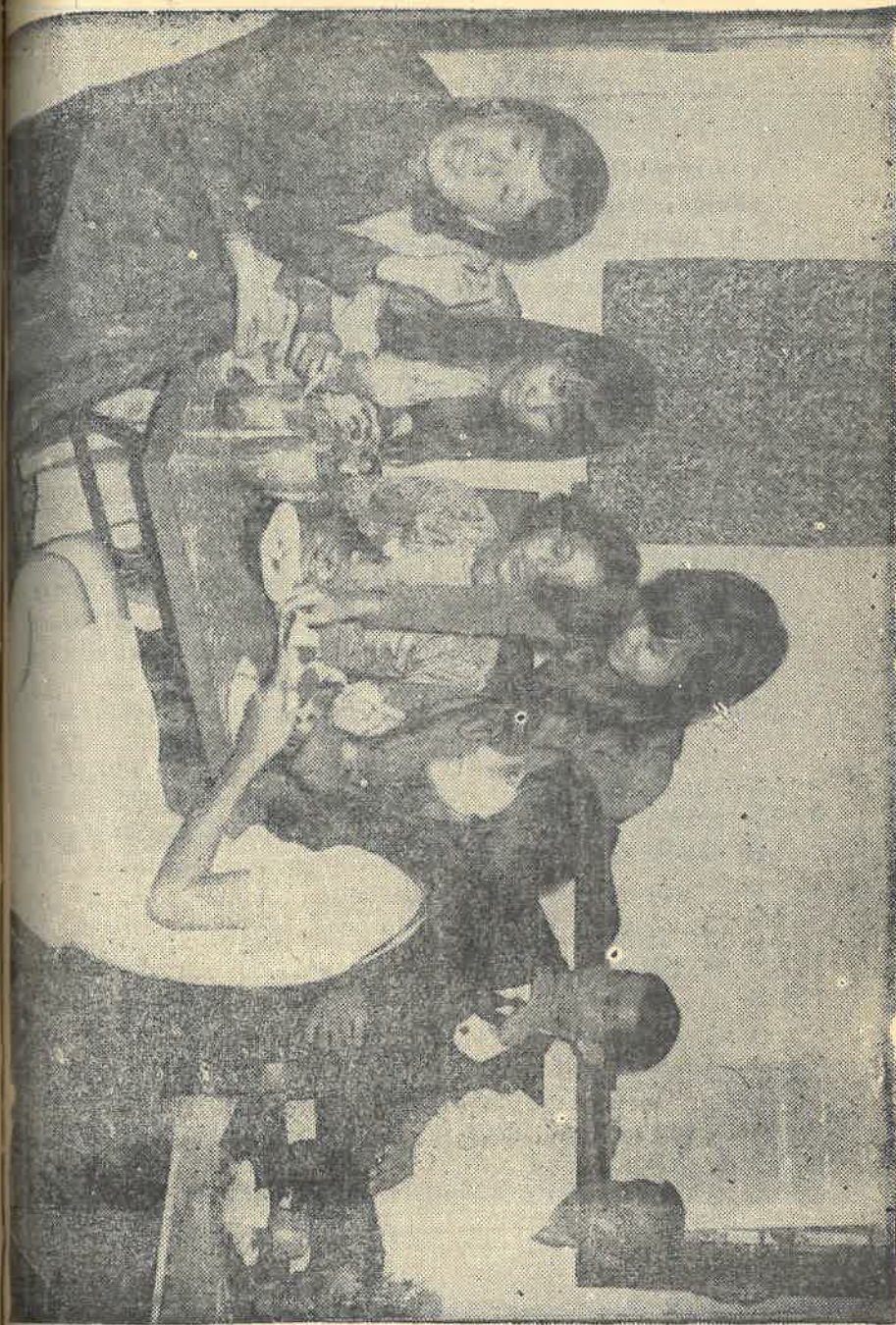
The opening ceremony was attended by the Rector, Dean, professors and students of Dalat University as well as many others. When asked by the Rector why they thought they would succeed, Miss Thu answered : «We know Saigon already has many coffee shops, but we want to set up an intellectual one. Besides, a all-coed coffee shop is an important factor in attracting guests. As for location, we think that if our shop has something special, guests will come to us.»

DALAT...

Answering a question by a guest about what she had learnt about business and why she chose this manner of practice, Miss Thu said : «We studied courses like business analysis, business management, accounting, statistics etc.. We are applying these things in the organisation and operation of this coffee shop which we think is a small business for practice. Some other students have had bigger plans such as animal food production, poultry and pig farm, restaurant, but could only take them only to the first step before having for various reasons including having to go to the army. We chose a coffee shop because it requires little capital and is easy to succeed. After this, who would stop us from going to another more important business ? We have to be realistic in business.»

In effect, Miss Thu and her friends have had tremendous success. The shop is crowded every night mostly by intellectuals, professors, students. Some said : «We have grown accustomed to the Dalat atmosphere. When we are too busy to come here, we cannot sleep for fear we have missed something.

Miss Thu told us that before going back to Saigon, she and her friends had only 2.000 piasters. With this first capital, she printed invitation cards and sold them as tickets to students, professors and even the Rector, getting back an important sum of money. With this, she had enough for the opening ceremony. The following days guests crowded «the co-ed shop» to see how the girl students operate. Then orders for home-made meals came in



continuously and the shop has had considerable profit. The students used this profit to expand and to decorate and buy more furnitures, etc...

The shop also used the «golden rule» of business : «the guest is the King». The co-eds always wear Vietnamese «áo dài» in serving and always keep their postures. They are always ready to talk friendly to every one about constructive things. Gradually, Dala atmosphere became a familiar one and many guests when seeing that it is too crowded, even served their own coffee, getting their own ice, as if in a family.

To keep and to attract more guests, the co-eds have other bright ideas. Every once in a while, they get other students to organize musical sessions. Another attraction is the classes for flower arrangement. Every day, the shop had all sort of beautiful flowers at every table.

One student Of Phu Tho Technical Center told us : «We come often to Dala. But one day we were welcomed more warmly. The owner Lê thi Thu told us that we were the 100 th table and she wanted to give us a souvenir to show appreciation for the guests' sentiments toward her shop.»

Last February, another method of advertisement was used. A festival to sell Saigon and Dalat students' own products was organized for a week right in the shop. Many celebrities came to the festival which was so successful that the profit exceeded 100 000 piasters. This profit was then given to social welfare organizations.

According to Miss Thu, Dala shop has applied not only what was taught in school but also the practical experiences obtained from practice sessions in Dalat and from experiences of other shops such as «L'EAU VIVE», a particularly successful shop by Sisters and 12, a shop by male students at Dalat.

She also talked to us about the difficulties they have met despite their efforts to serve everybody. Once in a while, there are «gangsters» coming to their shop. If they start brawls, it is considered that the shop has failed. Miss Thu said : «When we see these men coming, we are very anxious, but we try to keep calm. Depending on circumstances, we use words and acts which have psychological effects on them. So when they first come in, we go out and rearrange the chairs in order and act seriously. We also serve their table just as others so they see that they are also welcome. In case they start to talk loud, we turn up the music and cheerfully tell them that we have to do that so others can hear the music. Then they talk softer.»

Dala shop has many competitors among some 40, 50 coffee shops in Saigon. Some co-eds of National Institute of Administration have also come to study the Dala method to set up similar shops, but right at the beginning, they met with the problem of gangsters and had to close.

At present, Miss Thu, besides practicing at Dala, also engages in many student activities. She intends to go study abroad after graduation this year. If she stays in Viet-Nam she will get together with other girl students to open up many «Dala's» to make a «Dala Corporation».

Phổ-Thông

★ ★ ★ ★
★ ★ ★ ★
★ ★ ★ ★

năm thứ 12

Sức trẻ còn bơi, vẫn cứ bơi,
Mười hai năm lên thác xuống ghềnh chơi.
Vào thế-kỷ, trong lòng bàn tay ký-thác,
Trời đã trao, không khối được với Trời.
Đời ghét đời thương, đã biết lắm,
Mười thương một ghét cũng dư vui.
Được chút hồn mơ là thoải mái,
Bát nước lên men, còn vì t say vui.

★

Mười hai năm đã quá xa vời
Cánh hạc băng ra ngoài muôn khơi.
Văn-học Việt-Nam nặng trĩu hành lý
Trên đỉnh Thi-sơ cùng Văn-học người.
Hai thế-hệ, ngôi Sao không dời dời,
Tiếp-lục hành-trình không nghỉ-ngơi.
Mặt đất mọc đầy đầu-lâu xương trắng,
Qua thác qua ghềnh chép lời ca lên môi.

NGUYỄN-VỸ

★ ★ ★ ★ BỘ BIÊN-TẬP ★ ★ ★ ★

★ của PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ — NĂM THỨ XII ★

● NGUYỄN-VỸ

Xã-luận

Văn thơ V.N. và Thế-giới

Mình ơi

Thơ Lên Ruột

Đáp bạn b'n phương

Văn-hóa tổng-quát

Văn-học Việt-Nam

Văn-học Quốc-lẽ

Sử-ký Việt-Nam

» »

» »

Khảo-cổ

Nho-giáo

Truyện dịch ngoại-quốc

Văn-hóa Cham

Văn-hóa Miên, Lào

Phong-hóa Miên Trung

» Miên Nam

» Miên Bắc

Phê-bình sách

Sưu-tầm chuyện ngoại-quốc

» »

» »

Sinh-hoạt văn-ngệ miền Nam

● TÂN-PHONG

● BÀNG-BÁ-LÂN

● NGUYỄN-HIỆN-IÊ

● PHẠM-VĂN-SƠN

● ĐÔNG-TÙNG

● NGUYỄN-QUANG

● VƯƠNG-HỒNG-SÈN

● TRẦN-TUẤN-KHẢI

● VŨ-MINH-THIỆU

● JAYA PANRANG

● LÈ-HƯƠNG

● BÀ ÁI-LAN, CÔ LÊ-THỊ-THẢO

● BÌNH-NGUYỄN-LỘC

● CAO-NGUYỄN-LANG

● LAN-ĐÌNH

● GIANG-TÂN

● SĨ-NGUYỄN

● CHU-MINH-THUY

● HOÀNG-THẮNG

- CÔ PHAN-THỊ-THU-MAI *Sinh-hoạt trẻ*
- CÔ THƯƠNG-LÂM-TUYỀN *Sinh hoạt Đại-học, Trung-học*
- Giáo-sư NGUYỄN-QUANG-TÔ *Phóng-sự Hippy, Bụi-đời,*
Cao-học văn-chương
giáo-khoa
- BÀ TƯƠNG-PHỐ *Văn-học phụ-nữ*
- TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG " "
- TÍN-KHANH *Khảo-cứu Loài-vật*
- TRỌNG-TẤU *Trào-phúng*
- THU-MINH *Phóng sự thời đại*
- B.S. HOANG-MỘNG-LƯƠNG *Đông Tây Y.được*
- Quan-Tòa HUỖNH-KHẮC-DỤNG *Luật pháp*
- Tiến-sĩ VÕ-QUANG-YẾN (Paris) *Khoa-học Không-gian*
- Luật-sư DƯƠNG-BẢO (Paris) *Sinh-hoạt Việt-kiều ở Pháp*
- Giáo-sư NG-VĂN-CỒN (Paris) *Văn-hóa Pháp*
- NG-KHẮC- IẾN-TÙNG (Munich, Tây Đức) *Khoa-học*
chính-trị
- Sinh-viên NG-THỊ-DIỆU-PHƯƠNG (Grenoble) *Sinh.hoạt*
sinh-viên V.N. ở Pháp
- Sinh-viên NG-TRÍ-THIỆN (Genève) *Sinh hoạt S.V. ở*
Âu-Châu
- Sinh-viên NG-TẤN-PHƯƠNG (Texas) *Sinh-hoạt S.V.,*
ở Mỹ
- Thạc-sĩ PHÙNG-LÊ-ÁNH (Manila) *Lý-Hóa học*
- Sinh-viên LÊ-THỊ-Ố-TÂM (Tokyo) *Văn-hóa Nhật*
- Tiến-sĩ TÔN-NỮ THANH-NHUNG (California) *Văn-hóa*
Mỹ-châu

TÔNG PHÁT-HÀNH Việt-Nam và Ngoại-quốc :
NAM-CUỜNG — Saigon
